

## Thư tòa soạn

**S**au trận nóng khắc nghiệt trong mùa hè 2003 vừa qua, tại Pháp, 15000 người già đã qua đời vì thiếu người săn sóc trông nom, hàng 100 người chết không họ hàng thân thích nhận xác, tại Ý, con số có ít hơn nhưng cũng lên đến 8000 người.

Cả nước Pháp xôn xao. Dân biểu đổ lỗi cho chính phủ, chính phủ đổ lỗi cho bác sĩ, bác sĩ đổ lỗi cho ... nhưng tất cả mọi người bỗng ý thức rằng "thân phận già" trong xã hội ngày nay quả thực là cô đơn, mong manh. Nhưng chỉ ý thức vậy thôi, hay đúng hơn chỉ "tuyên bố ý thức" vậy thôi, phải tuyên bố vì dù sao "lá phiếu già" cũng còn là "lá phiếu". Ngọn gió mạnh xì-căng-đan thổi tới, hàng lau "ý thức" cong rạp xuống làn xào rên xiết, để rồi sau đó vươn dậy như chẳng có gì xảy ra. Tại Pháp, tại Đức, các đạo luật mới lại nối tiếp nhau ra đời, đẩy lùi tuổi hưu trí, giảm lương hưu trí và các hãng xưởng tiếp tục lăm le cho về vườn những ai có tội dám bước qua ngưỡng cửa 50 !

Trong các xã hội "man rợ" nghèo đói thời tiền sử, người già không chạy theo kịp bộ lạc bị bỏ rơi lại sau cho chết. Hình như cũng có nơi cho người già leo lên cây rồi mọi người xúm lại rung cây. Người nào bám chặt được thân cây, không rụng xuống mới được sống. Người nào hết sức ... thì ô hô !

Trong xã hội tiêu thụ giàu có ngày nay có lẽ hình thức có thay đổi, nhưng con người vẫn là con người, còn sức bám thì sống !

Buồn quá bạn nhỉ ! Thôi, để giải sầu mời bạn vào vườn Chim Việt chơi, có chút hồi tưởng, có chút vắn vưng, có đau khổ, nhưng cũng có cái vui, có cảnh đẹp.

Đời là khổ, nhưng ta cứ tìm cái vui trong cái khổ .

Cửa vườn Chim Việt 14 đã rộng mở.

Lê Văn Hảo dẫn đầu đón chào bạn với một bài điểm sách : [Đồng Khánh Địa Dư Chí, một tập đại thành địa lý học Việt Nam cuối Thế Kỷ XIX](#) . Đây là công trình lớn cuối cùng của Quốc sử quán hoàn thành vào đời Đồng Khánh (1886 - 1887) đã được Đông dương Thư khố (Toyo Bunko) của Nhật Bản xuất bản ở Tokyo vào tháng 7 - 1945 dưới nhan đề [Đồng Khánh ngự lãm địa dư chí đồ](#). Ngày nay, năm 2003, công trình này được dịch ra và xuất bản với tựa đề [Đồng Khánh Địa Dư Chí](#) , 3 tập, gồm bản nguyên văn chữ Hán - Nôm và các bản dịch Việt, Anh, Pháp, 2500 trang, khổ 32 X 25 cm và hơn 300 bản đồ.

Cùng một tác giả, bạn có thể xem tác phẩm " [Hùng Vương dựng nước](#) ". Lần này không có thêm chương mới, nhưng các chương cũ có tăng thêm hình ảnh, và Chim Việt đang chuẩn bị đưa thêm một số trang hoàn toàn gồm hình ảnh về trống đồng, tháp cổ, ... Xin kiên nhẫn chờ vài tuần nữa.

Mời bạn cùng Nguyễn Dư lần theo bước thăng trầm của lịch sử cái răng cái tóc dân ta, " [Cái răng cái tóc, một góc con người](#) " , khi phải đấu tranh để được cạo trọc như thời Trần, khi phải trỗi dậy để giữ tóc dài, răng đen như lời tuyên bố của Nguyễn Huệ:

*[Đánh cho để dài tóc](#)*

*[Đánh cho để đen răng](#)*

*[Đánh cho nó chích luân bất phản](#)*

*Đánh cho nó phiền giáp bất hoàn  
Đánh cho sử tri Nam quốc anh hùng chi hữu chủ  
(Lịch sử Việt Nam, sđd, tr. 353)*

Tủi hồ thay Lê Chiêu Thống đã phải gọt tóc , kết sam theo người Thanh.

Sơn Nam qua bài " [Thực chất và biến dạng của các món ăn Nam bộ](#) ", tả lại truyền thống ăn uống của người dân miền Nam. Ông bà tổ tiên ta, ngày xưa rời đất Bắc vào Nam khẩn hoang, đem theo phong tục cổ truyền, nhưng cũng đã phải hòa mình thích hợp với vùng đất đồng lầy của rùa rắn dơi chuột.

Phí Văn Chung đưa ta ngược lên thăm núi đồi miền Bắc, cùng các sắc dân, qua tập ảnh vùng [Chapa](#) .

Bộ ảnh của Hội Ảnh Nghệ Thuật Việt Nam , [Tuyển tập ảnh 2001](#) , giàu thêm hơn 30 tác phẩm, [Bộ Ảnh Peyrin :VN 1920-1930](#) của Nguyễn Dur tặng thêm 25 ảnh.

Ta bước vào vườn thơ. Xa quê, nhớ quê, làm sao tìm lại được những bóng hình vương vấn ? Bám vào hình ảnh trên " mạng lưới trời " ? bám vào dư ảnh của giấc mơ ? hay đuổi theo âm vọng của ký ức ? Xin mời đọc Vũ Quyên : [Hà Nội ơi - Có phải em về giữa chiêm bao](#) , Nguyễn Thế Tài : [11 chữ, ảnh hình xưa / có phải em về](#) , Nguyễn Hồi Thủ : [Những vì sao trong giòng Ngân Hà](#) , Tân Văn : [Vu Lan](#) . Ngô Tăng Giao dịch thơ của [Francis Carco : Vĩnh biệt](#) và [Pierre Ronsard : Khi nàng tuổi hạc](#)

[Nhân Mùa Hội Thơ](#) do Hội Val De Marne tổ chức , có mời hai nhà thơ Vi Thùy Linh và Thanh Thảo từ Việt Nam qua, Huỳnh Mạnh Tiên viết vội đôi hàng.

Nguyễn Nam Trân giới thiệu tác phẩm " [Nước Dòng Sông Cái](#) " của Akutagawa Ryunosuke. "*Nước Dòng Sông Cái có nhiều chi tiết khiến người ta nghĩ nó là thiên tự truyện nhưng thật ra cái duyên dáng của đoạn văn hàm chứa trong sự mơ hồ bàng bạc của những chi tiết ấy. Cái mơ hồ bàng bạc ở đây ta từng tìm được trong [Tôi Đi Học](#) của Thanh Tịnh, [Phân Thông Vàng](#) của Xuân Diệu hay Chơi Giữa Mùa Trăng của Hàn Mặc Tử, đọc thuở thiếu thời.*"

Cái mơ hồ bàng bạc đó, ta cũng thấy trong " [Bỏ Trường Mà Đi](#) " của Chế Lan Viên được Trúc Huy dịch sang tiếng Pháp " [École de mon âme, demain je serai séparé de toi !](#) ", tiếng Anh " [School of my heart, tomorrow I will be separated from you !](#) ". Những bản dịch dựa theo nguyên bản tiếng Việt trích từ tập Vàng Sao , in năm 1942. Bản tiếng Việt chúng tôi đăng nơi đây do cô Tuyết Mai gởi tặng, Chế Lan Viên có sửa đổi và thêm ít đoạn mới. Do đó, giữa bản chữ Việt được đăng và các bản chữ Anh, Pháp có đôi chút khác biệt.

Đinh Văn Phước giới thiệu một tác phẩm khác của Akutagawa Ryunosuke, " [Chiếc Xe Goòng](#) ", được sáng tác vào năm 1922, mô tả ký ức của một đứa bé mới lên tám.

Cũng trong không gian của ký ức , Võ Hồng với tác phẩm " [Nửa chữ cũng Thầy](#) " nhớ lại những ngày tháng ấu thơ trên ghế nhà trường, bác sĩ Nguyễn Lưu Viên gợi lại lúc sơ thời của ngành Tây Y tại xứ ta qua bài " [Vài kỷ niệm của một cựu sinh viên trường thuốc Hà Nội](#) ".

Rời thế giới của mộng mơ, của hồi tưởng, ta gặp những kẻ khốn cùng như [Lão Hạc](#) của Nam Cao, chịu chết để giữ vốn cho con ngày nào đó sẽ rời kiếp phu đồn điền cao xu trở về, như [Nhà Me Lê](#) của Thạch Lam, người đàn bà góa bụa tần tảo tuyệt vọng nuôi đàn con thơ dại, hay những kẻ dờ sống dờ chết trong các trại tù qua tác phẩm " [Trong Đêm Khuya](#) " của Varlam Shalamov được Ngô Tăng Giao chuyển ngữ.

Cuộc sống thường nhật trong một chung cư tại xứ ta ngày nay tuần tự diễn ra qua trích đoạn "[Mèo đến](#)" của Trần Văn Tuấn.

Sang trang Văn học, cuộc tranh luận của thế hệ 1932 đã bước vào giai đoạn quyết liệt với các bài "[Vu Ân Thơ Cũ Thơ Mới](#)" , "[Mắt Trần Bình Thơ Mới](#)" của Giáo sư Thanh Lăng (Phê bình văn học thế hệ 1932 )

Huỳnh Ái Tông tiếp tục xem lại "[Các công trình văn học quốc ngữ miền Nam](#)" , đi vào tiết 4 - Truyện Tàu, tiết 5 - Tiểu thuyết.

Trên đường theo dấu chân Phật, Nguyễn Tường Bách đã rời Ấn Độ đặt chân tới [Trung Quốc Xứ sở của Bồ Tát](#) (Mùi Hương Trầm)

Để kết thúc, mời bạn tìm gặp các tác giả quốc ngữ đầu tiên của xứ ta [Trương Vĩnh Ký \(1837-1898\)](#) , [Huỳnh Tịnh Của \(1834-1907\)](#) , [Trương Minh Ký \(1855-1900\)](#) và nữ sĩ [Nguyễn Thị Minh Mạnh \(1914-?\)](#) một trong những phụ nữ đầu tiên đứng ra tranh đấu cho nữ quyền cũng như mở đường cho lối thơ mới.

*Chưa, chưa kết thúc !* Gần giữa tháng 12, bạn Nguyễn Quý Đại bỗng đem tặng vườn Chim Việt một đóa hoa [Mùa Vọng và Giáng Sinh](#) . Khi nhận được hoa, thường lệ để lần sau mới trưng, nhưng đang mùa Noel , bài viết về Noel mà đem cất đi chờ sang Tết thì vô duyên quá, vậy thế xin thêm ...

**Chim Việt Cảnh Nam (\*)**

-----  
(\*)1 - Chim Việt cảnh Nam, lấy từ chuyện Chim Trĩ , do vua Việt ở phương Nam tân cống cho vua nhà Chu (Chu Thành Vương). Chim chọn cảnh phía Nam để làm ổ . "Việt điều sào nam chi" (Sào là làm tổ chim) , ý nói nhớ quê hương phía Nam.

2 - Ngựa Hồ hí gió Bắc , là chuyện ngựa của rợ Hồ (Mông Cổ) dâng cho vua Hán Vũ Đế , khi gió Bắc thổi, thì hí lên "Hồ mã tê bắc phong", ý nói nhớ quê, phương bắc.

**Đồng Khánh Địa Dư Chí,**  
**một tập đại thành địa lý học Việt Nam cuối Thế Kỷ XIX**  
**vừa mới ra mắt năm nay**  
**Lê Văn Hảo**

**Q**uốc sử quán triều Nguyễn do Minh Mạng sáng lập năm 1821, hoạt động đến cuối thế kỷ XIX, có thể xem là Viện Sử học - Địa lý học quốc gia đầu tiên của nước ta. So với thư tịch sử địa các triều trước, nó đã đóng góp cho khoa học nhân văn những công trình quan trọng nhất :

Từ *Đại Nam thực lục, Đại Nam liệt truyện, Khâm định Việt sử thông giám cương mục, Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ cho đến Đại Nam nhất thống chí, Minh Mạng chính yếu, Tự Đức thánh chế ...* (mà Nhà xb Khoa học Xã hội và nhà xb Thuận hóa đã công bố bản dịch).

Ít ai ngờ rằng công trình lớn cuối cùng của Quốc sử quán hoàn thành vào đời Đồng Khánh (1886 - 1887) đã được Đông dương Thư khố (Toyo Bunko) của Nhật Bản xuất bản ở Tokyo vào tháng 7 - 1945 dưới nhan đề *Đồng Khánh ngự lãm địa dư chí đồ*, 2 tập, với lời giới thiệu của nhà sử học Yamamoto.

Phải đợi đến 58 năm sau (2003) công trình này mới được dịch và xuất bản tại Việt Nam dưới nhan đề *Đồng Khánh Địa Dư Chí* (ĐKĐDC).

Được sự quan tâm của nhiều cơ quan Việt Nam và quốc tế (Viện Viễn Đông Bác cổ Pháp, Trung tâm Viễn Đông Bác cổ Pháp tại Hà Nội, Nhóm nghiên cứu Bán đảo Đông Dương thuộc Trường Cao học Thực hành Paris, Quỹ Ford của Hoa Kỳ tại Việt Nam, Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia Việt Nam ... ; do công sức và tài năng của nhiều nhà khoa học Việt Nam và quốc tế, người Việt Nam có thể tự hào và các nhà nghiên cứu, nhà văn hóa có niềm vui " *Cảo thơm lần giở trước đèn* " vì được tiếp xúc với một công trình khoa học nhân văn đồ sộ dày khoảng 2500 trang, khổ 32 X 25 cm.

Đó là *Đồng Khánh Địa Dư Chí*, 3 tập, gồm bản nguyên văn chữ Hán - Nôm và các bản dịch tiếng Việt, Anh, Pháp, nhà xuất bản Thế Giới, Hà Nội, 2003.

Soạn giả chính : Ngô Đức Thọ, Nguyễn Văn Nguyên, Philippe Papin.

Ban biên tập 6 người, ban dịch thuật nhiều người.

**Tập I (văn bản), LXXV VIII + 1084 trang , gồm**

Lời cảm ơn, Giải pháp, nguyên tắc và qui ước dùng trong bộ sách, Từ vựng các đơn vị đo lường, Tài liệu tham khảo và bản chữ viết tắt, Lời giới thiệu *ĐKĐDC Thư tịch địa lý học cuối thế kỷ XIX*, kèm bản dịch tiếng Anh, tiếng Pháp;

Phần giới thiệu các tỉnh Hà Nội, Hải Dương, Hưng Yên, Nam Định, Quảng Yên, Bắc Ninh, Lạng Sơn, Cao Bằng, Hưng Hóa, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Sơn Tây, Ninh Bình.

Tổng mục lục bộ sách.

**Tập II (văn bản), 958 tr., gồm**

Phần giới thiệu các tỉnh Thanh Hóa Nghệ An, đạo Hà Tĩnh, tỉnh Quảng Bình, đạo Quảng Trị, phủ Thừa Thiên;

Bản dịch tiếng Anh, Pháp phần giới thiệu các tỉnh từ Hà Nội đến Thừa Thiên.

Bản tra cứu bằng tiếng Việt theo thứ tự abc, bản tra cứu tiếng Hán - Nôm theo thứ tự số nét của chữ bao gồm toàn bộ các danh từ địa lý, nhân vật, công trình kiến trúc, di tích lịch sử ...

**Tập III (bản đồ), 312 tr. gồm**

20 bản đồ hiện đại của Việt Nam và các tỉnh, kèm theo 278 bản đồ tỉnh, phủ, huyện in sáu màu cỡ 32 X 24 cm thuộc 19 tỉnh từ Hà Nội đến Thừa Thiên.

Trong lời giới thiệu *ĐKĐDC, Thư tịch địa lý học cuối cùng cuối thế kỷ XIX*, nhà sử học Hán Nôm học Ngô Đức Thọ đã kiểm kê lại đầy đủ thư mục phong phú của địa lý học Việt Nam thời đại quân chủ từ *Nam Bắc phiên giới địa đồ* thời Lý đến *Đại Nam nhật thống chí* đời Tự Đức và *Đồng Khánh Sắc chế ngự lãm* đời Đồng Khánh. Đầu thế kỷ XX, Viện Viễn Đông Bác cổ đã sao chép bộ sách ngữ lãm cuối cùng này của Quốc sử quán, sau đó nó được xuất bản tại Nhật Bản vào năm 1945, được dịch ra tiếng Việt, Anh, Pháp và xuất bản tại Việt Nam năm 2003, như đã nói trên, dưới nhan đề ĐKĐDC.

Nguyên bản ĐKĐDC (sách chép tay của Viện Hán Nôm ký hiệu A537) là một bộ sách Hán - Nôm đồ sộ gồm 25 tập (mỗi tập riêng một tỉnh từ Hà Nội đến Bình Thuận, tổng cộng 2832 trang giấy lệnh hội (38 X 27 cm) kèm theo 314 bản đồ khổ lớn (trung bình là 45 X 35 cm). Đây là các tập tâu (tấu sách) của các quan đầu tỉnh " kính tuân lời (vua) phê, biên vẽ bản đồ tiến trình ". Các tập tâu được chuyển về triều đình, được tàng trữ tại Quốc sử quán. Nội dung mỗi tập gồm các mục :

- Tỉnh thành hoặc phủ, huyện thành giới thiệu chung địa điểm đặt lỵ sở (tỉnh, phủ, huyện), vị trí của tỉnh phủ huyện giáp giới những tỉnh phủ huyện nào, khoảng cách đông tây bắc nam cách nhau bao nhiêu dặm;
- Danh sách các cấp hành chính trực thuộc (tỉnh : kê đến phủ, huyện; phủ : kê đến huyện, tổng; huyện : kê đến tổng, xã, thôn, phường, giáp, trại, ấp, lý);
- Thành trì : địa điểm, cách xây dựng thành lũy, cổng thành, tường thành, các ụ súng, đài quan sát ..., Đồn lũy;
- Binh : số lính tuyển, lính mộ, lính tuần thành ... ;
- Dân : số dân đinh;
- Thuế : thuế cả năm nộp bằng tiền, bằng thóc, bằng sản phẩm;
- Đền miếu
- Phong tục
- Sản vật
- Khí hậu
- Sông núi
- Danh thắng
- Đường đi

Ở mỗi tập, sau phần giới thiệu chung toàn tỉnh có kèm theo bản đồ toàn tỉnh, là phần giới thiệu ghi chép về từng phủ, huyện, kèm theo bản đồ của từng phủ, huyện. ĐKĐDC có tất cả 314 bản đồ kích thước không đều nhau (khoảng từ 36 X 29 cm đến 51 X 38 cm) vẽ trên lụa trắng và được dùng thêm 6 màu : màu đỏ (vẽ đường đi), màu xanh nước biển (vẽ biển), màu xanh nhạt (vẽ sông ngòi), màu xanh lá cây (vẽ núi), màu nâu nhạt (vẽ thành trì), màu cỏ úa (để phân biệt các vùng đất ngoài địa hạt).

Tất cả các bản đồ đều ghi bằng chữ Hán, Nôm.

Ví dụ ở bìa tập 1 của ĐKĐDC, mặt trước và mặt sau, ta có thể thấy :

- bản đồ huyện Chương Đức (tỉnh Hà Nội)
- bản đồ huyện Thạch An (tỉnh Cao Bằng)

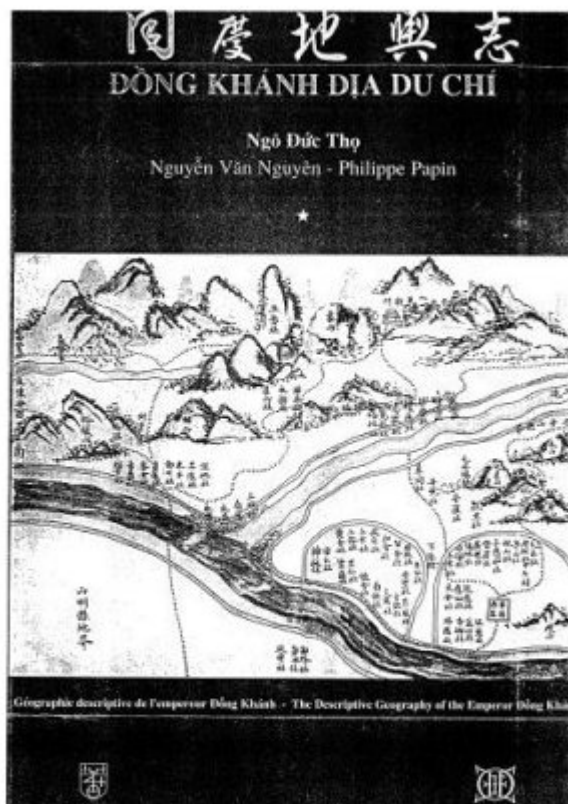
Ở bìa tập 2 của ĐKĐDC, mặt trước và mặt sau :

- bản đồ huyện Kỳ Anh (đạo Hà Tĩnh)
- bản đồ huyện Hương Khê (tỉnh Nghệ An)



Ở bìa tập 3 của ĐKĐDC, mặt trước và mặt sau :

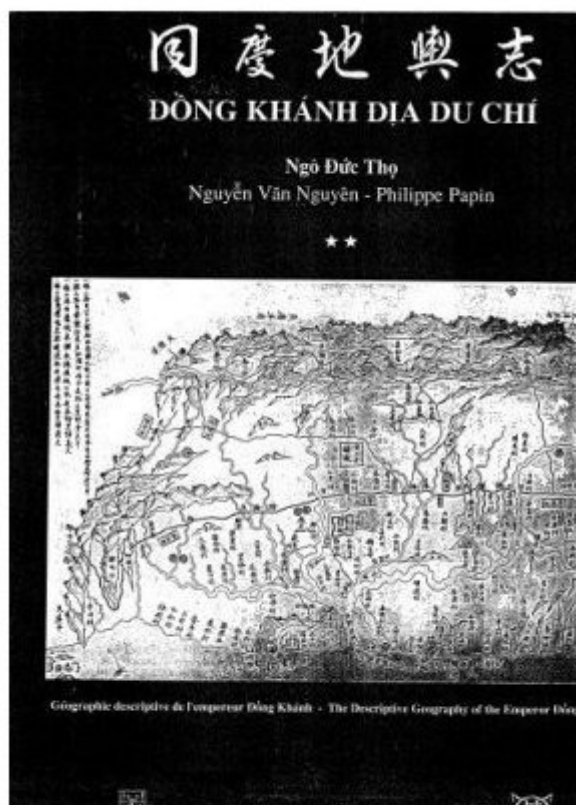
- bản đồ phủ Gia Hưng (tỉnh Hưng Hóa)
- bản đồ phủ Từ Sơn (tỉnh Bắc Ninh)



ĐKĐDC tập I - bản đồ huyện Chương Đức  
(tỉnh Hà Nội) cuối thế kỷ XIX



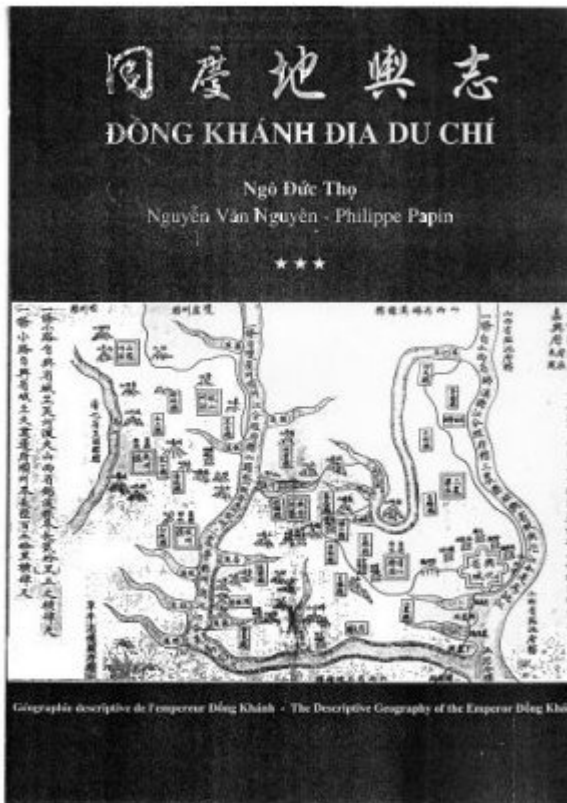
ĐKĐDC tập I - bản đồ huyện Thạch An  
(tỉnh Cao Bằng) cuối thế kỷ XIX



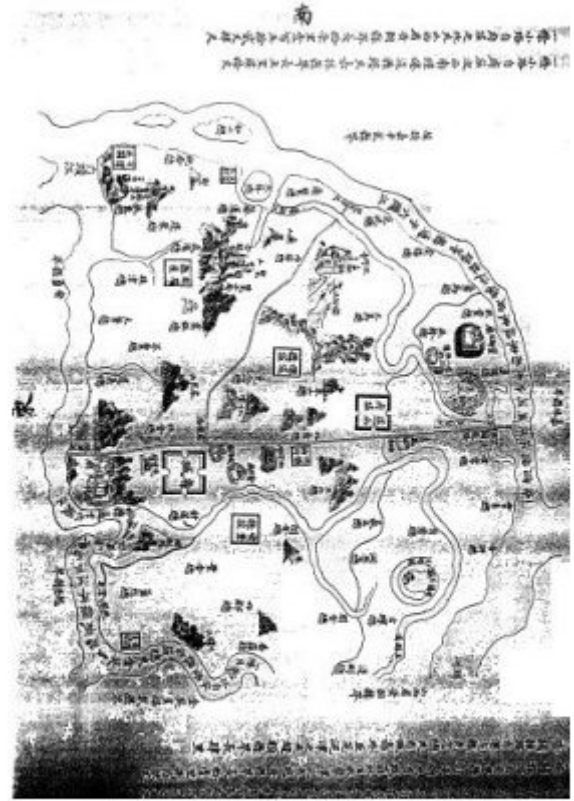
ĐKĐDC tập II - bản đồ huyện Kỳ Anh  
(đạo Hà Tĩnh) cuối thế kỷ XIX



ĐKĐDC tập II - bản đồ huyện Hương Khê  
(tỉnh Nghệ An) cuối thế kỷ XIX



ĐKĐDC tập III - bản đồ phủ Gia Hưng  
(tỉnh Hưng Hóa) cuối thế kỷ XIX



ĐKĐDC tập III - bản đồ phủ Từ Sơn  
(tỉnh Bắc Ninh) cuối thế kỷ XIX

KĐDC bộ sách đồ sộ, khoảng 2500 trang khổ lớn kèm theo hơn 300 bản đồ (32 X 24 cm), ra đời trong hoàn cảnh nào ?

Chúng ta biết vào đời Tự Đức (1847-1883) lãnh thổ nước Đại Nam gồm đủ 31 tỉnh từ Cao Bằng đến Hà Tiên, nhưng đến đời Đồng Khánh (1886-1887), thực dân Pháp đã đoạt chiếm của ta 6 tỉnh từ Nam Bộ nên chủ quyền triều Nguyễn chỉ còn 25 tỉnh *từ Cao Bằng đến Bình Thuận*, ĐKĐDC đã phản ánh tình hình mất nước, mất toàn vẹn lãnh thổ ấy (Nam Bộ chịu chế độ thuộc địa, Bắc Bộ, Trung Bộ kể cả triều đình Huế chịu chế độ bảo hộ sau hiệp ước 1884 và sự biến thất thủ kinh đô 1885); ĐKĐDC chỉ chứa đựng phần giới thiệu 25 tỉnh cùng các phủ huyện trực thuộc và 314 bản đồ các tỉnh phủ huyện *từ Cao Bằng đến Bình Thuận*.

Ở lần xuất bản này, ĐKĐDC chỉ giới thiệu 19 tỉnh *từ Hà Nội đến Thừa Thiên*, phần 6 tỉnh còn lại (Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Bình Thuận) chắc sẽ được xuất bản ở lần sắp đến nếu không có một chương ngại vật nào chen vào giữa văn hóa, khoa học và chính trị.

Có trong tay ĐKĐDC phản ánh tình hình lịch sử, địa lý và xã hội Việt Nam đời Đồng Khánh, chúng ta không thể không so sánh nó với bộ sách đồ sộ khác của Quốc sử quán được hoàn thành trước nó vào cuối đời Tự Đức: *Đại Nam nhất thống chí* (ĐNNTC).

Năm 1865, Tự Đức ra lệnh cho Quốc sử quán biên soạn ĐNNTC, một công trình sử địa theo thể thức bộ Nhất thống chí của nhà Thanh (Trung Quốc). Mười bảy năm sau Quốc sử quán hoàn thành bản sơ thảo ĐNNTC (vào khoảng năm 1882), nhưng Tự Đức xem xong chưa hài lòng nên chưa cho khắc in. Bản sơ thảo này đã được Viện Viễn Đông Bác cổ Pháp sao chép và sau đó bản dịch ĐNNTC của Viện sử học được xuất bản tại Hà Nội (1970-1971).

Đọc hai bản dịch ĐNNTC và ĐKĐDC, chúng ta thấy nhiều điều đáng chú ý :

1. ĐNNTC đời Tự Đức phản ánh đầy đủ tình hình lịch sử, địa lý xã hội nước Đại Nam giữa thế kỷ XIX với một lãnh thổ toàn vẹn gồm 31 tỉnh từ Cao Bằng đến Hà Tiên, trong khi ĐKĐDC phản ánh tình hình một nước Đại Nam mất độc lập mất chủ quyền trên một lãnh thổ chỉ còn 25 tỉnh từ Cao Bằng đến Bình Thuận (triều đình Huế chỉ còn là một bù nhìn của thực dân Pháp.)

2. ĐKĐDC hoàn thành vào những năm 1886-1887 để dâng vua ngự lãm là một bộ sách đồ sộ không thể được biên soạn đời Đồng Khánh (thời gian quá hạn hẹp so với một nội dung phong phú đến thế) mà *nó đã được biên soạn từ cuối đời Tự Đức đến đầu thời Đồng Khánh* dựa trên những hồ sơ quan trọng của Quốc sử quán :

- bản sơ thảo ĐNNTC (hoàn thành vào năm 1862);
  - *Đại Việt địa dư toàn biên* của Nguyễn Văn Siêu (soạn xong vào khoảng năm 1882);
  - *Đại Nam cương giới vừng biên* của Hoàng Hữu Xứng (soạn xong vào năm 1886)
- và nhất là :

- các *tập tâu* của các quan đầu tỉnh giới thiệu tình hình các tỉnh, phủ, huyện, kèm theo bản đồ, được gửi về triều đình trong những năm cuối đời Tự Đức, đầu đời Đồng Khánh.

Điều đó giải thích sự phong phú về nội dung của ĐKĐDC, công trình lớn cuối cùng của Quốc sử quán triều Nguyễn bên cạnh công trình lớn khác là ĐNNTC hoàn thành 4 năm trước (1882).

3. Được biên soạn nhiều năm sau ĐNNTC, ĐKĐDC có những ưu điểm và những đặc sắc so với ĐNNTC.

ĐNNTC là một *bộ địa dư chỉ lấy cấp tỉnh làm cơ sở biên soạn*. Các mục như địa giới, hình thế khí hậu, thành trì, trường học, số hộ khẩu, số binh lính, thuế ruộng đất, sông núi, phong tục, thổ sản v.v... đều viết chung về cả tỉnh.

Còn ĐKĐDC lại là một *bộ địa dư chỉ lấy cấp phủ và huyện làm cơ sở biên soạn, mô tả*. Mỗi phủ, huyện đều là tiêu đề của một chương mục riêng. ĐKĐDC đã trình bày tỉ mỉ về tình hình các phủ, huyện: địa giới, hình thế, thành trì, dân, binh, thuế, phong tục, sản vật, khí hậu, sông núi, đường đi v.v. ... gồm rất nhiều chi tiết không có trong ĐNNTC.

4. ĐNNTC tuy có một số tư liệu, điều tra, thống kê (số làng xã trong từng huyện, số hộ khẩu, ruộng đất ...) nhưng chủ yếu là thiên về nội dung khảo cứu lịch sử, còn *ĐKĐDC lấy đương đại là nội dung chính* : vị trí, tình thế được miêu tả kỹ lưỡng hơn, thành tỉnh, phủ huyện được miêu tả tỉ mỉ, các mục nhân đình điền thổ có các số liệu chi tiết, phong tục tập quán các tỉnh đồng bằng nhiều vùng có những nét tương đồng, nhưng các xã gần biển, gần núi đều có được những ghi chép riêng biệt, nhất là ở các địa phương miền núi có cả người Việt và các dân tộc thiểu số thì sự miêu tả phong tục tập quán khá cụ thể, chi tiết, sinh động, có giá trị về điều tra dân tộc học, xã hội học.

Ví dụ, khi mô tả về các dân tộc thiểu số trong ba huyện ki mi ở miền núi tỉnh Thanh Hóa (huyện Trình Cốc, Man Duyệt và Sầm Da) ĐKĐDC chép :

" (Ở huyện Trình Cốc) trong hạt thuần là người Man Nùng (người Mường ?) giọng nói lú lo, phải có người phiên dịch mới có thể hiểu được (...) Ở Mường Hạng Sơn có chùa, trong chùa có sư, tục gọi nhà sư là *chu hô*. Gọi quan huyện là *phì trưởng*. Khi phì trưởng chết thì gươm giáo khí giới đem nạp hết cho chu hô, đến khi con trai người ấy được lập nối chức thì sẽ lên chùa chuộc lại. Khi chu hô chết tiền bạc trong chùa có bao nhiêu phải nạp hết cho phì trưởng. Sau có người kế tục làm chu hô thì sẽ giao lại y nguyên số tiền.

Mỗi năm đến kỳ tháng 2 thì chu hô sau phải làm lễ cúng cho chu hô trước. Các nhà dân sở tại đều đem tiền bạc đến chùa để tặng gọi là *lễ ngân chu*. Hôm đó dân chúng lũ lượt lên chùa xem lễ hội, có khi đốt pháo thăng thiên, người nào có pháo lên cao thì vui mừng được sự tốt lành, người nào pháo thấp thì chán nản.



Lại hàng năm vào tháng 3, phò trưởng cùng dân chúng gái trai lên chùa nghe giảng kinh một đêm đến sáng mới về. Tháng đó có *lễ tắm gội chu hô*. Trong tháng ấy đàn bà con gái hể thấy đàn ông con trai đi gần sông thì vốc nước té cho ướt hết quần áo, cho như thế mới là yêu quý nhau " (ĐKĐDC, tập II, tr. 115)

Bên cạnh hàng trăm tư liệu dân tộc học, xã hội học như thế ĐKĐDC, lần đầu tiên, đã cung cấp cho chúng ta một hệ thống hàng ngàn *địa danh xã, thôn, phường, giáp, trại đến cấp huyện* của 25 tỉnh nước Đại Nam cuối thế kỷ XIX, thì đó đã là một đặc điểm và một ưu điểm mà *Đại Nam nhất thống chí* và các công trình địa dư chí khác không có.

Nhà sử học và Hán Nôm học Ngô Đức Thọ trong bài giới thiệu ĐKĐDC dài 12 trang (tập I, tr. XXV - XXXVI) đã nêu rõ giá trị học thuật của ĐKĐDC, bước tiến đáng kể trong phương pháp biên soạn của ĐKĐDC so với các sách địa dư chí từ ĐNNTC trở về trước, một phương pháp biên soạn đã đòi hỏi cả một mạng lưới những người tham gia điều tra, biên soạn từ các quan tỉnh, phủ, huyện đến nhà nho các xã thôn phường giáp và cuối cùng là các sử quan ở Quốc sử quán.

Chính nhờ những công trình sử địa lớn của Quốc sử quán, trong đó nổi bật lên ĐNNTC và ĐKĐDC, mà chúng ta có được một cái nhìn về lịch sử và tình hình kinh tế xã hội nước ta dưới triều Nguyễn nói riêng và chế độ quân chủ nói chung.

Các soạn giả, dịch giả của ĐKĐDC cũng đã cung cấp cho chúng ta hàng trăm *chú giải* về địa lý lịch sử, về văn bản học, về một số rất lớn các từ ngữ Hán Nôm, về tên thực vật động vật, ngành nghề thủ công ở các mục phong tục, sản vật, khí hậu, v.v... bằng cách tra cứu tham khảo các công trình khoa học quý báu của cha ông từ *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi đến các thư tịch của Quốc sử quán (*X. Bảng kê các tài liệu tham khảo*, t. I, tr. XXIII - XXIV).

Đặc biệt các soạn giả còn cung cấp cho chúng ta lần đầu tiên một *từ vựng các đơn vị đo lường*: đơn vị đo chiều dài (*dặm, trượng, thước, tấc ...*), đơn vị đo diện tích (*mẫu, sào ..., hào, hốt*), đơn vị đo trọng lượng (*hộc, bát, thăng, ..., lạng, nhúm, que*), đơn vị đo đếm dùng tính thuế (*bó, vò, phiên, ...*) đơn vị tiền tệ (*lạng, quan, tiền ...*), đơn vị đo trọng lượng và thể tích (*cân, lạng, tiền ...*), đơn vị hành chính (*lộ, trấn, quận, ..., dinh, châu, nguồn*).

Nhờ sự hợp tác quốc tế tốt đẹp, *Đồng Khánh Địa Dư Chí* đã được xuất bản, dù chưa phải là một công trình trọn vẹn toàn bích giới thiệu được 31 tỉnh của vương quốc Đại Nam, vẫn có thể xem là một nét son của khoa học nhân văn Việt Nam đầu thế kỷ XIX.

Tháng 11 -2003  
Lê Văn Hảo



# Hành Trình Về Thời Đại HÙNG VƯƠNG DƯNG NƯỚC

Lê Văn Hảo

- [. Mở đầu : Thời Đại Hùng Vương , Nghiên cứu khoa học và tự hào dân tộc](#)
- [. Chương I : Từ trong mây mù huyền thoại đến hiện thực lịch sử](#)
- [. Chương II : Hành hương về đất Tổ](#)
- [. Chương III : Khởi nguồn truyền thống , Thống nhất và văn minh](#)
- [. Chương IV : Đi tìm dấu vết một thời đại trên những di tích khảo cổ](#)
- [. Chương V : Bên bờ sông Hồng, sông Mã : Chứng tích của nền văn hoá Đông Sơn rực rỡ](#)
- [. Chương VI : Ngắm nghía và suy nghĩ về văn vật kỳ diệu của thời đại dựng nước : những chiếc trống đồng Đông Sơn](#)
- [. Chương VII : Thiên nhiên thời đại dựng nước](#)
- [. Chương VIII : Thăm lại làng xưa cha cô cách đây hàng nghìn năm](#)
- [. Chương IX : Cuộc sống đầm ấm của gia đình người Việt cổ](#)
- [. Chương X : Nếp phong tục thuần phác cổ xưa](#)
- [. Chương XI : Hội làng thời Hùng Vương](#)
- [. Chương XII : Những người nghệ sĩ tạo hình tài hoa](#)
- [. Chương XIII : Thần thoại và truyền thuyết anh hùng Việt cổ](#)
- [. Chương XIV : Tín ngưỡng và tư duy người xưa](#)
- [. Chương XV : Khởi nguồn truyền thống thượng võ của dân tộc](#)
- [. Chương XVI : Bản anh hùng ca dựng nước xây thành chống ngoại xâm của vua Thục An Dương Vương](#)
- [. Chương XVII : Bà Trưng khởi nghĩa lập chiến công oanh liệt ngàn thu](#)
- [. Chương XVIII : Lời tam kết](#)

\*\*\* Hành trình về thời đại Hùng Vương dựng nước qua hình vẽ trên Trống đồng \*\*\*

## MỞ ĐẦU

### THỜI ĐẠI HÙNG VƯƠNG : NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ TỰ HÀO DÂN TỘC

**T**ừ 1959 đến nay, nghiên cứu thời đại Hùng Vương dựng nước là một công trình khoa học lớn:

- Đã phát hiện, thăm dò, khai quật phân tích hơn 200 di chỉ khảo cổ .
- Đã tổ chức 4 hội nghị khoa học chuyên đề (1969-1971). Đã xuất bản:

**. Thời đại Hùng Vương** (nhiều tác giả), nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, 1971 (tái bản 1975), 271 trang. Giải thưởng Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam (đã in lại tại Pháp, Nhật, Ca-na-đa).

**. Hùng Vương dựng nước** (nhiều tác giả), nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, 4 tập, 1970-1974, 1460 trang. Giải thưởng Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam.

**. Những trống đồng Đông Sơn đã phát hiện ở Việt Nam** (nhiều tác giả), viện bảo tàng lịch sử xuất bản, Hà Nội, 1975 v.v...

-Đã triển khai các cuộc triển lãm lớn: "Thời đại dựng nước và giữ nước đầu tiên" tại viện Bảo tàng lịch sử và tại nhà Bảo tàng Đền Hùng, triển lãm lưu động về thời đại Hùng Vương tại thành phố Hồ Chí Minh, Huế và nhiều tỉnh, thành phố, thị xã khác trong cả nước.

\*\*\*

Những thành tựu đầu tiên của khảo cổ học ở các tỉnh phía Nam ở các di chỉ nổi tiếng như Sa Huỳnh (Quảng Ngãi), Dốc Chùa (Sông Bé)... đang góp phần thôi thúc các nhà nghiên cứu trở lại một lần nữa, ra sức tìm hiểu văn minh và lịch sử thời các vua Hùng. Đúng là mọi vấn đề của cuộc sống đến lúc chín muồi thì tự nó đòi hỏi phải được đặt ra, được giải quyết, và có sẵn điều kiện để giải quyết. Giới khoa học lịch sử Việt Nam hiện nay chủ trương một lần nữa tập trung lực lượng đẩy mạnh công tác nghiên cứu tìm hiểu sâu sắc thêm thời đại lịch sử các vua Hùng dựng nước là đáp ứng một yêu cầu phát triển khoa học nội tại.

**Lê Văn Hảo**  
Nguyên hội viên Hội Á Châu Paris

## CHƯƠNG I

### TỪ TRONG MÂY MÙ HUYỀN THOẠI ĐẾN HIỆN THỰC LỊCH SỬ

**L**iên tiếp trong mấy chục năm ròng, giới khoa học lịch sử Việt Nam, đã tập trung nhiều cố gắng để xem xét lại hàng loạt vấn đề về thời đại Hùng Vương bấy lâu nay chưa sáng rõ.

Hàng trăm công trường khảo cổ đã được mở ra trên khắp mọi miền đất nước.

Chỉ riêng miền Trung du và phía bắc châu thổ sông Hồng - nơi mà sử cũ và truyền thuyết gọi là đất Văn Lang hay Phong Châu - địa bàn của các vua Hùng, đã phát hiện được hàng trăm di tích, địa điểm cư trú, mộ táng, "công xưởng", nơi chôn dấu tài sản, cùng hàng vạn di vật của tổ tiên.

Hàng nghìn di tích tín ngưỡng và phong tục cổ liên quan đến thời Hùng Vương cũng đã được kiểm kê, sưu tầm để gắng xuyên qua hư ảo mà nhận diện hiện thực của quá khứ.

Hàng nghìn trang văn trong kho sử cũ cũng được lật lại, soi rọi bằng những cách nhìn mới.

Hàng trăm sáng tác dân gian về thời Hùng Vương cũng được ghi chép thêm, phân tích lại để tìm cái lõi cốt của sự thực lịch sử náu mình sau mây mù huyền thoại.

Tiếng nói và tên gọi con người, sự việc, đất đai, sông núi ... được bảo lưu trong ngôn ngữ cận hiện đại hoặc trong tư liệu cổ cũng được huy động, tìm tòi để khôi phục lại những âm thanh, ngôn từ của tổ tiên cùng ý nghĩa, giá trị của nó.

Hàng trăm bộ xương, đầu sọ của người cổ được lòng đất gìn giữ cũng đã được khai quật, đo, tính, để tìm lại hình hài, loài giống của tổ tiên.

Sau cùng, nhiều ngành khoa học tự nhiên, nghiên cứu từ đất đai, cây cỏ đến động vật, cũng tham gia đóng góp những đường nét cho bối cảnh của đời sống người xưa.

Tất cả những ngành và liên ngành khoa học đó, sử dụng những phương pháp chuyên môn của mình, đã tạo ra những luồng sáng khác nhau từ nhiều chiều hướng cùng rọi chiếu vào một điểm, để cuối cùng, dưới ánh sáng của một năng lượng nghiên cứu tổng hợp, đã thấy dần dần hiện ra, lung linh, rõ ràng cả một thời mơ màng chìm đắm xa xưa...

Từ những chấm sáng như thế, vô vàn, liên kết lại, hình ảnh của cả một thời đại bộc lộ dần. Đây là một thời đại kéo dài từ hai đến bốn nghìn năm trước - đúng như truyền ngôn "mấy nghìn năm lịch sử" của chúng ta. Đây là một thời đại xao động những biến cố hệ trọng: chuyển mình từ xã hội nguyên thủy sang xã hội giai cấp, xây dựng những thể chế đầu tiên của quốc gia và dân tộc, tiến hành chiến tranh để thống nhất và bảo vệ cộng đồng ... đúng như cách mệnh danh "**THỜI ĐẠI DỰNG NƯỚC VÀ GIỮ NƯỚC ĐẦU TIÊN**"

Đây còn là một thời đại bồi đắp và định hình nền văn minh đầu tiên mang bản lĩnh dân tộc với một loạt thành tựu đặc sắc trong đời sống vật chất, xã hội và tinh thần - từ ngôi nhà sàn mái cong đến con thuyền đuôi én, từ những truyện kể kỳ thú đến chiếc trống đồng kỳ diệu... vừa tỏa rộng ảnh hưởng đến những miền đất đai xa xôi đương thời, vừa in dấu vết trong những thời đại lịch sử tiếp theo đúng như niềm tự hào mà Nguyễn Trãi xưa đã khẳng định:

" Nước Đại Việt ta vốn xây nền văn hiến đã lâu " ...

Đây chính là thời đại Hùng Vương dựng nước mà từ bao đời nay, với nếp quen phụng thờ và tưởng nhớ tổ tiên, nhân dân ta vẫn giữ trọn niềm tin yêu sắt đá và hình tượng hoá thành các nhân vật tiêu biểu: **VUA HÙNG**

Khoa học hôm nay đã mở rộng khái niệm, củng cố độ bền và trả lại chiều sâu cho những sự kiện và con người hằng được quan niệm theo tư duy cảm tính để cho hợp và đúng hơn với phong cách và yêu cầu của thời đại mới.

Đồng thời, bên cạnh việc nghiên cứu khái quát và tổng hợp, vẫn tìm tòi chi tiết cụ thể, chẳng hạn về chính những vua Hùng, gần đây đã xuất hiện những dấu hiệu trực tiếp của một vùng "kinh đô" mà huyền thoại đã xây dựng kèm những lầu son gác tía, tiếng hát Trương Chi và nước mắt Mị Nương... hy vọng có thể sẽ tiến tới chỗ tìm được mộ táng của những vua Hùng ấy. Khi đó sẽ còn xuất hiện những cứ liệu tốt hơn nữa cho việc tìm hiểu và vẽ lại chân dung thời đại.

Huyền thoại bây giờ đang trở thành lịch sử.

Chúng ta hãy đốt nén hương lòng, kính cẩn hướng về những anh hùng dựng nước, hãy hành trình, hành hương vào chiều sâu lịch sử thiêng liêng của Tổ quốc ngàn năm...

[. Mở đầu : Thời Đại Hùng Vương , Nghiên cứu khoa học và tự hào dân tộc](#)

[. Chương I : Từ trong mây mù huyền thoại đến hiện thực lịch sử](#)

[. Chương II : Hành hương về đất Tổ](#)

[. Chương III : Khởi nguồn truyền thống , Thống nhất và văn minh](#)

[. Chương IV : Đi tìm dấu vết một thời đại trên những di tích khảo cổ](#)

[. Chương V : Bên bờ sông Hồng, sông Mã : Chứng tích của nền văn hoá Đông Sơn rực rỡ](#)

[. Chương VI : Ngắm nghía và suy nghĩ về văn vật kỳ diệu của thời đại dựng nước : những chiếc trống đồng Đông Sơn](#)

[. Chương VII : Thiên nhiên thời đại dựng nước](#)

[. Chương VIII : Thăm lại làng xưa cha cổ cách đây hàng nghìn năm](#)

[. Chương IX : Cuộc sống đầm ấm của gia đình người Việt cổ](#)

[. Chương X : Nếp phong tục thuần phác cổ xưa](#)

[. Chương XI : Hội làng thời Hùng Vương](#)

- [. Chương XII : Những người nghệ sĩ tạo hình tài hoa](#)
- [. Chương XIII : Thần thoại và truyền thuyết anh hùng Việt cổ](#)
- [. Chương XIV : Tín ngưỡng và tư duy người xưa](#)
- [. Chương XV : Khởi nguồn truyền thống thương võ của dân tộc](#)
- [. Chương XVI : Bản anh hùng ca dựng nước xây thành chống ngoại xâm của vua Thục An Dương Vương](#)
- [. Chương XVII : Bà Trưng khởi nghĩa lập chiến công oanh liệt ngàn thu](#)
- [. Chương XVIII : Lời tam kết](#)



# Cái răng cái tóc, một góc con người

Nguyễn Dư

Nhiều người trong chúng ta còn thuộc lòng bảng xếp hạng:

*Một thương tóc bỏ đuôi gà  
Hai thương ăn nói mặn mà có duyên  
Ba thương má lúm đồng tiền  
Bốn thương răng nhánh hạt huyền kém thua  
(...)*

Trong số mười cái dễ thương của các bà, các cô, mái tóc được xếp hàng đầu, hàm răng đen chiếm hạng tư. Điều đó đủ nói lên rằng xã hội Việt Nam ngày xưa rất trọng tóc và răng, kể cả tóc và răng của các ông. Thảo nào mới có câu *cái răng cái tóc, một góc con người*.

Lịch sử mái tóc, hàm răng của dân ta cũng đã trải qua nhiều cuộc thăng trầm, đổi thay như vận nước. Nhưng các sách chỉ ghi chép một cách tổng quát. Đại khái chúng ta được biết:

Về thời Hùng Vương, *ai cũng xăm mình. Ai cũng búi tóc hoặc cắt tóc ngắn (nhưng cũng có người bỏ xoã tóc hoặc tết đuôi xam). Ai cũng thích đeo hoa tai và nhiều vòng tay. Người ta nhuộm răng, ăn trầu.* (Ủy ban Khoa Học Việt Nam, *Lịch sử Việt Nam*, tập 1, Khoa Học Xã Hội, 1971, tr. 48).

*Thời nhà Trần, người trong nước đều cạo đầu, cho nên trong Sứ Giao Châu thi tập của Trần Cương Trung nhà Nguyên chưa rằng: "con trai đầu trọc, người nào có quan chức thì trùm đầu bằng khăn xanh, nhân dân đều như sư cả". Tục cắt tóc này đến Hoàng Phúc nhà Minh mới cấm, nay dân ở Kiên Lao và Trà Lũ huyện Giao Thủy (Nam Định ngày nay) vẫn còn giữ tục ấy. (...) Đàn bà cắt tóc để lại 3 tấc tết ở trên đỉnh đầu, buộc lấy đầu sợi tóc rồi búi chặt lại và cài bằng trâm, ở đằng sau gáy không có tóc, cũng không xoa dầu xoa sáp gì cả. (...) Tôi nhận thấy, đây là phong tục triều nhà Trần, đến bản triều ngày nay thì tục đội khăn xanh, mặc áo thâm, cắt tóc và xăm mình đã thay đổi rồi.* (Lê Quý Đôn, *Kiến văn tiểu lục*, Khoa Học Xã Hội, 1977, tr. 68-70).

Lê Quý Đôn cho biết thời nhà Trần người trong nước đều cạo đầu, nhân dân đều như sư cả, nghĩa là dân ta gọt tóc hay ít nhất cũng là cắt tóc ngắn.

Đến thời thuộc Minh (1414-1427) Hoàng Phúc ra lệnh cấm dân ta cắt tóc.

*Rồi giặc (chỉ quân Minh) chia châu đặt huyện, đắp thành đào hào; đóng quân trấn giữ, hơn hai chục năm, biến phong tục thành tóc dài răng trắng, hóa làm người Ngô cả. Than ôi! Họa loạn tội mực đến như thế ư?* (Ngô Sĩ Liên, *Đại Việt sử ký toàn thư*).

Sử sách không cho biết từ năm 1428, năm Lê Lợi đánh đuổi được quân Minh và lên làm vua, thì đầu tóc dân ta ra sao? Chỉ biết rằng năm 1470, Lê Thánh Tông *cấm người không phải là sư sãi không được gọt tóc* (*Đại Việt sử ký toàn thư*). Lê Thánh Tông bắt dân chúng phải để tóc dài. Năm Lê Quý Đôn viết sách *Kiến văn tiểu lục* (1777), thì tục *cắt tóc và xăm mình* đời nhà Trần *đã thay đổi*, nghĩa là dân ta vẫn còn để tóc dài.

Tóm lại, từ năm 1470 đến khoảng vài năm sau năm 1777 dường như dân ta liên tục để tóc dài. Nếu suy đoán thêm thì có thể nói rằng từ thời thuộc Minh đến gần cuối đời nhà Lê dân ta để tóc dài.

Sở dĩ nói rằng đến gần cuối đời nhà Lê là bởi vì năm 1789, trước lúc xuất quân dẹp giặc Thanh, Nguyễn Huệ đã tuyên bố:

*Đánh cho để dài tóc  
Đánh cho để đen răng  
Đánh cho nó chích luân bất phản  
Đánh cho nó phiến giáp bất hoàn  
Đánh cho sử tri Nam quốc anh hùng chi hữu chủ*  
(*Lịch sử Việt Nam*, sđd, tr. 353)

Vua Quang Trung quyết tâm đánh giặc Thanh để giành lại chủ quyền cho đất nước, giành lại quyền để tóc dài, răng đen cho nhân dân! Điều này có nghĩa là trước đó quân Thanh đã bắt dân ta cắt tóc ngắn. Thật là quái gở! Ta đang để tóc ngắn thì nhà Minh bắt phải để tóc dài. Ta để tóc dài thì nhà Thanh lại bắt phải cắt tóc ngắn. Đúng là mấy ông con trời chỉ thích đi phá thói. Nhưng điều bất ngờ nhất là hành động *công răn cấm gà nhà* của Lê Chiêu Thống đã ảnh hưởng đến cả mái tóc của dân ta.

Không những thế, mái tóc của Lê Chiêu Thống cũng chẳng óng mượt gì hơn mái tóc của đám dân ngu khu đen.

*Hoàng Lê nhất thống chí* kể rằng lúc mới lưu vong bên Trung quốc, một hôm Lê Chiêu Thống được Khang An đãi yến tiệc tại Quế Lâm. Khang An nói với vua Lê:

*-Ngày xuất quân không còn xa, vương nên tự mình đem tả hữu liêu thuộc làm quân dẫn đường đi trước. Nhưng bây giờ nên gọt đầu gióc tóc, thay đổi quần áo giống như người Trung quốc, để khi về Nam quân giặc không thể phân biệt được, thì công lớn mới có thể thành. Sau khi khôi phục nước nhà, bấy giờ sẽ lại theo như tục cũ. "Việc binh không ngại dùng cách xảo trá". Vương nên nghĩ tới chỗ đó.*

*Vua Lê cho là phải và đáp:*

*-Chúng tôi không giữ được nước nhà, may nhờ thiên triều cứu viện, dù cả nước phải ăn mặc như người Trung quốc, cũng xin vâng mệnh. Việc ấy còn có tiếc gì?*

*Rồi vua Lê cùng các bề tôi đều gióc tóc, thay đổi đồ mặc (...).* (Ngô gia văn phái, *Hoàng Lê nhất thống chí*, Văn Học, 1970, tr. 377).

Ít lâu sau, Lê Quýnh và một nhóm cựu thần nhà Lê cũng chạy sang Trung quốc. Khang An lại định giờ trò cũ, sai người đi mời bọn Lê Quýnh.

*Lúc họ tới nơi, An chẳng hỏi han gì, chỉ bàn về việc gọt đầu gióc tóc và đổi đồ mặc mà thôi.*

*Quýnh biết An dối trá, giận lắm, nói:*

*-Đòi ta đến ngờ là để giáp mặt mà bàn bạc, nay té ra lại chẳng bàn bạc gì, mà chỉ toàn bảo gọt đầu gióc tóc và đổi đồ mặc. Chúng ta đây, đầu có thể chặt, tóc không thể cắt, da có thể lột, đồ mặc không thể đổi!*

*Khang An biết là không thể ép buộc được, bèn sai đem bọn họ an trí ở tỉnh Quảng Tây.* (*Hoàng Lê nhất thống chí*, sđd, tr. 379).

Tiếc thay! Trung thần không gặp minh vương! Dầu sao thì mái tóc của Lê Quýnh cũng đáng được sử sách tôn trọng hơn mái tóc của Lê Chiêu Thống.

Thời Pháp thuộc, xã hội Việt Nam, đặc biệt là các nhà nho, chia ra làm hai phe. Họ đem mái tóc ra phê bình, chỉ trích nhau.

Phe thủ cựu thì câu nệ vào chữ thánh hiền, *thân thể phát phu, thụ chi phụ mẫu, bất khả huỷ thương*, nghĩa là thân thể, da tóc mình là thụ hưởng của cha mẹ, không được huỷ hoại. Vì vậy phải giữ tóc dài cho tròn chữ hiếu.

Phe *đổi mới* chủ trương cắt tóc cho hợp vệ sinh. Họ cho rằng hành động cắt tóc không dính líu gì tới chữ hiếu cả.

Đến đầu thế kỉ 20, khoảng năm 1905, phe để tóc dài chắc vẫn còn đông, khiến cụ Phan Châu Trinh phải diễn thuyết kêu gọi *dùng nội hoá, hớt tóc ngắn, bận đồ tây*.

Dân gian có bài vè:

*Tay trái cầm lược,  
Tay phải cầm kéo.  
Húi hê! Húi hê!  
Thùng thẳng cho khéo.  
Bỏ cái ngu này,  
Bỏ cái dại này.  
Ăn ngay nói thẳng  
Học mới từ đây  
(...)  
(Bài ca húi tóc)*

Ngày nay, đàn ông hầu như không còn ai để tóc dài, búi tóc.

Xưa kia, trẻ con từ lúc sơ sinh đến khoảng ba, bốn tuổi, trai hay gái đều:

*Đầu trọc lông lóc bình vôi  
Mẹ ngồi mẹ ỉa, mẹ bôi lên đầu*

Từ bốn tuổi trở lên, con trai để ít tóc trên đỉnh đầu, gọi là cái chòm, hoặc để hai bên gọi là hai trái đào. Con gái để ít tóc đằng trước hoặc sau gáy, gọi là cái cút. Đến chừng mười hai, mười ba tuổi trở lên thì để tóc, không cạo nữa. Để cho đến khi có tóc dài, đàn ông bới tròn một nắm đằng sau, gọi là búi tóc, *búi tóc củ hành là anh thiên hạ*, đội khăn xếp. Đàn bà thì búi tóc hoặc cuộn tóc vấn khăn, để lòi cái đuôi gà. Chỉ có các nhà sư hoặc một số ít những người làm ăn lam lũ mới cạo trọc đầu, ngoài ra ai cũng để tóc dài. Những người ít tóc thì mua tóc độn vào cho dày để làm tăng vẻ đẹp.

Tục nhuộm răng đen có từ thuở xa xưa, nhưng chỉ thông dụng ở miền Bắc và phía bắc Trung kì. Từ mười ba, mười bốn tuổi, trai gái đều lo nhuộm răng.

## 𦵇 𦵇



Chiết răng

Thuốc nhuộm răng làm bằng cánh kiến. Trải thuốc nhuộm lên hai miếng lá cau dài chừng tám phân, rộng độ một phân. Trước khi đi ngủ áp lên trên hai hàm răng, như vậy môi trên và môi dưới tự nhiên ôm chặt lấy hai *miếng thuốc*. Tránh không ăn thịt cá và tất cả những thứ phải nhai. Chỉ ăn cơm nấu chung với nước mắm... Lúc mới nhuộm răng màu vàng sẫm, tiếp tục nhuộm độ nửa tháng thì ngả sang màu đen.

Muốn cho màu đen bền chắc, không phai lạt thì phải *chiết răng*.

Có người chiết răng bằng cách ngâm và súc miệng nhiều lần bằng nước dưa chua. Có người dùng dao hơ nóng sọ dừa cho chảy nhựa, lấy nhựa này phết vào răng.

Lần đầu nhuộm răng thường bị đau lợi, sưng môi. Nhưng vì:

*Năm quan mua lấy miệng cười*

*Mười quan chẳng tiếc, tiếc người răng đen.*

cho nên nữ nhi chẳng mấy người quản ngại. Nhuộm răng đen, ngoài cái đẹp theo óc thẩm mỹ ngày xưa, dường như còn ngửa được sâu răng, giữ cho chân răng chắc hơn. Muốn cho hàm răng lúc nào cũng đen nhánh thì độ một năm lại nhuộm bồi thêm một lớp. Răng không được chăm sóc sẽ bị phai màu, loang lổ, gọi là *răng cái mả*, trông không đẹp.

Trẻ con bị gãy răng, nếu là răng hàm dưới thì vứt răng xuống gầm giường *cho chuột nó tha*, nếu là răng hàm trên thì vứt lên mái nhà. Con gì tha không biết, không nghe nói.

Từ ngày Việt Nam tiếp xúc với phương Tây, tục nhuộm răng dần dần bị bỏ. Các bà, các cô chuyển sang hãnh diện với hàm răng trắng muốt. Các ông cười duyên khoe dăm chiếc răng vàng, răng bạc, lóng lánh vẻ giàu sang. Từ nay phải nhớ là:

*Răng đen bôi bác, răng vàng lịch sự*

Ngọn gió Tây thổi qua mái nhà, chiếc chong chóng xoay chiều thích ứng!

Cũng bởi vì cái răng, cái tóc là của riêng, của quý của mỗi người, được mọi người nâng niu, chăm sóc, nên chúng cũng dễ trở thành nạn nhân của những cuộc đòn ghen, đòn thù. Hoạn Thư lúc nổi trận tam bành đã không ngần ngại

*Vội vàng xuống lệnh ra uy*

*Đưa thì vả miệng, đưa thì bẻ răng*

cho bồ ghét nàng Kiều. Nữ nhi thường tình vốn hiền lành, lúc mắt gà cũng như đĩa phải vôi, vén quần chửi đồng, lời cả hàng xóm ra *tát cho gãy hết răng*! Anh em, họ hàng, láng giềng lúc *com lạnh canh ngọt* thì thơm thốt thề không bao giờ để cho *môi hở răng lạnh*. Lúc lục đục, *thượng cẳng chân, hạ cẳng tay*, thôi thì *răng cắn phải lưỡi* cũng chả sao.

Tóc lộ lộ như suối chảy, mây bay.

*Người, dáng bước bơ vơ của bầu trời hải đảo*

*Tóc bông bênh trên nếp trán ưu tư... (Nguyễn Sa, Đẹp)*

Mái tóc em đây hay là mây là suối  
Đôi mắt em nhìn hay chớp lửa đêm giông...  
(Tổ Hữu, Người con gái Việt Nam)

Hoa cười ngọc thốt đoan trang  
Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da (Kiều)

Tóc quyen rũ hơn răng nên số phận của tóc cũng lận đận, điều đứng hơn răng.

Nhà nước phong kiến đã định ra một tội để hành hạ tóc. Đó là *Tội Khôn*. Tội này được Nguyễn Mạnh Hùng bình luận, giải thích như sau:

(...) Lốp người trên đây (thông ngôn, ký lục, bồi bếp hay lái xe cho quan Tây) tiếp thu nhanh chóng văn minh phương Tây: nói tiếng Tây, mặc đồ Tây và hót tóc ngắn như bốn người đàn ông trong hình bên đây (hình *Phải tội Khôn*). Chế độ phong kiến thấy chương tai gai mắt bèn ra lệnh đóng cùm cả bọn và ghi rõ tội danh bằng ba chữ Nôm "Phải tội Khôn". Vậy *Tội Khôn* là tội gì? (...) *Tội Khôn* chính là tội cắt tóc. Bốn tội nhân đây, có hai người đầu chải không ngay ngắn, búi tóc không còn, còn hai người thì bịt khăn ... chắc là xấu hổ (?) vì mất "búi tóc củ hành" mà tờ Phong Hoá đã chế nhạo là "quốc hồn quốc túy". Dưới con mắt người dân thời ấy, lớp người này bị coi khinh (...) là "hạng vong bản" chạy theo bơ sữa. (Nguyễn Mạnh Hùng, *Ký họa Việt Nam đầu thế kỷ 20*, Trẻ, 1990, tr.152-153).

Khiếp nhĩ! Đành rằng chế độ phong kiến rất tàn ác, rất bất công, nhưng đến mức thấy chương tai gai mắt là ra lệnh đóng cùm thì... hơi quá.

Chúng ta hãy bình tĩnh lật tự điển, tra nghĩa chữ *Khôn* xem nó là cái gì.

Theo Thiều Chửu, *Khôn* nghĩa là *cắt tóc*, ngày xưa có một thứ hình phạt *cắt tóc*, nhà Hán gọi là *Khôn kiểm*.

Gustave Hue định nghĩa *Khôn*: *couper les cheveux à un condamné, émonder un arbre* (cắt tóc người bị kết tội, cắt tía cây).

À, thì ra thế!

Bốn người trong tranh *Phải tội khôn* làm chuyện bậy bạ gì đó mới bị phạt, bị cùm, bị đem ra cắt tóc. Tội khôn là tội bị đem ra cắt tóc, chứ không phải vì cắt tóc ngắn mà bị đóng cùm, mang tội. Hú vía! Cũng may Nguyễn Mạnh Hùng chỉ lẫn lộn hậu quả với nguyên nhân. Nếu không thì chỗ đâu mà nhốt hết *hạng vong bản chạy theo bơ sữa*?



披瀝



Bè chuối

Chúng ta còn biết hình phạt *Bè chuối trôi sông*, một hình thức dã man của *Tội khôn*, áp dụng cho nữ giới. Đàn bà gian dâm, con gái chữa hoang, bị làng *gọt gáy bôi vôi*, trôi vào bè chuối, thả trôi sông. Có người chết đói, chết khát trên bè. Có người chết đuối. Người nào may mắn được dân làng khác cứu vớt thì cũng suốt đời phải sống tha phương cầu thực, không dám trở về làng cũ.

Nước Pháp sau ngày giải phóng năm 1945 cũng đã áp dụng *Tội khôn* với một số phụ nữ đi lại với lính Đức quốc xã.

Nói đến mái tóc, tưởng cũng nên nói vài câu đến mũ và nón.

Việt Nam có rất nhiều kiểu mũ (chữ Hán là mạo) và nón (lạp). Ngày xưa chỉ có hoàng tộc, các quan văn võ, các người đồ đạc cao mới được đội mũ. Giới bình dân, không chức tước thì đội nón.

Trong số 11 thứ nón được P. Huard và M. Durand (*Connaissance du Vietnam*, EFEO, Paris, 1954, tr.182) liệt kê, có một chiếc đã làm hai ông thắc mắc. Các ông gọi nó là chiếc *nón giầu, chapeaux des brus?* (chữ giầu ngày nay viết là dêu, như cô dêu). Huard và Durand thắc mắc vì hình dáng cái nón chẳng? Nó có vẻ là nón đàn ông. Hay là vì tên gọi?

Câu trả lời cho thắc mắc của hai ông nằm ở bức tranh *Hôn lap* trong bộ tranh Oger. Nón dêu và hôn lap giống nhau. Vậy *Hôn* nghĩa là gì? Theo Thiều Chửu, hôn nghĩa là *lấy vợ, con dâu*. Hôn còn có nghĩa là *lễ cưới, ngày xưa cưới xin cứ đến tối mới đón dâu nên gọi là hôn lễ*. Gustave Hue cũng định nghĩa chữ hôn là *prendre femme, femme, parenté de la femme* (lấy vợ, vợ, họ hàng bên vợ). Vậy thì chữ hôn trong tranh *Hôn lap* phải được hiểu là lễ cưới, lấy vợ, hay con dâu? Huard và Durand hiểu là con dâu.

Tranh *Hôn lap* có ghi thêm câu chữ Hán *Cổ giả nghênh hôn tắc dụng, kim tắc cải chi* (ngày xưa dùng lúc đón dâu, ngày nay (khoảng 1909) tục này đã thay đổi). Vậy *Hôn lap* có nghĩa là nón đội lúc nghênh hôn, đi đón dâu, tức là...nón của chú rể.

Yêu cầu Huard và Durand nhấc cô dâu trả *Hôn lap* lại cho chú rể!

Xã hội Việt Nam đã trải qua nhiều thời đại. Mái tóc của người Việt Nam nhiều phen rối bù với những cơn gió bụi. Hàm răng thay trắng đổi đen mấy lần? Lúc thì trọng tóc dài, khinh tóc ngắn. Lúc thì thích tóc ngắn, chê tóc dài. Ngày nào còn yêu *hạt huyền, hạt na*, bỗng chốc quay sang chuộng *răng lợn luộc*, hắt hủi *răng đen mã tấu*.

Ngày nay thì ngắn dài, đen trắng, sao cũng được. Thời kì mở cửa, kinh tế thị trường, ôi dào, ai hơi đâu mà vẽ vôi đề ý đến *một góc con người* nữa?

Các ông, các cậu tha hồ để tóc chấm vai, húi cua, móng ngựa, sọ dừa. Các bà, các cô cứ việc búi tóc, vấn khăn, phi dề, đuôi ngựa...

Ai cũng vui vẻ, thoải mái, vô tư.



Hôn lap



Cả làng múa ca:

*Trên trời có xấp mây xanh  
Ở giữa mây bạc, xung quanh mây vàng  
Ước gì anh lấy được nàng  
Để anh mua cát "Dã Tràng" về xây...*

**Nguyễn Du**  
**(Lyon, 4/2003)**

# Thực chất và biến dạng của các món ăn Nam bộ

Sơn Nam

*" Tình yêu đất nước là sự thương nhớ, thêm thưởng món ăn  
mà cha mẹ cho mình ăn lúc mình nhỏ tuổi "*

**M**ón ăn Nam bộ rất đa dạng, thay đổi tùy giai đoạn ngắn dài, thử đúc kết lại vài nét lớn là điều không đơn giản. Qua thời gian, ta thử nêu lên vài nét định hình :

- Ăn sáng lót lòng còn gọi là điểm tâm không nằm trong đề mục cốt yếu của món ăn. Nếu là nhà nông hoặc gia đình không khá giả, người lao động thường ăn ba bữa: sáng, trưa xế và tối, bằng không chỉ 2 bữa thôi, buổi sáng thường thả nổi cho từng người liệu định.
- Hồi trước 1945, nhiều gia đình khá giả còn duy trì kiểu lót chiếu, ngồi ăn trên đất, có lẽ theo ảnh hưởng người Chăm. Kiểu ăn trên bộ ván, ngồi xếp bằng gần như chẳng còn thấy ở gia đình trung lưu miền quê. Ngồi trên bộ ván thì phải theo tư thế xếp bằng, quen thói nên khi ngồi trên ghế dễ mỏi chân. Vả lại, bộ ván ngày nay đất tiền, đi-văng thì quá nhỏ hẹp.
- Tuy tiếp xúc với Tây Phương từ cuối thế kỷ thứ 19, người Việt vẫn bảo lưu cách ăn cơm với dưa, nếu cần chan hoặc húp thì dùng muỗng riêng hoặc công cộng. Nước mắm thường chấm chung một chén cho nhiều người trong khi người Hoa rất kỵ dùng cái muỗng công cộng, tha hồ thọc dưa của nhiều người trong tô canh, nhưng chan húp thì mỗi người một muỗng riêng.
- Không thích dùng nĩa, ngoại trừ dùng nĩa nhỏ để ghim những miếng trái cây như soài đã gọt sẵn. Gần như tuyệt đối không dùng tới cây dao nhỏ để cắt thịt. Con vật đã bị giết, cắt ra từng miếng, pha chế rồi lại bị cắt thì quả là tàn ác và còn thô thiển đối với người ngồi bên cạnh. Nếu cần thì cắt sẵn trước khi đem ra đĩa như trường hợp thịt bò lúc lắc.
- Ảnh hưởng Tây Phương chỉ thấy trong trường hợp ăn cơm tấm, cơm bì vào buổi sáng gọi nôm na là cơm đĩa. Dùng cái đĩa trẹt và to của Tây Phương với muỗng và nĩa. Theo tôi hiểu, đây là kiểu trình bày gọn do người Hải Nam bày ra từ trước năm 1945, gọi cơm xào. Người Hải Nam hồi thế kỷ thứ 19 vì ở hải đảo gần Hương Cảng đã chọn nghề nấu bếp cho tàu buôn Tây Phương, đi theo tàu biển.

## VỀ MÓN ĂN Ở NAM BỘ THEO NGHĨA VÙNG SÀI GÒN VÀ PHÍA ĐỒNG BẰNG, CÓ THỂ CHIA RA BA LOẠI.

Món cúng ông bà hoặc thần thánh, món nhậu và món ăn cơm

### 1. Món cúng

Trên lý thuyết phải có 4 món cơ bản. Nếu ở đồng bằng sông Hồng có món : Giò, Nem, Ninh, Mọc thì ở Nam Bộ cũng tuân thủ 4 món, tương ứng ở phía Bắc kiểu giò, nem, ninh, mọc.

- Dịp cúng giỗ tổ tiên, chẳng ai hiểu rõ ông bà thời xa xưa khi vào Nam thích ăn món gì, chế biến các vật tư ra sao, nhưng tùy hoàn cảnh mà có bốn món : Hầm, Thịt luộc, Xào, Kho. Nên hiểu không phải là dâng cúng cho cha mẹ đã quá cố nhưng là cho tổ tiên đời ông cố của gia chủ, hiểu ngầm rằng những bà con xa gần thời xa xưa cũng được tham dự, vì vậy, nếu cúng 3 mâm ở 3 bàn thờ (giữa, bên trái, bên phải), hoặc 1 bàn thờ, thì thức ăn phải giống nhau. Món hầm, tức là thịt heo hầm, thường là giò heo hầm măng tre Mạnh Tông, loại măng ngon nhất của Nam Bộ (gọi tích ông Mạnh Tông trong nhị thập tứ hiếu). Món thịt luộc là thịt ba chỉ, xắt mỏng. Xào là món thịt bị câu thúc về hình thức: xào chua, xào mặn, với rau cải đồ lòng, hoặc tôm, gần như tuyệt đối không dùng thịt rừng. Món kho thường là thịt heo, cá lóc, kho với nước dừa để gọi phong vị miền Nam. Ở miền quê, ngày xưa bày đám giỗ linh đình với quá nhiều món khác nhau, lắm khi ăn không hết đủ món, nhưng cơ bản phải đủ 4 món cổ truyền như trên, có thể gọi là nghi thức thống nhất cả nước. Nhiều món phụ, có thể dọn chung với 4 món chính như rau, bì cuốn, nem chua. Ngoài ra còn để dành ở một bàn riêng, không cúng trên bàn thờ vốn đã chật chội, chờ khi đãi khách sẽ dọn ra như thịt bò xào, bánh mì cà-ri, chả giò ... Thời xưa ông bà ta không có kiểu ăn trắng miệng như người Tây Phương, vả lại trái cây đã được chưng sẵn từ trước trên bàn thờ rồi.

Rượu phải là rượu đế, vì tổ tiên ta không biết rượu Tây, Tàu.

Dự đám giỗ của gia đình, của bạn thân là dịp ăn uống vừa phải, quan trọng nhất là nói chuyện thân mật. Ăn là để hưởng phước của ông bà, vì món ăn đã được ông bà chứng giám rồi.

Lắm khi ở quê, ở gia đình nhà vườn, có bày ra tiệc nhậu lai rai ở trước sân, bên vườn cây ăn trái, nhằm cầm giữ những người khách đến quá sớm, thường là nhậu với vài miếng thịt gà, đồ lòng, đơn sơ, nhất là không có những món hoang dã, như rùa rắn. Vài món đặc sản như chả cua, gà quay, cà-ri, heo quay bánh hời có thể dọn cúng, ở gia đình nửa quê nửa chợ.

Gần như tuyệt đối không cúng những món đồ chế biến sẵn, đựng trong hộp, lắm gia đình vì hoàn cảnh đã đặt buổi tiệc giỗ ở nhà hàng; đến giờ, nhà hàng đem đến, như vậy mất vẻ nghiêm túc. Trường hợp này, người trong gia đình nên tự pha chế một vài món, như khổ qua hầm thịt, thịt kho để cúng trên bàn thờ còn những món đặt ở nhà hàng thì chỉ để dành đãi bạn bè.

Theo sự quan sát của chúng tôi, gần như vắng mặt món mắm. Ở phía Nam, phải chăng đó là dấu ấn của người Chăm, người Khơ-me, người Việt chỉ muốn giữ những gì thuần túy của ông bà từ nhiều thế hệ trước, chứng tỏ gia đình mình đã ổn định, có nề nếp chớ không còn ở trong thời kỳ du canh du cư lúc mới khẩn hoang.

## 2. Món ăn cơm

Cơm ngày hai bữa, theo lệ Việt Nam. Ăn mặn uống đậm, tùy hoàn cảnh địa phương và mức sống gia đình. Định hình nhất vẫn là canh chua, cá kho, hai món này mãi đến nay vẫn còn đứng vững - qua thế kỷ thứ 21. Canh chua nấu với trái me chín, đặc sản vùng nhiệt đới. Theo khẩu vị của người lớn tuổi, việc quan trọng nhất là người đứng bếp cần điều tiết cho hài hòa, húp một chút nước canh chua đang sôi, nhủ thầm bốn tiếng : chua, cay, mặn, ngọt. Không để cho vị chua lấn vị cay, không quá mặn nhưng cái hậu thì ngọt. Tùy địa phương, lựa loại cá nào rẻ nhất mà mua, như cá tra sông rạch thiên nhiên hoặc cá lóc ở đồng ruộng, nước ruộng có chút ít phèn ngon đặc biệt là cá ở rừng tràm. Cá lóc to con quá, thịt có thớ, không ngon; ngược lại, cá còn non thịt ăn nhão. Cá tra, cá bông lau, lựa con không quá lớn. Cá ba-sa có 3 lớp mỡ sa ở bụng, mỡ nhiều nhưng ăn không ngán như mỡ heo. Những món độn thường là cộng bạc hà, giá, đậu bắp, nhưng không nên độn quá nhiều, sau này thêm cả tô-mát, tùy khẩu vị. Canh chua phải đậm đà để giải nhiệt, nhất là vào mùa nắng. Buổi trưa, vì uống nước quá nhiều nên khó " nuốt cơm ". Húp canh chua vào, thấy trơn cổ, thêm ăn. Khẩu vị thường thay đổi ... Nhiều người chê cá lóc vị lạt, cũng như cá tra, cá bông lau cũng lạt. Vì vậy, có người nấu "súp" xương heo pha vào nước canh chua, pha lén, người ăn thấy như ngon hơn. Nên có ớt xắt từng lát khá dày, loại ớt truyền thống. Nhiều người lại thích ăn canh chua chấm với nước mắm nguyên chất hoặc cầu kỳ hơn, chấm với muối ớt.

Cá kho, nay gọi cá kho tộ, ban đầu là kho trong cái mẻ kho, nôm na là cái tô bề ngoài vành, dùng kho cá kiểu tạm bợ, lắm khi để trên than lửa của cái cà-ràn. Ăn còn dư cứ để dành, hôm sau ăn trở lại. Cá kho trong tô thường là cá vụn của nhà nghèo, ăn còn lại, tiết kiệm nhưng nếu có nước mắm ngon, kho tới lui nhiều lần thì nước mắm cá biển sẽ hòa quyện với cá kho, toát lên hương vị đặc biệt. Vì tô bề phải để nghiêng nghiêng trên than lửa không nhiều nước. "Thạch sùng còn thiếu mẻ kho", phải chăng đó là cái tô bề để kho cá vụn, hôm trước ăn còn dư, cứ để dành, nếu không còn cá thì còn nước sền sệt trong tô dùng đũa mà "quệt" cũng ăn tạm được bữa cơm nghèo. Muốn được ngon, nên bỏ nhiều tiêu sọ.

Nước mắm ngon đem kho cho đặc sệt, quyện với cá thì ngon gấp bội, phải là cá đồng để hài hòa, với nước mắm cá biển, đậm đặc.

Canh chua ăn với cá kho tộ quả là hài hòa, cả hai món đều cay. Sáng kiến kho cá đồng, đặc biệt là cá rô với nước mắm ngon, trình bày trong kiểu bao bì bằng gốm thô đen đúa - ( cái mẻ kho ) được thay thế bằng cái tô đặt hàng sẵn ở lò gốm cho có vẻ sạch sẽ; lần đầu tiên đầu từ sau năm 1960 ở quán Cây Dừa, đường Lê Lai gây sự hấp dẫn đối với khách sành điệu Sài Gòn rồi phổ biến trở lại các tỉnh phía đông bằng. Lý tưởng nhất là lựa cá rô ngon, còn tươi, chưa có cá rô mập béo thì tạm kho cá trê, cá lóc. Theo "điệu nghệ" , bữa cơm ở quán được giới thiệu trước vài món ăn chơi, như gỏi ngó sen và bao tử heo. Ăn cá kho, lắm người đòi thêm dưa cải.

Vẫn là món ăn cơm thường lệ trong gia đình, còn mắm chung, tép kho, hoặc món bí rợ (bí đỏ) hầm với nước cốt dừa. Có thể dùng món cá trê nướng chấm nước mắm gừng, thêm canh bí đao nấu thịt heo, canh bầu nấu với cá trê, cá bóng kèo kho (miền nước lợ ). Cá tôm đa dạng, vừa cá biển vừa cá đồng giúp cho bữa ăn của giới bình dân tạm gọi là "qua buổi", thí dụ như cá chột, cá linh kho tiêu làm thức ăn chính yếu. Lại còn món cá khô, thí dụ như khô cá lóc, khô cá tra, cá đuối ăn thêm chút ít cho vui miệng.

Cá biển có thực đơn riêng, tùy vùng, thêm tôm cua ngày nay giá quá cao. Nói chung cá biển rất ngon, nhưng đòi hỏi cách pha chế rất thích hợp, trừ trường hợp cá thu kho, thì cá biển chỉ ăn ngon ở lửa đầu, nếu dư, để dành hâm nóng lại thì mất hương vị. Bởi vậy, ta thấy nhiều miền biển vẫn thêm thịt heo, thịt bò, cá đồng, cá vùng nước ngọt.

### 3. Món nhậu

Nhậu là tiếng thanh, không gợi ý thô tục; xem tự vị của Huỳnh Tịnh Của 1896 Nhậu ghi là uống ! Ăn nhậu tức là ăn uống, nhậu rượu là uống rượu và "nhậu nước" là uống nước. Uống rượu chẳng có gì xấu chỉ xấu khi đi đến mức thái quá, lãng phí tiền bạc và sức khỏe. Ngày nay quán nhậu mọc lên khá nhiều, nơi sang trọng, nơi giá cao thì xưng là "Cửa hàng đặc sản" để gợi vẻ văn minh và đạo lý. Ở thôn quê, tiệc nhậu là chuyện bình thường, giữa bạn thân với nhau, sau mùa gặt hái thành công, chăn nuôi có lợi (như đàn vịt, ao cá ...). Nhậu ngoài sân, ngoài vườn, lấy khung cảnh mát mẻ thiên nhiên làm bối cảnh, đồng thời tránh khỏi sự tò mò của trẻ con, sợ gây tác hại. Nhậu phải có rượu nhậu, như ở Nam Bộ, rượu không quan trọng bằng "mồi nhậu". Mồi nhậu đơn giản như một con vịt luộc, hay con cá lóc, chủ nhà thường tự trọng, không muốn làm phiền vợ con ở nhà. Món ăn phải gọn, một món là đủ, để thưởng thức hương vị của món ấy mà thôi. Thí dụ như thịt chuột không thể nhậu xen với thịt rắn, cua. Nhậu đòi hỏi hài hòa hữu cơ giữa rượu, món ăn, cộng rau, nước chấm, dĩ nhiên có bạn tri âm, tri kỷ. Người này thích ba khía, trái me, người kia thích con cua lột đầu mùa, có kẻ nhớ và thèm món cua đồng xào với cộng lá mái đàn, lại thêm mắm sống với soài chua đầu mùa. Món ngon đệ nhất, đến bậc vua chúa còn thèm là "Con đuông chà là", chữ gọi "Hồ đa tử", "Hồ đa" là cây dừa rừng tức cây chà là hoang dại miền nước mặn, giống như cây cau trồng làm kiếng, trái nhỏ tạm hái để ăn trà nhưng bên trong củ hũ (đọt non), đến mùa sau Tết thường có con đuông. Con đuông này nhỏ hơn đuông ăn đọt dừa, trứng đẻ vào bẹ lá non, lớn lên nở ra con đuông (như con nhộng) dừa rừng. Phải bắt con đuông này trước khi nó nở ra con bướm. Đuông to và mập, mỗi đọt cây chà là chỉ có một con đuông mà thôi. Đem đuông nướng trên vỉ sắt, cho héo rồi ăn, chấm nước nhĩ nguyên chất. Con đuông non béo ngậy vì tăng trưởng, ăn ròn củ hũ chà là. Nay thấy ở vài quán nhậu bày bán với giá 8 000 đồng một con Các món nhậu vừa sang trọng, vừa dân giã này không kể hết, lắm khi quá đản, ít phổ biến. Vũ Bằng (đã quá cố) ghi lại các món lạ, có thể có, nhưng lắm khi không phổ biến,

nào đem miếng thịt bò tươi treo ở vườn quít, cho kiến vàng bu lại, "đái" vào, nước đái con kiến vàng khá chua, vì vậy mà tác động nhanh khiến thịt bò sống trở thành thịt tái. Cháo cóc khá nguy hiểm, ăn có thể ngộ độc nếu gặp một loại cóc gọi là con kiết. Cháo dơi thêm máu con "dơi quạ" ở các cù lao sông Cỏ, hoặc ở ven rừng được khen là ngon và bổ vì đỏ tươi màu hồng huyết cầu. Ngày nay, món nhậu bót cầu kỳ hơn, có thể là con chuột mập béo đầu mùa, sống ngoài đồng lúa chín, chuột khá sạch sẽ, trời sa mưa chuột ăn toàn cỏ non, không như chuột ở cống rãnh thành phố. Chuột rô ai ăn với xoài chua đầu mùa bằm nhỏ, vị chua sẽ đánh tan mùi hôi chuột. Lại còn món tép sống lột vỏ, chấm nước dừa tươi, nước dừa làm biến đổi màu con tép sống, trông đỏ hồng như vừa luộc. Món nhậu thời kinh tế thị trường, phải mang tính phổ biến, ít nhất cũng lên tít thị thành công ở Sài Gòn, nơi tập trung dân nhậu sành điệu của cả nước và Đông Nam Châu Á. Nhiều người thích nhậu với món tép, thịt heo luộc xắt mỏng (kiểu Gò Công). Dám treo bảng hiệu lăm người làm giàu nhờ món lẩu mắm: mắm kho, lấy nước cốt, mắm sôi lên, bốc mùi thơm (hoặc không thơm, khó ngửi), lại thêm thịt xắt mỏng luộc, cá ba sa ... nấu chung trong cái lẩu, múc ra ăn tùy thích. Mục đích của người ăn lẩu mắm là tận hưởng các loại "rau rừng" với mùi vị chất, đắng, lại còn món ăn cho mát lưỡi như bông súng, lá tai tượng, cọng bông súng xốp, rút nước mắm kho. Có người nếm thử, thấy lẩu mắm ăn với trên 20 loại rau rừng khác nhau, nào đọt xoài, đọt chùm ruột, đọt chiếch hoặc đọt bưởi chua. Ăn nhiều loại rau hoang dã là dấu ấn thời khẩn hoang xa xưa, thấy chất, đắng hoặc chua là bảo đảm "không chết", thí dụ như đọt cơm nguội, cọng rau dừa chỉ. Lẩu mắm là món ăn tập thể, năm sáu người bạn quây quần chung quanh cái lẩu, (lô, tiếng Quảng Đông cái lò lửa), thêm bún, cơm là no, dĩ nhiên có rượu. Nay bày thêm lẩu cá bóng kèo, lẩu cá trê trắng, trong tương lai, còn nhiều thứ lẩu khác, hoang dã. Con lươn làm lẩu canh chua nay vẫn chưa lỗi thời, ếch thì chiên bơ, rắn thì ngày càng đắt tiền, xưa nổi danh hiệu "Tri kỷ", uống máu rắn pha rượu Tây, ăn món rắn xào, rắn nấu cháo đậu xanh. Lại còn con cá chia với vùng nước lợ Nhà Bè, ăn tại chỗ, với bạn bè cũng ngon như con cá chẻm. Món cháo vịt Thanh Đa nổi danh từ lâu, giá bình dân. "Lươn, rùa, ếch, rắn" là 4 món hoang dã nhắc lại thời khẩn hoang xưa, sang trọng hơn thịt bò, thịt gà. Nay lại bày ra món cua rang me, thịt bò "tùng xẻo" gặm lại không mới lạ.

Bánh xèo không thể ăn sáng nhưng ăn buổi chiều, buổi tối thay thế cho cơm. Bánh xèo trở nên to, nhiều nhân bên trong, bán giá cao kiểu bánh khoai của Huế cải biến. Nên kể thêm những loại chè, như chè khoai môn nước cốt dừa, chè hột sen, chè đậu xanh đường cát (gọi tàu thưng, đậu và đường, tiếng Quảng Đông âm lại).

Các món ăn còn thay đổi, gặm lại tự thân nó, món nào cũng ngon nếu thỉnh thoảng ta muốn ăn trở lại một lần. Lâm Ngữ Đường bảo : *"Tình yêu đất nước là sự thương nhớ, thêm thường món ăn mà cha mẹ cho mình ăn lúc mình nhỏ tuổi"*.

**Sơn Nam**  
4/1997

## Hà Nội ơi

Hà Nội ơi

Ba mươi sáu phố phường lướt qua sách vở  
nét lạ, quen trên Net ảnh hiện lần

Tưởng như xa

mà cũng thật gần

tiếng Mẹ ru ướp hương nồng giữa mùa hoa Sưa

Từ hàng Lược, hàng Đào... qua hàng Mã...

Gánh hàng rong kéo kẹt nghiêng vai gầy

Bốn ngàn năm

lặng lẽ mặt hồ Tây

soi muôn thuở hàng liễu mơ tóc Mẹ

Bia tiến sĩ xếp dài Văn Miếu cổ

Dấu thời gian không xóa mờ công dựng nước của cha ông

Chùa Một Cột trầm ngâm mái phủ rêu phong

chân bàn thạch với gió cuồng phương Bắc

Ra đi từ thuở nằm nôi

đình ninh mãi một ngày về chốn cũ

Ơi những con đường chẻ lòng Phố Cổ

chưa đậm ghi chân chập chững buổi trưa hè

Tàn xoan già oi ả

lá xanh cây rộ rã tiếng ve ve

bàn tay ngắt giấc nồng theo nhịp vỗ

Những miếu đèn trầm trầm hương quyện thờ

tượng Bụt gầy theo năm tháng có già đi ?

Lời cầu an mẹ khấn lúc xuân thì

có linh hiển theo dòng trôi nghiệt ngã ?

Gò Đống Đa

mộ cao tàn quân giặc rã

mây ngàn năm có siêu thoát đám u vong ?

Mặt Hồ Gươm rùa đòi kiếm sóng lặn tần

vẫn khua nhẹ nổi tha hương rung lòng đất tổ

Lớp áo quê hương

tả toi cơn giông tố

đêm vọng về bão nổi buốt hồn sâu

Thế Húc nay sẫm đỏ nhịp cầu

mặt hồ lặng loang màu trắng viễn xứ

Sông Hồng đục phù sa găm gù sóng vỗ

cuộc bể dâu bồi lở nước chia dòng

Lòng ngát xanh rau khúc

Mẹ mắt chong

đăm đăm dõi đưa con xa khúc ruột



Hà Nội ơi  
Tiếng khản đực trong niềm đau phé phủ  
Nẻo quê xưa  
nguyên vẹn cuộc trùng phùng  
Giấc mơ hoa đóng vầng ngõ trăm năm  
từ cuống rốn đất day hồn thiên cổ

**Vũ Quyên**

**Thơ Vũ Quyên**

## **Có phải em về giữa chiêm bao**

Có phải em về giữa chiêm bao  
Giữa bờ hương cũ mộng Xuân đào  
Ta vươn tay vói nghìn âm lặng  
Phận ốc mượn hồn đã xanh xao

Có phải em về giữa chênh vênh  
Trăm năm khép ngõ bóng đổ ghềnh  
Tàn trắng viễn xứ loang màu tóc  
Níu giấc mơ thâm đồ buồn tênh

Có phải em về giữa hư hao  
Bút cùn nhoẹt cạn nét đảo chao  
Câu thơ tươm máu về tâm thất  
Dòng nghẽn đường tim nổi khát khao

Có phải bên bờ mắt đỏ trông  
Nghìn câu hò hẹn nát chuyện lòng  
Xuôi bờ mộng mị tay chèo mồi  
Con tàu trôi dạt nẻo thu không

Quê hương một giải đẹp ân cần  
Trong tim đồng vọng nhịp phân vân  
Từ trong tiềm thức mòn dậm mồi  
Tiếng gọi trùng phùng vẫn còn ngân

**Vũ Quyên**  
Trung Thu 2003

## 11 chữ, ảnh hình xưa

thành dòng suối nhưng tóc em mềm một ngày rơi xuống  
môi ngọc ngà uống sương khuya qua kẽ lá mong manh  
ánh mắt trong xanh giọt băng quơ nhỏ xuống dề dành  
đời trăm cảnh chân bước lạc mây bến bờ thiên mộng  
trong gió lộng nhớ dáng em gầy đong đưa dốc núi  
hắt hiu buồn mây mấy tầng phủ đăm đuối sơn khô  
như thuở lãng mê chốn quê hương quên lữ đường về  
nghe thần thánh tiếng ca buồn khói sương vang vọng lại

thyan nguyễn thế tài

## có phải em về

có phải em về đèn khuya héo úa  
cho cả bầu trời ảm đục sương đêm  
tay đốt lửa soi đời ngày đối mặt  
ôi khuôn mặt xưa mờ mịt bên thềm

có phải em về phần hương tẻ nhạt  
môi vẫn hồng tóc vẫn chằm ngang vai  
những thương yêu ấp ủ ở bàn tay  
hay ngày mai chỉ là cơn gió lạnh

ngày ra đi, đời ta buồn ủ chặt  
nghe hương xưa thoang thoảng áo phong trần  
trời có biếc, mắt có trong màu trinh nữ  
ta vẫn mình ta khua nhịp đều chân

trên đỉnh trời sâu loài cây nhớ gió  
một lần trót thương vụn kiếp u mê  
ta đã xót xa ngày tháng lê thê  
nghe gãy mục từng cánh đời vàng ố

có phải em về thời gian vỡ đổ  
để ngọn đèn khuya nức nở thâu đêm  
ôi dung nhan của một thuở êm đềm  
ta bỗng sợ cho ngày mai gió bão

có phải em về buồn lên sắc áo  
ánh đèn vàng đâu soi rõ đời nhau  
đời của ta lẽ nào buồn da diết  
để lời thơ kia mãi mãi sâu đau ?

## **Những vì sao trong giòng Ngân Hà**

Bao người bạn của cuộc đời  
vẫn trôi qua như mây  
trong những ngày giông bão  
đen kịt và vội vàng  
trong những ngày đẹp trời  
lững thững và nhẹ nhàng  
có đám hình mặt người  
có đám hình con vật  
có đám làm rơi mưa  
có đám làm hanh nắng

Những người bạn của cuộc đời  
có người như tấm gương  
có người như cái lược  
có người như con dao  
có người như ngậm nước  
có người như cái gai  
có người như cái máy  
ghi âm thu phát sóng đài

Biết ai là bạn gần  
biết ai là bạn xa  
biết ai là bạn cũ  
lắm lúc nhìn xó nhà  
lắm lúc nhìn ra ngõ  
lắm lúc quay nhìn lại cuộc đời  
về đâu dẫm người bạn nhỏ  
tựa những vì sao đêm  
lấp lánh trong giòng Ngân hà của trí nhớ ?

# Vu Lan

Tân Văn

Vu Lan năm nay con đi lễ  
Lên chùa lạy Phật, tạ ơn mẹ  
Lạy Mục Kiền Liên con chí hiếu  
Bao người đi lễ dắt con theo

Tây Phương mới có Mother's Day  
Khoảng hơn thế kỷ rất đơn sơ  
Làm sao bì kịp Vu Lan được?  
Tự mấy ngàn năm rất tuyệt vời

Ngày lễ năm nay rất đông người  
Trâm hương nghi ngút, lá hoa tươi  
Bao cô thiếu nữ xinh như mộng  
Gặp con chúm chím, tùm tùm cười

Có một cô trông giống mẹ hiền  
Làn da trắng mịn, nụ cười duyên  
Áo dài đầy hoa, tha thướt quá  
Răng ngà, mắt lớn, má đồng tiền

Cô đến bên con gắn hoa hồng  
Hỏi anh có còn mẹ hay không?  
Lệ ứa bờ mi con áp úng  
Thưa cô mẹ mất đã ba năm

Cảm động nhìn tôi mắt u buồn,  
Cô với tay ra giỏ hoa hồng  
Chọn một đoá hoa màu trắng toát  
Âu yếm cài lên túi áo con

Ước gì con có mẹ như cô!  
Để được hoa hồng đỏ thật tươi  
Con nhớ mẹ hiền, ôi nhớ quá  
Bây giờ côì cút quá mẹ ơi!

Con ra tiệm hoa bên kia đường  
Mua bó hoa hồng thật dễ thương  
Đợi lúc mình cô đang đứng nghỉ  
Người cô ngào ngạt một mùi hương

Cám ơn cô đã gắn hoa hồng  
Tôi đoán tuổi cô chưa có chồng  
Nếu đúng, bó hoa này xin tặng  
Cho người con gái rất đoan trang



Anh đoán như thần, chưa có ai  
Lần đầu nhận hoa của hàng trai  
Em sẽ hỏi mẹ cho ý kiến  
Để xem mình làm đúng hay sai

Tôi nhìn mắt cô, nhoăn miêng cười  
Mắt mẹ buồn khổ lắm cô ơi!  
Thèm khát bàn tay nâng niu đó  
Nhìn cô tôi nhớ mẹ sụt sùi

Đêm nay tôi nhớ bóng mẹ hiền  
Nhớ thêm cô gái má đồng tiền  
Ngày lễ Vu Lan may mắn quá  
Biết đâu mình sẽ được nên duyên

**Tân Văn**  
ngovantan@yahoo.com

Francis Carco (1886-1958)  
Tâm Minh Ngô Tằng Giao chuyển ngữ.

## Adieu - Vĩnh Biệt

### Adieu

Si l 'humble cabaret, noirci  
Par la pluie et le vent d 'automne  
M 'accueille, tu n 'es plus ici ...  
Je souffre et l 'amour m 'abandonne.

Je souffre affreusement. Le jour  
Où tu partis, j 'appris à rire.  
J 'ai depuis pleuré, sans amour  
Et vécu tristement ma vie.

Au moins, garde le souvenir,  
Garde mon coeur, berce ma peine !  
Chéris cette tendresse ancienne  
Qui voulut, blessée, en finir.

Je rirai contre une autre épaule  
D 'autres baisers me suffiront  
Je les marquerais de mes dents  
Mais tu resteras la plus belle...

### Vĩnh Biệt

Đón ta, quán nhỏ ngày xưa,  
Trời thu tắm tối gió mưa giăng đầy,  
Em còn đâu nữa nơi đây...  
Tình yêu vỗ cánh thân này xót xa.

Niềm đau nỗi nhớ bao la,  
Ngày em ly biệt môi ta biếng cười,  
Trong lòng suối lệ tuôn rơi  
Tình em xa vắng cuộc đời buồn tênh.

Hãy lưu kỷ niệm đôi mình!  
Hãy xoa cho dịu cuộc tình thương đau!  
Nâng niu triu mến thừa nào  
Đã qua sao vẫn ghen ngào tim cô!

Mai này cho lãng quên đời  
Ta bên kẻ lạ cũng cười, cũng hôn,  
Cũng rằng in dấu vui buồn,  
Nhưng ngôi hoa hậu em luôn trị vì.



Pierre de Ronsard (1524-1585)  
Tâm Minh Ngô Tăng Giao chuyển ngữ.

## **Quand vous serez bien vieille ... Khi nàng tuổi hạc**

### **Quand vous serez bien vieille ...**

Quand vous serez bien vieille, au soir, à la chandelle,  
Assise auprès du feu, dévidant et filant,  
Direz, chantant mes vers, en vous émerveillant:  
"Ronsard me célébrait du temps que j 'étais belle."  
Lors vous n 'aurez servante oyant telle nouvelle,  
Déjà sous le labeur à demi sommeillant,  
Qui au bruit de mon nom ne s'aille reveillant,  
Bénissant votre nom de louange immortelle.  
Je serai sous la terre, et fantôme sans os  
Par les ombres myrteux je prendrai mon repos:  
Vous serez au foyer une vieille accroupie,  
Regrettant mon amour et votre fier dédain.  
Vivez, si m 'en croyez, n 'attendez à demain:  
Cueillez dès aujourd 'hui les roses de la vie!

## **Khi nàng tuổi hạc**

Khi nàng tuổi hạc, chiều tàn  
Chong đèn, ngồi sưởi, thào đàn ngâm ngùi  
Ngâm thơ ta, giọng bồi hồi:  
"Ronsard tán tụng mình thời xuân xanh"  
Nữ tì chợ giấc bên màn  
Chợt nghe choàng tỉnh, vinh danh hết lời  
Tình thơ lai láng tuyệt vời  
Tên nàng bất tử, người đời ngợi ca  
Mai kia lòng đất đón ta  
Nghỉ yên bóng mát, thân ma chập chờn  
Nàng già, bên lửa, tiếc thương  
Tình ta thừa trước bể bàng vì ai.  
Sống vui chờ đợi ngày mai:  
Hái ngay hồng thắm chưa phai vườn đời!

## Nhân Mùa Hội Thơ (\*)

**Huỳnh Mạnh Tiên**

"Hãy khua tất cả dây  
" Hãy đừng khóc cho những dòng sông  
" Hãy sục bàn chân băng băng con đường bụi  
"  
" ...  
" Tôi thét lên \_\_\_\_\_ tiếng còi tàu rúc, thúc tôi đi "  
( Cái chân vịt & Tiếng còi tàu )

Vì Thùy Linh đi đâu cô không cần biết, cũng không màng đến; đi cái đã. Bởi, ở lại (như cột đèn thành phố) đồng nghĩa với dậm chân tại chỗ, hoặc tệ hơn: ăn theo sổ tiết kiệm của người xưa. - Điều này rất cấm kỵ trong thi ca, sáng tác, sáng tạo ... Cho nên chúng ta vô vàn trân trọng khi VTL hăm he "sục bàn chân"; nếu cô sục cái khác thì cũng vui thôi ! Ai đi cấm cửa một vàng trắng.

\*\*\*

VTL lém, nhưng giả dại gọi đích danh những phần mảnh thâm kính của con người. ' Cô bé ' hỏi bố : "Tại sao nước mặn chiếm ba phần tư trái đất ?". Cha lắc đầu. Cô tra mẹ : "Tại sao con người ít cười hơn khóc ?". Mẹ cúi đầu. Nhà thơ VTL chỉ còn cách đi cầu viện các tiên chỉ, các tiên sinh trong ... làng thơ của chúng ta. May ra mắt xanh ! "May ra " đôi khi lại là ... may rủi. Rủi các các " tiên " bực mình thổi quả phạt đền : treo căng các bản thảo " có vấn đề ".

\*\*\*

Thơ VTL không bỏ bột ngọt. Tác giả nấu ' phở bắc ' chính hiệu ' con nai vàng ' . - Cô không thêm tương ngọt hay bò vò viên; bát cô to, nhiều nước (nhà văn Mai Thảo - nghe đâu - rất sợ phở thiếu nước vì ông soi tà tà; tô bé, thiếu nước thì phở mau nguội, đóng màng). Tôi muốn ám chỉ thơ VTL không ăn theo sổ đông (ăn vội và ăn tạp). Linh "không sửa soạn cho mình sự yên nghỉ " bởi yên nghỉ đồng nghĩa với dậm chân tại chỗ; là nghỉ trưa hả miệng ! Chữ nghĩa của Linh rất 'trẻ' (bé, trẻ ít chịu ngủ trưa), đầy thao thức, luôn luôn tự tra tấn, tự làm tình làm tội mình. Có những câu thơ nghe qua dường như từng tưng mà sao vui ngâm ngùi triết lý (thân phận còn người / Số phận lừa đời):

"một trăm lần gặp nhau  
" rồi cũng chẳng biết mình già hay trẻ  
" tâm hồn em ở miền anh ... "

Với Linh, "tình yêu đã trở thành tôn giáo".

Cô hôn người yêu tràn tràn dưới cội bồ đề.

Cô có thể yêu đương cả trên đồi olives không màng cấm kỵ. Thế đấy - Khi Người Ta Trẻ.

Tuổi trẻ tài cao, đầy thủ thuật.

"Cô bé 15 tuổi đầy mùa đông suốt cuộc đời" đã biết huyền hoặc người yêu:

"thân thể em điều là trái chín".

Bà Eva - trước kia - có lần hái táo tặng Adam. Cả hai liền bị quả phạt đền.

Penalty !

VTL táo bạo hơn Eva. Cô nhìn thẳng người thương, cô bỏ thân thoát, cô đi vào độc thoát:

"Hãy siết em cắn em để hằn dấu vết

"Hãy nhập vào em hãy khóa em và đánh

"mất chìa khóa trong em.

Linh ơi ! cô tiếp tục sẽ bị những quả phạt đền đấy.

Trọng tài ta không nhân nhượng như trọng tài ... tây. Hôm nay, ở đây, và bây giờ chúng ta điều là những ... thân phận sáng tác; nên chúng ta chúc phúc cho nhau: chân cứng; bánh mềm.

Điều này tôi chỉ dám nói riêng với bầu bạn:

- "Đừng khóc

những dòng sông".

\_\_\_\_\_ Paris 17 nov. 2003 \_\_\_\_\_

Huỳnh Mạnh Tiên

(nhân mùa *Hội Thơ* 22 nov. 2003)

nên viết vội: - vàng

(\*) *Ba bạn cho đồ và tặng sách tôi không còn tư liệu thơ Thanh Thảo nên không dám viết về anh. Hẹn anh một dịp khác vậy*

# Nước Dòng Sông Cái

Nguyên Tác: Ôkawa no Mizu  
Tác giả : Akutagawa Ryunosuke  
Người dịch : Nguyễn Nam Trân

## Lời Người Dịch:

Người dịch dùng nguyên tác Nhật ngữ của nhà Kadogawa, bản bỏ túi in lại năm 1989.

Akutagawa hoàn tất Nước Dòng Sông Cái vào tháng giêng năm 1912 lúc ông hãy còn là cậu sinh viên 20 tuổi. Bài được đăng trên tạp chí thi văn Kokoro no hana (Hoa Tim). Những nhà nghiên cứu thường xem Rônen (Tuổi Già, 1914) mới là tác phẩm đầu tay của ông nên ít người để ý đoạn văn này ( vốn có tính cách tùy bút hoặc trường ca nhiều hơn là truyện ngắn). Tuy nhiên, những ai sành Akutagawa đều nhận thấy trong mấy trang sau đây đã ngưng đọng tất cả cái tinh anh và tươi tắn nhất của tâm hồn ông, ở thời điểm mà yếu tố trữ tình và mỹ cảm của tuổi hoa niên chưa bị những hoài nghi và mệt mỏi trong cuộc sống làm cho phai nhạt.

Nước Dòng Sông Cái có nhiều chi tiết khiến người ta nghĩ nó là thiên tự truyện nhưng thật ra cái duyên dáng của đoạn văn hàm chứa trong sự mơ hồ bàng bạc của những chi tiết ấy. Cái mơ hồ bàng bạc ở đây ta từng tìm được trong Tôi Đi Học của Thanh Tịnh, Phấn Thông Vàng của Xuân Diệu hay Chơi Giữa Mùa Trăng của Hàn Mặc Tử, đọc thuở thiếu thời.

Ngoài hai thi nhân ngoại quốc Gabriele d'Annunzio (Ý) de Hugo von Hofmansthal (Áo) mà Akutagawa nhắc đến tên, dịch giả Edwige de Chavanes trong lời chú dẫn cho bản dịch tiếng Pháp (L'eau du Fleuve, trong La vie d'un idiot et autres nouvelles, Unesco, Gallimard, Paris, 1987) đã nhận ra ảnh hưởng Kitahara Hakushu (1885-1942) qua một số chữ dùng, mượn từ tác phẩm Chuối Ngày Thơ Ấu (Waga Oitachi) của nhà thơ.

Sông Cái ngậm chỉ khúc hạ lưu của Sumidagawa, con sông xiết bao gần gũi đối với người dân Tokyo, đã đưa cậu bé Niihara ( về sau sẽ thành Akutagawa của chúng ta) vào một dòng sông lớn hơn, dòng văn học.

Như tiên tri về số phận mình, trong đoạn văn đầu tay này, Akutagawa đã nói đến cảm tưởng mơ hồ trực diện Thần Chết đang nổi lên trên mặt nước, khi dòng sông của đời ông đang rong ruổi về miền Vĩnh Cửu "vô thủy vô chung". Khi chuyển ngữ, người dịch không khỏi xúc động liên tưởng đến những dòng sông thân yêu trong đời mỗi một chúng ta, tự thời Lý Bạch (Dao liên cố viên thủy, Vạn lý tông hành chu) tác giả hai câu thơ mà một người thầy học cũ, nhà mô phạm Trần Trọng San, đã dịch:

*Thương sao dòng nước quê nhà,  
Tiễn đưa muôn dặm thuyền ra xứ người.*

Tôi sinh ra ở một xóm kè Ôkawabata, Vùng Bãi Sông. Ra khỏi nhà, chỉ cần len lỏi xuyên mấy con hẻm khu Yokoami (Lưới Ngang) san sát phen giậu đen đui nấp dưới những tàng lá dẻ xanh non là đã ra đến ven bờ Happongui (Trăm Cọc) để được nhìn mặt nước mênh mông. Từ hồi thơ dại cho đến khi học hết cấp hai, hầu như mỗi ngày tôi đều có dịp đứng ngắm con sông. Nào nước, nào thuyền, nào cầu, nào cồn cát, nào cuộc đời tất tả ngược xuôi của những người sinh ra và sống trên mặt nước. Cho đến bây giờ, dù bao năm đã trôi qua, tôi vẫn còn nhớ da diết cái mùi nồng chưa ngửi mà đã cảm thấy của nước sông vào những trưa giữa hè nắng gắt, khi chân tôi giẫm lên cát bỏng trong những lần đến lớp học bơi.

Cớ sao tôi yêu con Sông Cái này đến thế! Phải chăng vì cảm thấy trong cái hâm hẩm của làn nước ngàu bùn có gì dễ thương vô hạn. Thật tình đến tôi cũng không thể nào giải thích lý do. Chỉ biết, tự ngày xưa, mỗi lần cứ nhìn



dòng nước là trong lòng tôi không khỏi dậy một nỗi trống vắng và một nguồn an ủi đến ứa nước mắt. Tôi thấy mình như hoàn toàn tách ra khỏi thế giới đang sống, tâm hồn bay vút vào một cõi đất trời đầy nhớ nhung, luyến tiếc. Nhờ có dòng sông mà mang được cái tâm tình ấy, thường thức được nguồn an ủi và thú cô đơn ấy, nên tôi đâm ra yêu nó hơn mọi thứ trên đời.

Làn sương xám bạc, dòng nước như vệt dầu xanh, âm hưởng còi tàu mơ hồ tựa tiếng thở dài, cánh buồm nâu hình tam giác của con thuyền chơ than đá... mỗi chi tiết của phong cảnh trên sông đều khơi dậy trong tôi nỗi buồn khó nén, khiến cho chút lòng thơ đại của tôi cũng không khỏi lao xao như ngàn liễu bên bờ.

Ba năm sau này, tôi dành thời giờ chăm chú đọc sách trong phòng văn cất giữa một vùng lùm bụi thanh u ngoại ô khu Yamanote sang trọng nhưng vẫn không quên tìm ngắm giòng sông lớn ấy mỗi tháng hai ba lần. Màu sắc của nước sông di động lại tựa hồ đứng yên, trôi mà như lười chảy, làm tan biến những căng thẳng trong tâm trí tôi, vốn đang chịu áp lực và kích thích của bầu không khí quá tịch mịch của phòng văn và nhịp làm việc dồn dập không đương nổi. Nước dòng Sông Cái mang đến cho tôi niềm tiếc nuối buồn thương và giải thoát của kẻ đi hành hương lâu ngày mới về đến quê nhà, giúp cho cái tâm hồn xao động trong tôi tìm ra thanh thản. Cũng nhờ nó mà lần đầu tiên tôi mới sống được những tình cảm không thoảng gọn và thực sự của mình.

Biết bao lần tôi đã được nhìn những cánh hoa keo trắng toát nghiêng mình xuống dòng nước xanh, bay lá tả trước cơn gió nhẹ một ngày đầu hè. Biết bao lần tôi đã được nghe tiếng chim di se sắt lạnh tâng không ngang tầm mặt nước tối của những đêm tháng mười một trời thường làm sương giá. Những điều nghe thấy như thế đã làm tình yêu trong tôi đối với giòng sông mỗi ngày một mới. Cũng run rẩy như cánh chuồn đen sinh ra từ nước sông mùa hạ, tấm lòng niên thiếu của tôi lúc đó mở thật to để thu biết bao đổi thay mới mẻ cho đầy đôi người kinh ngạc. Nhớ nhất là lúc tựa mạn thuyền thả lưới đêm, trôi theo dòng, ngắm mặt nước đen không gây mây may tiếng động, để khi nghe tiếng thở phập phồng của Thần Chết đang lênh bênh giữa khoảng đêm khuya và mặt nước, mới cảm thấy một nỗi buồn bơ vơ xâm chiếm tâm hồn.

Mỗi lần nhìn dòng Sông Cái, tôi không thể nào quên được cái kinh thành của sóng nước mãi bên trời Ý vẫn đón buổi chiều về với tiếng hát thiên nga và hồi chuông tu viện, nơi mà giữa hàng lan can rợp bóng hồng bóng huệ được tô vẽ bằng những tia sáng xanh từ vàng trắng đang chìm dưới nước hắt lên, có những chiếc thuyền gondola đen tựa quan tài lướt đi như trong một giấc chiêm bao từ vòm cầu này sang vòm cầu nọ theo nhịp chèo lơ lửng – tất cả làm tôi bây giờ càng chạnh lòng nhớ tới tâm tình nồng nàn tha thiết mà D'Annunzio (1) đã để tuôn trào vì cảnh sắc của Venezia.

Những xóm ven bờ được nước dòng Sông Cái yêu dấu vỗ về đối với tôi đều khó quên và rất đổi thân thương. Từ phía cầu Azuma xuôi về hạ lưu, nào là Komakata, Namiki, Kuramae, Daichi, cầu Yanagi hay Yakushimae ở Tada, Umebori, Yokoami, chôn nào cũng thế. Khách bộ hành qua lại các thôn xóm này đều được nghe từ giữa những bức tường trắng bằng đất nện của các kho hàng nằm hong nắng, từ giữa những ngôi nhà tối nhờ nhờ có khung cửa chân song, hay từ giữa những lối đi rợp hàng liễu hàng keo mà lá chỉ mới nhú mầm nâu bạc, vọng vào tai âm hưởng quen thuộc của giòng nước xanh loang loáng mà con Sông Cái, sáng như tấm kính mới mài, đã mang đến cho họ cùng một lượt với mùi nước triều lành lạnh trong chuyến xuôi Nam, cuộc hành trình mà dòng sông đã quen làm từ một thuở xa xưa.

Ôi, cái tiếng nước sông thân thuộc kia, như thì thảo, như van lơn, như chập lười, giòng nước màu xanh vắt ra từ ngọn cỏ, hết ngày đến đêm, gột rửa những kẻ đá hai bên bờ. Còn nhớ bi kịch của nàng Hanjo (2) hay chàng Narihira (3) chứ nhỉ? Tôi không ngược lên đến tận thời (khi Tôkyô còn là) giải bình nguyên Musashi, nhưng kể đã từ lâu, đã có những thầy tuồng kịch múa rối Jôruri ở Edo, gần đây là Kawatake Mokuami (4), bậc đại sư Kabuki, thường đưa tiếng chuông thiền viện Sensô (5) cũng như âm hưởng trầm buồn của nước dòng Sông Cái vào các pho tuồng nói về nhân tình thế thái của họ để làm nổi bật cái die Stimmung (6), không khí căng thẳng trong một lớp lang xảy ra án mạng. Lúc Izayoi và Seishin (7) gieo mình xuống nước, khi cu cậu Gen.nojô (8) mãi mê nhìn người đẹp Okoyo trong bộ áo người săn chim (9) hay ngay cả khi anh chàng bán đồ đồng nát Matsugorô (10) gánh đôi quang thúng đi qua cầu Ryôgoku khi chiều hè sụp tối và bấy dơi liệng đầy, thì dòng

Sông Cái, như đến tận giờ, vẫn chây lười thì thào vỗ sóng vào cầu tàu của hàng quán cho thuê thuyền, bên ngàn lau xanh, dưới lườn những con thuyền mũi nhọn đỗ hai bên bờ.

Muốn nghe cho được âm thanh ngủi nhớ của nước sông, phải leo đò làm một chuyến sang ngang. Nếu tôi không lầm, từ phía cầu Azuma đổ xuống cầu mới Ôhashi, có tất cả năm cái bến. Trong số đó thì bến Komakata, bến Fujimi và bến Ataka, cả ba đã lần hồi biến mất, bây giờ chỉ có bến ở cầu Ichi đi qua xóm Hamachô và cái nữa từ cầu Mikura sang xóm Sugachô là hãy còn lưa. So với hồi tôi còn bé tẹo, con sông cũng đã đổi dòng, những cồn cát điểm tuyết lùm lau bãi sậy như bị lấp vùi không còn hình tích. Thế nhưng hai bến cũ còn nguyên bóng dáng con đò đáy nông, vẫn ông lái đò già mỗi ngày chèo chống bao nhiêu bạn đưa khách qua dòng nước xanh rờn tiếp màu cùng rặng liễu ven sông.

Lắm lúc chẳng có việc gì, tôi cũng ra bến theo đò qua sông, sung sướng để mặc sóng nước bồng bênh đu đưa thân thể mình như trong một chiếc nôi. Đi mấy chuyến đò càng trẻ bao nhiêu thì mới thưởng thức những niềm vui và nỗi buồn thấm thía bấy nhiêu. Kề bên ngoài mạn thuyền thấp chỉ có làn nước xanh lục trải dài. Ném một cái nhìn đã thấy trọn mặt sông mượt mà, đang ánh lên chút màu đồng nhạt nếu tầm mắt không vướng mỗi cái cầu mới Ôhashi mãi đằng xa. Nhà cửa hai bên bờ sông giờ ấy đã tuyền một màu tro, đèn đóm cư dân hắt vàng vọt lên những khung cửa phết giấy, tháp thoáng đôi nơi trong sương. Theo ngọn triều lên, thỉnh thoảng lại có một hai chiếc bè lớn chở hàng, buồm xám buồm nửa vơi, bơi ngược dòng nhưng chiếc nào chiếc nấy yên ắng lạ lùng, chả biết có người cầm lái hay không nữa. Không hiểu sao cảnh mấy lá buồm trôi trong lặng lẽ và cái mùi của ngọn triều xanh rộng đã gọi trong tôi một nỗi buồn không nói được nên lời, tương tự khi đang đọc những văn Erlebnis của Hofmannsthal (11) và cùng lúc, trong lòng tôi, một tình cảm dịu ngọt như thể đang khẽ muốn cất lên lời hát để hòa nhịp cho bằng được với tiếng nước của dòng Sông Cái đang chìm giữa đáy trời sương.

Không chỉ riêng cái âm hưởng của dòng nước mới lôi cuốn tôi đâu. Màu sắc của nó nữa, vừa mềm mại vừa ấm áp, cái màu mà tôi nghĩ khó tìm được ở nơi nào khác.

Nước ngoài biển giống như ngọc bích, vì sâu nên đọng thành khối nặng trong khi nước trên thượng nguồn không bị ảnh hưởng triều lên triều xuống, giữ một màu xanh cánh trả nhàn nhạt, lại quá nhẹ, quá mỏng và quá sáng. Duy có nước của khúc Sông Cái, chảy giữa bình nguyên, nơi nước ngọt và nước mặn giao hòa, mới dung hợp được màu xanh lạnh lẽo và màu vàng đục ấm áp, để có vẻ thể nhân hơn, khơi được trong ta cái hoài cảm *lifelike* (12) một tình cảm hết sức đời thường. Nhất là khi con sông đã rong ruổi hết vùng bình nguyên Kantô nhiều đất sét nâu đỏ, bình lặng chảy về Tôkyô đô hội, cái màu nước vốn đục ngầu và nhẩn nhố như một lão Do Thái già khó tính, mòm thích cằn nhằn lâu bầu, giờ đây đã có cái gì thông thả, nuốt nà, dễ thương. Và tuy cùng chảy ngang một thành phố, nhưng có lẽ nhờ trao đổi thường xuyên với đại dương thần bí, nước con Sông Cái không hề đen ngòm như các kênh lạch nối những dòng sông lại với nhau. Sông Cái không hề ngủ. Tôi có cảm tưởng nó luôn luôn di động nhưng chỉ để chấm dứt cuộc hành trình ở đích đến nhất định: một miền Vĩnh Cửu "vô thủy vô chung". Dĩ nhiên vui là khi thấy dòng nước xanh như vệt dầu thơm trôi dưới những cây cầu Azuma, Umayu, Ryôgoku, ôm ấp mấy chân cầu lớn xây bằng gạch hay đá hoa cương. Có khi nó nép vào bờ, in bóng những ngọn đèn giấy màu trắng các cửa hiệu cho mướn thuyền cũng như những chòm lá liễu nghiêng ngả khoe mặt trái bạc phấn. Có khi, tắc nghẽn vì cái đập chắn nước, nó lặng lẽ lấp lánh bên dưới những chái bếp không bóng người, than thở hộ cánh phù dung đỏ một trưa quá ngọ có tiếng đàn samisen (13) rồi rạc uể oải, để rồi giật mình bối rối vì tiếng đập cánh bất chợt của một chú vịt trời. Cái màu phải gọi là nặng nề của dòng nước như thế cũng chan chứa ấm áp, hồn hậu. Cho dù khi dòng sông về đến gần cầu Ryôgoku, cầu mới Ôhashi, cầu Eitai và vùng cửa sông lúc nước của nó được hòa với cái màu xanh đậm của ngọn triều âm hay phản chiếu ánh nắng lấp lóa của mặt trời trắng bạch tựa như tấm kim loại trái rộng dưới một tầng không ồn ào đầy bụi khói, nó vẫn tiếp tục lười biếng đưa đoàn thuyền khảm lừ than đá và những con tàu kiểu cũ chạy bằng hơi nước mà lớp sơn trắng đã bong đi. Thiên nhiên với con người như chung nhịp thở, cái màu ấm áp mà dòng sông không biết thu nhận được lúc nào khi chảy qua thành phố đâu để gì mất đi cho được.

Đặc biệt lúc chiều xuống, con sông bỗng đổi sắc theo lớp mù do hơi nước vừng lên và màu nắng càng ngày càng phai nhạt trên nền trời, để thành một thứ màu huyền hoặc khó tả. Minh tôi, gồng hai tay lên thành đò, lơ đãng lướt nhìn mặt sông chiều nắng xế mù dâng, và khi thấy từ bên kia bờ giòng nước lục đậm, trên không trung chỗ mấy

nóc nhà sẫm tối, một vầng trăng to và đỏ ló ra, thì tôi không tài gì cảm được nước mắt, điều mà có lẽ suốt đời, tôi chẳng thể nào quên.

Theo Meljukovski (14), *"Mỗi thành phố đều có cái mùi cố hữu của nó. Mùi của Florence là hương huệ trắng, mùi bụi bặm, sương mù và mùi véc-ni những khung tranh cổ quyền vào nhau"*. Nếu ai hỏi tôi về cái mùi của Tôkyô, tôi sẽ xin phép trả lời ngay đó là cái mùi của dòng Sông Cái. Không riêng gì cái mùi! Màu sắc của dòng sông, âm hưởng của dòng sông chính là màu sắc và tiếng động của Tôkyô mà tôi yêu dấu. Nhờ có dòng sông, tôi mới biết yêu Tôkyô, và nhờ có Tôkyô, tôi mới biết yêu đời.

(tháng giêng năm 1912)

Tái bút: Đạo sau này, tôi nghe nói bến đò ngang cầu Ichi đã mất đi rồi, bến đò cầu Mikura cũng sắp sửa bị dẹp.

## Chú thích

(1) - G. D'Annunzio (1863-1938) thi nhân người Ý thuộc trường phái duy mỹ (aestheticism).

(2) - Hanjo, tên một ca kỹ, nhân vật trong tuồng Nô của tác giả nổi tiếng Zeami (1363?-1443?), bị người yêu phụ bạc mà phát cuồng.

(3) - Ariwara No Narihira (825-880), vương tử và thi nhân có tiếng đẹp trai, bị đày về miền Đông (Tôkyô) vì dan díu với Hoàng Hậu. Sự tích được đem vào các vở tuồng Nô, Kabuki và Jôruri.

(4) - Kawatake Mokuami (1816-1898), nhà soạn tuồng Kabuki có tiếng.

(5) - Sensôji (Thiền Thảo Tự), chùa thuộc phái Tendai (Thiền Thai Tông) ở xóm bình dân Asakusa, gần sông Sumida.

(6) - Không khí (tiếng Đức trong nguyên văn)

(7) - Nhân vật tuồng Kabuki của Kawatake Mokuami, ca kỹ Izayoi tự trảm trên giòng Sumida với người yêu, nhà sư Seishin.

(8) - Gen.nojô là vũ sĩ hầu cận Shôgun yêu nàng con gái hát đạo Okoyo nhưng duyên không thành vì vấn đề giai cấp.

(9) - Torioisugata, quần áo giả trang của người hát đạo.

(10) - Matsugorô cũng là nhân vật tuồng Kabuki của Kawatake Mokuami, hận đời vì sống nghèo túng, vút đồ nghề xuống sông Sumida, đi làm giặc cướp, sau tự tử.

(11) - Hugo von Hofmannsthal (1874-1920) thi sĩ trữ tình người Áo, đã viết Erbelnis năm 1892, lúc 18 tuổi.

(12) - Lifelike, sống động (tiếng Anh trong nguyên văn)

(13) - Đến ba giây truyền từ Okinawa, dụng cụ âm nhạc bình dân.

(14) - Có thể là phiên âm Nhật ngữ của Dimitrii Merezhkoskii (1865-1941), tiểu thuyết gia Nga trường phái ấn tượng, sau lưu vong ở Pháp.

Dịch xong ngày 17/06/2003  
Nguyễn Nam Trân



# Tôi đi học

Thanh Tịnh

**H**àng năm, cứ vào cuối thu, lá ngoài đường rụng nhiều, và trên không có những đám mây ban bạc, lòng tôi lại nao nức những kỷ niệm mơn man của buổi tựu trường.

Tôi quên thế nào được những cảm giác trong sáng ấy nảy nở trong lòng tôi như mấy cành hoa tươi mỉm cười giữa bầu trời quang đãng.

Những ý tưởng ấy, tôi chưa lần nào ghi lên giấy, vì hồi ấy tôi không biết ghi và ngày nay tôi không nhớ hết. Nhưng mỗi lần thấy mấy em nhỏ rụt rè núp dưới nón mẹ lần đầu tiên đi đến trường, lòng tôi lại tung bùng rộn rã.

Buổi mai hôm ấy, một buổi mai đầy sương thu và đầy gió lạnh. Mẹ tôi âu yếm nắm tay tôi dẫn đi trên con đường làng dài và hẹp. Con đường này, tôi đã quen đi lại lắm lần, nhưng lần này tôi tự nhiên thấy lạ. Cảnh vật chung quanh tôi đều thay đổi, vì chính lòng tôi đang có sự thay đổi lớn: hôm nay tôi đi học.

Tôi không lội qua sông thả diều như thằng Quý và không đi ra đồng nô đùa như thằng Sơn nữa.

Trong chiếc áo vải dù đen dài, tôi cảm thấy mình trang trọng và đứng đắn.

Dọc đường thấy mấy cậu nhỏ trạc bằng tôi, áo quần tươm tất, nhí nhảnh gọi tên nhau hay trao sách vở cho nhau xem mà tôi thèm. Hai quyển vở mới đang ở trên tay tôi đã bắt đầu thấy nặng. Tôi bấm tay ghi thật chặt, nhưng một quyển vở cũng xệch ra và chênh đầu chúi xuống đất. Tôi xóc lên và nắm lại cẩn thận. Mấy cậu đi trước ôm sách vở nhiều, lại kèm cả bút thước nữa. Nhưng mấy cậu không để lộ vẻ khó khăn gì hết.

Tôi muốn thử sức mình nên nhìn mẹ tôi:

- Mẹ đưa bút thước cho con cầm.

Mẹ tôi cúi đầu nhìn tôi với cặp mắt thật âu yếm:

- Thôi để mẹ cầm cũng được.

Tôi có ngay cái ý nghĩ vừa non nớt vừa ngây thơ này: chắc chỉ người thạo mới cầm nổi bút thước.

Ý nghĩ thoáng qua trong trí tôi nhẹ nhàng như một làn mây lướt ngang trên ngọn núi.

Trước sân trường làng Mỹ Lý dày đặc cả người. Người nào áo quần cũng sạch sẽ, gương mặt cũng vui tươi và sáng sủa.

Trước đó mấy hôm, lúc đi ngang làng Hòa An bấy chim quyên với thằng Minh, tôi có ghé lại trường một lần.

Lần ấy trường đối với tôi là một nơi xa lạ . Tôi đi chung quanh các lớp để nhìn qua cửa kính mấy bản đồ treo trên tường. Tôi không có cảm tưởng nào khác là nhà trường cao ráo và sạch sẽ hơn các nhà trong làng.

Nhưng lần này lại khác. Trước mặt tôi, trường Mỹ Lý trông vừa xinh xắn vừa oai nghiêm như cái đình làng Hòa Ấp. Sân nó rộng, mình nó cao hơn trong những buổi trưa hè đầy vắng lặng. Lòng tôi đâm ra lo sợ vẩn vơ .

Cũng như tôi, mấy cậu học trò mới bờ ngỡ đứng nép bên người thân, chỉ dám nhìn một nửa hay dám đi từng bước nhẹ. Họ như con chim con đứng trên bờ tổ, nhìn quãng trời rộng muốn bay, nhưng còn ngập ngừng e sợ . Họ thềm vụng và ước ao thắm được như những học trò cũ, biết lớp, biết thầy để khỏi phải rụt rè trong cảnh lạ .

Sau một hồi trống thúc vang dội cả lòng tôi, mấy người học trò cũ đến sắp hàng dưới hiên rồi đi vào lớp. Cảm thấy mình trơ vơ là lúc này. Vì chung quanh là những cậu bé vụng về lúng túng như tôi cả. Các cậu không đi. Các cậu chỉ theo sức mạnh kéo diu các cậu tới trước. Nói các cậu không đứng lại càng đứng hơn nữa. Vì hai chân các cậu cứ dềnh dàng mãi. Hết co lên một chân, các cậu lại duỗi mạnh như đá một quả ban tưởng tượng. Chính lúc này toàn thân các cậu cũng đang run run theo nhịp bước rộn ràng trong các lớp.

Ông đốc trường Mỹ Lý cho gọi mấy cậu học trò mới đến đứng trước lớp ba. Trường làng nhỏ, nên không có phòng riêng của ông đốc. Trong lúc ông ta đọc đến tên từng người, tôi cảm thấy như quả tim tôi ngừng đập. Tôi quên cả mẹ tôi đứng sau tôi. Nghe gọi đến tên, tôi tự nhiên giật mình và lúng túng. Sau khi đọc xong mấy mươi tên đã viết sẵn trên mảnh giấy lớn, ông đốc nhìn chúng tôi nói sẽ:

- Thế là các em được vào lớp năm. Các em phải gắng học để thầy mẹ được vui lòng, và để thầy dạy các em được sung sướng. Các em đã nghe chưa.

(Các em đều nghe nhưng không em nào dám trả lời. Cũng may đã có một tiếng dạ ran của phụ huynh đáp lại.)

Ông đốc nhìn chúng tôi với cặp mắt hiền từ và cảm động. Mấy cậu học trò lớp ba cũng đua nhau quay đầu nhìn ra. Và ngoài đường cũng có mấy người đứng dừng lại để nhìn vào. Trong những phút này, chúng tôi được người ta ngắm nhìn nhiều hơn hết. Vì vậy, đã lúng túng, chúng tôi càng lúng túng hơn.

Ông đốc lấy cặp kính trắng xuống rồi nói:

- Thôi, các em lên đây sắp hàng để vào lớp học.

Tôi cảm thấy sau lưng tôi có một bàn tay dịu dàng đẩy tôi tới trước. Nhưng người tôi lúc ấy tự nhiên thấy nặng nề một cách lạ. Không giữ được chéo áo hay cánh tay của người thân, vài ba cậu đã từ từ bước lên đứng dưới hiên lớp. Các cậu lưng lẻo nhìn ra sân, nơi mà những người thân đang nhìn các cậu với cặp mắt lưu luyến. Một cậu đứng đầu ôm mặt khóc. Tôi bất giác quay lưng lại rồi dúi đầu vào lòng mẹ tôi nức nở khóc theo. Tôi nghe sau lưng tôi, trong đám học trò mới, vài tiếng thút thít đang ngập ngừng trong cổ. Một bàn tay quen nhẹ vuốt mái tóc tôi.

Ông đốc tươi cười nhắ nại chờ chúng tôi.

- Các em đừng khóc. Trưa này các em được về nhà cơm mẹ. Và ngày mai lại được nghỉ cả ngày nữa.

Sau khi thấy hai mươi tám cậu học trò sắp hàng đều đặn dưới hiên trường, ông đốc liền ra dấu cho chúng tôi đi vào lớp năm. Một thầy trẻ tuổi, gương mặt tươi cười đang đón chúng tôi trước cửa lớp. Trong thời thơ ấu, tôi chưa lần nào thấy xa mẹ tôi như lần này. Tôi cũng lấy làm lạ.

Vì có những hôm đi chơi suốt cả ngày với chúng bạn ở đồng làng Lệ Xá, lòng tôi vẫn không cảm thấy xa nhà hay xa mẹ tôi chút nào hết.

Một mùi hương lạ xông lên trong lớp. Trông hình gì treo trên tường, tôi cũng thấy lạ và hay hay. Tôi nhìn bàn ghế chỗ tôi ngồi rất cẩn thận, rồi tự nhiên lạm nhận là vật riêng của mình. Tôi nhìn người bạn tí hon ngồi bên tôi, một người bạn tôi chưa hề quen biết, nhưng lòng tôi vẫn không cảm thấy sự xa lạ chút nào. Sự quyến luyến ấy tự nhiên và bất ngờ quá, đến nỗi tôi cũng không dám tin có thật.

Một con chim con liệng đến đứng trên bờ cửa sổ, hót mấy tiếng rụt rè rồi vỗ cánh bay cao.

Tôi đưa mắt thèm thuồng nhìn theo cánh chim. Một kỷ niệm cũ đi bầy chim giữa cánh đồng lúa hay trên bờ sông Viêm sống lại đầy dẫy trong trí tôi.

Nhưng tiếng phấn của thầy tôi gạch mạnh trên bảng đen đã đưa tôi về cảnh thật.

Tôi vòng tay lên bàn chăm chỉ nhìn thầy viết và lẩm bẩm đánh vần đọc:

- Bài tập viết : TÔI ĐI HỌC !

**Quê mẹ, tập truyện ngắn,  
Nhà xuất bản Đời nay,  
Hà Nội, 1941  
Thanh Tịnh**



# Phấn Thông Vàng

## Xuân Diệu

Họa sĩ đến đó, trong giờ đẹp nhất của buổi chiều. Trưa đã đi, ngày chưa ngả, sắc nắng ở giữa màu vàng héo và màu đỏ tươi.

Ấy là một buổi chiều hè, khi nắng chín muồi nhưng còn lâu chưa rụng, ngày như đứng sững để cho sắc vàng đừng trôi chảy hay đổ xiêu; một sắc vàng không rực rỡ nhưng nguy nga, tưởng đã yếu nhưng thực mạnh mẽ, lâu dài ngấm ngả ở trong không khí.

Họa sĩ mê mẩn làm sao! Rừng thông to lớn, chân cây vững tròng, tiếp nhau không hết. Buổi chiều vàng, có lẽ ở đâu thì chỉ xinh đẹp; ở đây rừng thông, chiều lại thêm lực lượng; sự sống không phô bày rõ rệt quá như trong buổi sáng hay buổi trưa, nên thịnh vượng mà có duyên.

Dừng chân đã được một chốc, nhìn lên trời và ngắm chung quanh, họa sĩ nghe trong lòng thơ thới. Linh hồn chàng nở dần, lập tức cái giá đặt xuống đất khung vải để vừa tầm, và hộp màu mở ra. Chàng bắt đầu họa.

\*  
\* \*

Chiều với rừng lặng lẽ; nhưng sắc vàng phảng phất âm thanh, nắng là một sự hiển hiện rõ rệt và đều hòa, tưởng có thể gõ vào không khí ở trên đầu để nghe sự lặng im rung rinh, xao xuyến. Có lẽ ai nấy cũng đã gặp chàng họa sĩ tóc đen ấy chứ; nếu không thì hãy tưởng tượng đi, và luôn tiện, hãy hình dung cảnh rừng thông. Cảnh có lẽ ở bên Tàu, và người có lẽ ở bên Tây, nhưng chuyện này không cốt nơi chốn ở, hay cốt chỉ có một chỗ ở: lòng người.

Chàng trai trẻ đứng quét những màu lên vải, đôi mày nhíu lại chăm chú vào tranh.

Nhưng chàng không thể không cô đơn, khi thấy rừng đẹp, hình thông bóng nắng sẵn sàng làm khung cho một cảnh tự tình. Và lần này, chàng lại buồn rầu thêm một lần nữa.

Chàng không xóa được trong lòng chàng một hình ảnh. Ba hình ảnh thì đúng hơn; nhất là hình sau cùng, nổi nà mà đau độc. Thanh niên của chàng quá xấu số với tình yêu; ba cuộc tình duyên chỉ để lại cho chàng những cay đắng.

Lần đầu, người chàng yêu chỉ coi chàng như một người bạn, thua nữa, như một người anh. Lần thứ hai người ta lãnh đạm hẳn với chàng. Giá ai đâu gặp cảnh ấy, họ sẽ thôi yêu là xong. Chàng, chàng vẫn dõi theo, không chịu thả. Chàng nghĩ rằng hễ yêu thì sẽ được yêu lại, đâu biết rằng sự cố nhiên của lòng mình không có nhiên chút nào cả, đối với đời.

Và mất bao nhiêu thì giờ, những mơ ước hão, những nhớ thương hoài, những sự gây dựng không đâu của tình yêu bất mãn. Rồi có ngày cũng phải hết: người ta đi lấy chồng.

Đến lần thứ ba. Sau khi đau khổ ê chề, lòng trẻ lại thử sống lại với mùa xuân, bởi vì mỗi khi đi vẽ ngoài đồng, họa sĩ nghiệm rằng lá non mẫm mĩm quá. Chàng lại thấy tình yêu mượn hình một người tuyệt sắc, một nữ thần có tóc óng dài và thân hình như tượng xưa.

Người yêu mới cũng yêu chàng. Khi nàng ấy vừa mỉm cười đầu tiên, chàng nói: đời chàng đã tới đích; và khi nàng mở lời dịu ngọt, chàng biết tình yêu của mình đã trọn vẹn về người này. Họa sĩ mê đắm quá; nàng mới tỏ ý cùng yêu mà chàng liền tưởng đó là lời hẹn đời kiếp với nhau.

Thực chàng chỉ đợi một chút yêu trả lại để tung cả linh hồn bị nén bấy lâu, hưởng chi vị nữ thần của chàng "cũng yêu chàng lắm". Hai lần thất bại, chàng họa sĩ đa tình - một thi sĩ không làm thơ - đắm đầu vào tình yêu, không thể đo đắn gì, cũng như kẻ bị nhử nhiều lần, bèn quyết xông vào cướp lấy bánh.

Kẻ khác đời không khi nào giao thiệp với người thường và khỏi chéch méch, nhất là trong chuyện tình. Họ ở cao quá chăng? Có lẽ...

"Và sắc đẹp chỉ làm bằng cẩm thạch", câu ấy dường như đúng với người giai nhân. Sau bao phen rã hợp nhau, chàng họa sĩ phải ngậm ngùi rời nàng, không muốn kéo dài sự sai lạc của bản đàn nữa. Hai người rất muốn chung hợp, song đã không ăn ý, thì thà rời nhau để còn có thể nhớ lại mà thương nhau. Nếu cố gấn, e rồi đến ghét nhau mất.

Và chàng đi, hết chốn nọ đến chốn kia, dạo nổi bất mãn của mình qua nghìn sông núi. Chàng tự nói đi tìm danh sơn thắng cảnh, nhưng thực chỉ đem nỗi thất vọng cùng đi giữa thế giới của cảnh và của người. Chàng thấy mệt rồi, lòng mệt mỏi và trống không như một tòa lâu bị cướp.

Chàng đã trút bao nhiêu âu yếm còn lại - còn lại nhưng vẫn nhiều lắm - cho vị nữ thần của chàng, và chàng phải thấy rằng có khi linh hồn không đi đôi với nhan sắc. Lòng chàng mệt mỏi: ba lần cho, ba lần mất, dộc cạn hết cả nhụy lòng. Những kỳ hương dị sắc của tình chàng đã trút vào đâu đâu, bay đi trong một luồng gió rui, để chàng thất tình như một người triệu phú bỗng dưng chỉ còn hai bàn tay không.

Và chàng đi, và chàng đi, vì mĩa mai thay, chàng vẫn còn khá tiền để trả những chuyến tàu. Và may sao chàng đa tình kia lại là một họa sĩ.

Những tranh chàng vẽ, dầu rằng đẹp, song không có tinh thần sự sống, sắc màu không hội họp niềm yêu. Khi người ta quá lên cao, người ta càng xuống thấp: chàng đã tin lắm, nên bây giờ chàng thấy hết, hết rồi. Chỉ còn đôi bàn tay chúng tô hình sắc một cánh thờ ơ.

Có đôi khung cảnh, mà sầu tình vẫn không thay: ba lần thất vọng! Chàng đã có tài phục sinh, nhưng còn gì đâu, sau lần mà chàng đã quyết là cuối cùng? Và những người chàng gặp trên con đường phiêu lưu vạn dặm phong trần chỉ làm chàng ghê sợ.

Hai, ba năm rồi, họa sĩ thất tình như vậy. Và ngày ấy, đến một chỗ trong xứ lạ, chàng nghe nói có rừng thông ở kia, bền vững đã lâu đời. Mùa hè rục rờ, chàng bèn tìm đến vẽ tranh.

Nhưng vẫn thấy lòng chàng đã hết rồi, - hay là chàng tưởng thế.

Bởi vì chiều nay, lòng chàng lại tái phục sau ba năm giả vờ chết.

Bởi vì trí ta ảnh hưởng đến lòng ta, làm sai sự thực rất sâu kín; chàng trai trẻ nghĩ rằng lòng chàng phải hết, nên lòng chàng tuy vẫn thắm còn, mà không lộ được kho sống giấu chôn.

Bởi vì chiều nay, rừng thông vừa chín, và sự tình cò xui chàng đến đó, và cũng sự tình cò xui ngọn gió đến đây.

Họa sĩ đương thờ thần kính sự lặng im của rừng thì bỗng đâu veo veo những tiếng trùng trùng điệp điệp. Gió đổ qua muôn ngọn thông, tai họa sĩ nghe muôn tiếng một lần, gồm thành một tiếng rậm và nhiều, rào rào êm ái. Và ly kỳ thay! Phấn vàng ở đâu nhẹ tuôn bay xuống, quả là một trận mưa phấn vàng, vì tiếng thông reo đã giống sẵn tiếng mưa.

Bấy giờ họa sĩ mới hiểu, nhớ lại những bài cách trí nói về màu hoa thông chín, gió tải nhị vàng đem đi, khiến dân núi gọi là mưa lưu huỳnh. Không gian đã thành một điệu vàng mênh mông: nắng vàng nhuộm vàng những cây, và phấn thông vàng lẫn vàng trong nắng.

Nhị vàng của thông. Ồ! Tình yêu của thông đó chẳng? Gió hơi se, rừng thông rún rẩy, tiếng ngân hữu ý, khi trời thành một sự đổi trao: muôn cây chắc đương khoái lạc vì đương sống việc ái tình, đó là nhị thông thoát hoa đực bay tìm hoa cái. Rừng thông sung sướng, ái tình tán mạn ôm ấp không gian: ấy là rừng thông đang yêu...

Tình yêu dồi dào gấp mấy của loài người! Phấn thông vàng không đi có chỗ có nơi, mà khởi hành một cuộc viễn du vô hạn. Gió chở đi qua trời rộng, nhị của thông đầu rừng lại đến gặp thông cuối rừng, và tất cả nhị của thông rừng này đi đến một rừng thông nào khác. Họa sĩ bất giác nghĩ đến những quả bắp nếp khi nhỏ chàng ăn, miệng vừa nhai, trí vừa không hiểu sao ở giữa những hàng hạt trắng tinh lại có lỗ đỏ những hạt đỏ khác màu. Có gì lạ? Nhị hoa bắp tẻ đã bay đến trong vườn bắp nếp. Tuy nhiên vườn nhà bên cạnh không có một cây bắp tẻ, có lẽ suốt cả làng cũng không có một vườn bắp tẻ nào, nhưng ở xa, rất xa xôi, thế nào cũng có những bắp tẻ đã cho nhị phiêu lưu, trải dặm ngàn để đến thành những hạt ngọc vàng nạm giữa những hàng ngọc trắng.

Tình yêu của loài cây xa xôi, viễn vọng như thế, không tính toán gần gũi như của loài người. Hoa thông để nhị vàng chảy ra tự trong lòng, và chỉ biết chừng này. Có một việc, là yêu, là gửi đi, là cho. Phấn thông sẽ đến, sẽ không đến? Kể làm chi!

Nhị vàng mênh mông tràn đầy, dư dật, cùng nhau cùng nhau viễn hành, rắc vàng khắp nơi. Phấn thông vàng đi đến sự vu vơ. Có lẽ ở đẳng chân trời, một rừng thông chưa chín hoa, đang đứng chờ nhị của rừng thông này đến. Cũng có lẽ bên kia trời, chỉ có sự vô địch của một làn mây.

Gió đem đến giữa lòng ấm áp hoa cái, thì nhị sẽ thành những quả vĩnh viễn đời đời, mà gió đem vào sự trống rỗng hay vào chôn bùn lầy, cái ấy tùy lòng gió.

Và lại, tình yêu có bao giờ mất! Phấn thông vàng không gặp hoa cái chẳng, thì phấn cũng đã làm lộng lẫy không gian trong một buổi chiều nọ. Sự phung phí đã thành mỹ thuật. Trời đã thêm xinh đẹp, phấn thông vàng không hề uổng công.

\*

\* \*

Và chàng họa sĩ đã ngừng đầu hứng lấy bao nhiêu nhị vàng từ trên tủa xuống trên mái tóc đen, và chàng đã mở lòng nhận lấy bài học ngụ trong bài thơ của phấn thông vàng. Ờ, sao chàng không phung phí như thông? Sao chàng nghĩ chỉ đến sự thiên hạ nhận? Chàng yêu, không đủ sao? Thấp thỏi gì hơn sự chọn lựa, tính toán, yêu đề mà được! Những tâm hồn như chàng phải chỉ thấy có tình yêu và không nệ đến người yêu. Chàng không xấu, không già, tuổi trẻ và sắc đẹp của chàng xứng đáng với tình yêu lắm, và lòng chàng: một suối ngọt, một vườn thơm.

Miền lòng chàng yêu; miền tình chàng đẹp. Gặp lòng một tri kỷ, tình chàng sẽ ấm áp, gặp sự vô tri của một người lãnh đạm, tình chàng sẽ lạnh lùng. Nhưng có bao giờ hết đẹp đâu! Sao chàng lấy có thất bại để giảm mất thú yêu, để làm sai lạc tình cảm? Đến hay không, đó là công việc của gió; đời là một cuộc đánh đổ, thì ái tình cũng là một sự rủi may.

Mà rừng thông kia có bao giờ không trái? Hoa đã gặp hoa, tình đã gặp tình. Nhờ phần thông rắc nhiều, nhiều quá sự cần thiết. Nếu phần ít thì sự mát mát sẽ thua thiệt, nhưng phần hăng hà sa số, thì vẫn có một phần khá lớn đến nơi.

Chàng thất bại ba lần: lần thứ tư sao lại chẳng là một lần thắng cuộc? Sao chàng không thử mười lần, một trăm lần nữa? Mười phen yêu, ít nữa cũng hai phen gặp, một trăm phen yêu đã cho ta hai mươi phen gặp rồi. Và vẫn cứ còn đủ một trăm tình yêu.

Chỉ sợ ta nghèo, không đủ tình để phung phí. Ta không thèm nghĩ sự thiên hạ cho lại, nhưng ta cứ cho, tự khắc thiên hạ cũng đem đến cho ta. Mà nếu thiên hạ không cho, thì đã sao chứ? Phần thông vàng đã làm đẹp không gian, tình của ta sẽ thêm mộng cho tấm vải xoàng xĩnh của cuộc đời, bầu trời sẽ vang rộng những tiếng đàn hát, những phần vàng của lòng yêu; và cuộc đời, nhờ bọn đa tình, sẽ kém bề hững hờ nhạt tẻ...

\*  
\* \*

Trời ơi, chàng họa sĩ sung sướng quá khi nghĩ xong những điều đó, vội vàng chạy về quán trọ để rồi tìm lại cuộc đời, lặn vào sự sống mà yêu, yêu... mà cho, cho tất cả lòng tươi thắm của chàng, ba năm ròng chàng tưởng đã cạn rồi, nhưng kỳ thực vẫn là một nguồn vô tận...

Và khi những bước hồi hộp của chàng trai chạy đến cuối rừng, chàng suýt mê ngã trên cỏ xanh, vì thấy trên trời bao la, phần thông vàng đương bay lan trong tám hướng của cõi đời.

**Tập truyện ngắn Phần thông vàng, 1939.**

# BỎ TRƯỜNG MÀ ĐI

CHÊ LAN VIÊN

Sắc nắng dần nghiêm lại, rồi gió nam về dấy bụi mù quấy rối ý xanh cao. Mỗi buổi mai, hoa xoan bừng sáng với mặt trời. Nệm đồ chăn xanh, ngày dịu ngả mình trưa, đôi tiếng ve nhịp theo im tĩnh. Đến khi không gian thiết tha nhớ đến nắng vàng thì buổi chiều qua rất nặng nề, chắc bởi vừa trôi vừa mơ mộng.

Ồi! đất trời bỗng nhiên mang hồn một người Do Thái phiêu linh. Mùi muối biển nổi lên đậm đà trong mạch gió tuôn thao, ấy là nồng mặn của Ấn Độ dương gửi đến. Và bụi mù bay ở ngoài kia, cứ xem những vẽ dàn bày ở dưới vòm xanh, hẳn đã từng qua sa mạc Phi châu.

Nhưng thăm kín hơn hết chỉ có tình ý của hoa xoan. Hãy lắng nghe màu tươi trôi chảy đến sắc buồn, sự già nua mỗi lúc mỗi tăng trong nửa phút giây dịch biến. Chỉ một ngày mai thì hoa xoan đã là hoa cuối chợ đầu đình. Ồi! mi đến giữa bụi đường và mất đi theo cỏ rác! Và những đàn ve nữa, một khi mùa hè đã khuất, người ta liền quét dọn với hoa khô.

Những tràng học kia, nằm mê trong nắng, thì bởi lẽ gì cũng nhuốm nỗi buồn những người Do Thái phiêu linh? Cửa mi mở rộng, tam cấp trơn tru, ta nghe mi gọi đàn con thơ sạch của mi và bảo:

- Các con ơi! mùa thu và mùa đông lạnh lẽo đã qua rồi. Những cánh cửa không còn cùng nhau chung kết nỗi buồn, bây giờ đất trời nắng ráo, các con có thể rời ta. Ồi! mái ngói của ta đang rên lên vì những lời kêu gọi trên cao, sao các con đứng đưng với bao nhiêu thức dục bên ngoài?

Mùa xuân, khi hoa cỏ giàu sang, phần hương thịnh mãn, lời mời đưa nào đâu rõ rệt thế này. Và bây giờ nắng nghiêm gió khắc, sự biệt ly lại hiện đến trên đường lót chông gai ngăn bước của chân non.

ooOoo

Những cậu học sinh, mấy năm nay điệp lẫn với thái bình của bàn của ghế, cũng đã bắt đầu thành những người Do Thái phiêu linh. Tôi thấy các cậu, vào những giờ học, ngồi thừ bên sách vở, mắt mờ đi, huyền hoặc bởi hạt ngọc vô hình của đôi điểm không gian.

Vâng, cũng có đôi người mơ đến một cảnh nhà trên núi đồi nào đó, nuôi sống bởi dăm ba mẫu ruộng, một sức trâu hay một sức bò. Đôi người mơ đến sự cầm tù có lương trong một mái sinh nhai nào đó, làm nô lệ tháng ngày cho cái đồng hồ ông chủ, rút bớt không gian hầu yên tĩnh với thời gian. Nhưng rất đông là mơ rời bỏ gia đình, làm thia lia vang bóng cho sự rời bỏ nhà trường. Họ sẽ lấy độ đường dài làm nóng bánh xe lăn (trai trẻ vốn đang thềm sức nóng).

Do Thái giang hồ, họ không nghĩ rằng ngày kia rồi sẽ trở về nước cũ. Những quả tim thơ dại kia ơi, đã là con chim bồ câu trắng thì không nên ra khỏi chuồng chim. Bùn dơ sẽ làm bẩn hết lòng mi cho đến lúc lòng mi cùng với bùn dơ lẫn kiếp.

Vậy thì làm sao, khi chiếc xe của một lưu học sinh chở đồ ra khỏi cổng trường, lại không có ác diệu của Edgar Poe đâu đấy để kêu lên lời than đen tối sau này:

- Và thôi, không có gì nữa hết.

ooOoo

Cái ý tưởng đưa ra đây nếu không buồn cười quá: trước cổng trường, theo tôi, nên xây một cái tam cấp thật cao. Ngày bãi học, chọn một ông thầy già ra đứng đấy. Và mỗi người học sinh đi qua trước mặt, lặng yên để nghe ông ta bảo:

- Con ơi, con đang bước xuống cuộc đời.

Cuộc đời không phải là một cái gì lên cao nữa.

Bây giờ, khi sự biệt ly chỉ còn gang tấc, những cội lòng đã bao lâu tê lạnh, cùng cất lên những lời kêu gọi đắm say. Đây là những mùa hè bùng cháy với nắng thiêu, êm đềm với bóng mát. Mỗi giờ chơi, các học sinh từng đoàn, từng tốp, nhưng thường lắm chỉ hai người, diu nhau đi trên piste của sân trường. Người cúi đầu nhìn bóng vương theo chân, người ngẩng mặt lên cao chờ nét mây bay qua mắt. Bước đi không bao trùm tiếng nói, lời buông ra hạ thấp xuống như đêm (sự mơ hồ để làm hiểu những ý quá xa cách nói).

Buổi chiều, nếu có bạn thân ở ký túc xá, người ta lưu lại độ nửa giờ, nếu cùng ở ngoài, người ta kéo đến nhà nhau, hay nếu cả hai cùng học trong trường thì những nẻo vắng, những phòng im được nghe hơi họ thở.

Vì còn một tháng nữa sẽ xa nhau. Một tháng nữa sẽ xa nhau! Tiếng ấy bay theo gió ở ngoài sân, có ai đưa vào lớp học, một đôi người nghe ở cổng trường.

Khi ngạo mạn như một lời thử thách. Một tháng nữa sẽ xa nhau. Có gì lo và có gì đáng nói. Rồi đây chết cả đi cũng được, cùng gặp nhau trở lại chưa hẳn đã hay gì.

Khi mềm yếu và chỉ là những cánh tay đưa ra cầu khẩn, những bàn tay rộng mở theo nhịp của lòng.

- Tình thương của tôi ơi! Còn một tháng nữa sẽ xa nhau, hãy mặn nồng thêm chút nữa.

- Còn một tháng nữa sẽ xa nhau! Nếu không yêu, xin chớ nói chi sự thật. Cứ làm nhau trong ảo tưởng hoa sương.

Còn một tháng nữa sẽ xa nhau! Và thôi, thế là không còn gì nữa hết. Người đi bước xuống cuộc đời. Người ở lại, trên giấy tím viết thư, thay tên người bạn khác. Những cặp tình nhân bắt nhau thề thốt, bắt nhau hẹn hò. Lợi dụng thì giờ ngắn

ngủi, họ đòi nhau từng chút yêu thương, để lúc vàng đã vào tay, bóng nhỏ lệ vì thì giờ ngắn ngủi.

Còn một tháng nữa sẽ xa nhau! Và bỗng một hôm, một buổi chiều (tại sao cũng cứ buổi chiều?), trường học sẽ nằm mơ thấy cửa mình tự mở, rồi dường như có ai bước nhẹ trên thềm. Và nằm khoèo ở bốn góc trời, các học sinh, trong lúc xa xôi trường nhớ đến người, bỗng thương tiếc cây xanh ngói đỏ.

ooOoo

Và bỗng một hôm, một buổi chiều (tại sao lại đến buổi chiều?) trường học sẽ nằm mơ thấy cửa mình tự mở, rồi dường như có ai bước nhẹ trên thềm. Và nằm khoèo ở bốn góc trời, các học sinh, trong lúc xa xôi trường nhớ đến người, bỗng thương tiếc cây xanh ngói đỏ.

Một người nhớ đến một buổi sáng mùa xuân qua từ lâu. Anh chàng đang ngồi học, bỗng nghe có tiếng lính kéo nhau đi tập ngoài đường. Vội vàng mở cửa nhìn ra. Và mắt anh ngưng lại bên hè, một đàn bướm đậu. Năm con, mười con, không dễ thường nhiều hơn thế nữa - một ngày lễ bướm chen nhau trên một chỗ đất bằng. Anh chàng lên thầy giáo, viên giấy quăng ra, nhưng hơn mười bận đều đi sai cả. Giờ chơi, ra đuổi, anh chàng sát mũi vào chỗ đất, để rồi ngạc nhiên không thấy một mùi hương ngát nào hết cả, quên đi rằng mình chẳng phải là loài có cặp cánh vàng. Anh đặt lên đấy một tờ giấy trắng, và đàn bướm không tìm ra chỗ cũ. Bây giờ nằm không, anh ví von một cách khá rẻ tiền:

- Cái gì đã làm mất dấu trường tôi? Hay ai đã bỏ lên đó một tờ giấy trắng?

Một người nhớ đến một buổi chiều (hình như vương lại từ mùa hạ). Bây giờ là sau buổi học, anh bơm xe sữa soạn ra về. Bỗng dừng tay lại, từ laboratoire gần đấy vang ra giọng bỗng trầm của một chiếc harmonica lẫn theo tiếng hát. Rồi động khung cửa trên cao, hai khuôn mặt đẹp, ngập ngừng giữa lá cây xanh. Lời ca và khúc hát diu nhau đi trong mơ màng. Soir de Rafles, J'ai deux amours... toàn những điệu đã xưa, giờ đây hồ dễ không một ai nhớ đến. Phút giây chiều ảo não của âm thanh đã đưa anh về những ngày tháng xa mờ: chiếc hôn yêu lúc mới vào trường - một cuộc hòa nhạc năm đệ nhất niên - một người hay đi mà hát dưới bóng thông... những kỷ niệm đứng buồn trong sương của trời dĩ vãng.

ooOoo

Mỗi người giữ một hình ảnh riêng, và đó là cái trường của họ. Riêng tây như một linh hồn.

Tất cả lòng thương, tôi đem ra thương hại lấy tôi. Vì một tháng nữa đây, tôi bỏ trường mà đi. Bỏ trường mà đi! Bỏ trường mà đi! Ô hay! không một ai kêu mà bỗng nghe như vang dội!



ooOoo

Ô hay! không một ai kêu mà bỗng nghe như vang dội!

Cảnh trường đẹp đẽ của ta ơi! Ngày mai ta sẽ bị lừa ra - dù muốn hay không - ở giữa chỗ ô uế của cuộc đời. Ngồi vào bữa tiệc đời, để gì vui với đôi cái vỏ dưa. Thường lắm là - như lời của nhà thi sĩ Pháp - người ta làm những hình ma để khách đồng bàn đánh rơi chén đĩa.

Người ta không thể, nụ cười ánh ở trên môi, nói dễ dàng như buổi xưa kia ngồi bên cửa sổ: "Hạnh phúc nào có khó gì. Chỉ cần nhận biết màu xanh của da trời và sắc hồng của cảnh đào đang hé nở."

Kể ra thì trời cũng xanh luôn đấy chứ, và nếu chịu khó đi vào miền Nam, hoa đào hồng ở đó nở quanh năm! Nhưng hỡi ôi! Sắc màu làm sao đi đến con người, mắt người ta bây giờ không còn trong sáng nữa.

ooOoo

Các em rất gần gũi của ta ơi! Hãy giơ tay lên để tôi xem đến bao nhiêu thì sự cách xa làm các em lẫn với sắc trời. Những lời hò hẹn khó khăn lắm mới quán gót chân đi, và khi về đến cổng nhà, bao nhiêu trề thơ của các em, tôi sợ e gia đình cướp mất.

Riêng tôi về trong một cái thành hẻo lánh quanh hiu. Bỗng một sáng nào, tôi thấy nhớ cảnh trường đã cùng các em rời bỏ. Một chiếc vé tàu, mấy xu xe kéo, và này đây tôi ở giữa cảnh xưa. Nhưng lạnh lùng, vắng vẻ biết bao nhiêu! Người ta chú ý đến giày mũ của tôi hơn tấm lòng tôi mang đến đó. Người bạn thân yêu nhất có lẽ chỉ khác mọi người ở chỗ cái riết tay hơi chặt mà thôi!

Nhưng nếu sự tình cờ nào lại lừa chúng ta trở về đấy cả, sự tiếc thương vẫn không thôi cao cấu lòng người. Lạc đi trong bốn phương trời, chúng ta đã học được những tiếng nói dị kỳ, cái máy móc của cuộc đời làm sự ràng rịt chúng ta sai mạch lạc. Ai nhớ chi người! Ai thương chi cảnh! Lòng ta mơ chỉ là mơ một tuổi đã qua rồi.

ooOoo

Nhưng tôi tưởng buồn bã hơn hết chỉ có cảnh sau này:

Một ngày kia, cột cho mục vợ, người ta sẽ đóng tôi vào ầm mục của gia đình. Chiều nào nhắc ghế ra sân, tôi ngồi nhìn mây bay gió thổi. Trời cao tột mấy tầng trời, núi xa xanh không hiểu nghĩ suy gì bỗng thâm màu lại. Và cũng chẳng hiểu vì sao, thiết tha không gian lại làm tôi nhớ đến nhà trường. Vài giọt lệ rơi châu trên mí mắt. Vợ tôi ra gọi vào ăn cơm tối, thấy nước mắt tôi, người sẽ nghĩ làm sao? Ai đến trả lời cho tôi rằng tôi nhớ cái trường lúc đó.

Một đứa con nữa ra đời, một cái quả để còng đầu tôi xuống tuổi già của tâm hồn cũng như của thể chất. Và chẳng may trưa nào đó, một trong những người thường

biết cánh tay tôi lạc vào bình yên ảm thấp của gia đình tôi. Một bữa cơm ngon, một chiếc mũng dọn sạch, thau nước sau khi họ thức dậy, bạc vải đồng để tiễn họ đi xa.

Và khi người phái bộ của dĩ vãng đi rồi, tôi sẽ kêu con tôi để bảo:

- Đó là một người bạn thân, xưa kia thầy ở nhà trường.

Bạn thân mà thôi. Chữ bạn yêu, đã lâu, lâu rồi, người già không dùng đến nữa.

ooOoo

Ồi! Bỏ trường mà đi! Bỏ lòng mà đi! Hỡi những học sinh, khi ra khỏi trường, nhớ vứt trả sách vở cho những tên cu-li canh cửa. Không phải lo mai sau nhớ lại, nhưng sợ rằng góp nhặt bao nhiêu vẫn chẳng gọi nên vết tích gì. Cũng đừng hiểu lầm để thở than khi lưu luyến cổng trường: "Kỷ niệm sẽ bị chôn sâu trong trí nhớ."

Không! không! xác chết thường hay lấy lại được hồn. Hãy nói rằng: "Kỷ niệm đã đem nhau ra khỏi cửa hồn, và cuộc đời gian xảo lấy bạc vàng để đánh lận của ta bao nhiêu hương và sắc."

ooOoo

Ồi! Ngoài kia, nắng cao muôn trượng, gầy gầy trời xanh mở giữa cô liêu. Cây trong sân rẽ lá cho gió thổi một nguồn tươi. Tiếng chim sẽ rơi thành muôn vòn chấm nắng... Chỉ một chốc nữa thì giờ chơi, các học sinh sẽ đi qua trên những lớp sỏi mòn, và sân trường lại phủ thêm một lần kỷ niệm.

CHẾ LAN VIÊN  
Hè 1939 - Collège Quy Nhơn.

---

Nguồn: [http://www.saigonline.com/truc\\_huy/](http://www.saigonline.com/truc_huy/)

Cô Tuyết Mai (USA) sao chép và gởi tặng.

[Ghi chú: Bản văn này, do tác giả nhuận sắc lại và thêm một ít đoạn mới, có hơi khác so với nguyên bản đã in trong tập văn xuôi VÀNG SAO do Tân Việt xuất bản năm 1942.]

# ÉCOLE DE MON COEUR, DEMAIN JE SERAI SÉPARÉ DE TOI! <sup>(1)</sup>

par **CHÉ LAN VIÊN**

Traduit du vietnamien par **TRÚC HUY**

Les rayons ardents du soleil se condensent progressivement. Et le vent du Sud, avec ses tourbillons de poussière, nous revient et embarrasse nos belles pensées. Chaque matin, les fleurs de flamboyant s'épanouissent et brillent au soleil. Sur son matelas rouge et sa couverture bleue, le jour fait paisiblement sa sieste. Dans le silence du midi, quelques cigales accordent la tranquillité du pays de leur chant monotone. Au moment où l'espace brûle d'envie de revoir les rayons dorés du soleil couchant, l'après-midi s'écoule péniblement. Sans doute elle s'abandonne à ses rêveries, tout en passant.

Hélas! Le ciel et la terre emportent tout d'un coup l'âme d'un Juif errant. L'odeur salée des mers du Sud caresse aimablement son cœur du souffle d'un vent qui passe: c'est l'odeur envoyée par l'océan Indien. Et si nous jetons un coup d'oeil sur le nuage de poussière qui tourbillonne dans l'air, nous pouvons deviner qu'il a sans aucun doute séjourné dans le désert du Sahara.

Cependant, discrètes sont les intentions des fleurs de flamboyants. Écoutons la sève de la vie qui en sort et qui nous mène vers la tristesse! À chaque instant s'accroît la vieillesse: En quelques jours à peine, les fleurs de flamboyants seront fanées et tomberont au sol. Hélas! Vous qui êtes nées dans les buissons parfumés, vous mourez dans la poussière! Et les cigales aussi, une fois l'été passé, on balaie et les cigales mortes et les fleurs fanées.

Ces écoles-là, ivres sous le soleil brûlant, pour quelle raison, elles aussi, pâles d'une tristesse sans nom, sont-elles devenues des juives errantes? Leurs portes grandes ouvertes, je les ai entendues appeler leurs élèves ingénus pour leur dire:

“Mes enfants! L'automne et l'hiver sont passés, nous ne devons pas rester ensemble pour toujours. Eh bien! Maintenant qu'il fait beau temps, c'est le temps favorable pour quitter votre école et partir loin. Oui, il faut que vous partiez, mes enfants. Et sans aucun regret, vous pouvez m'abandonner ici, pour toujours! Ô mon Dieu! Mes toits frémissent d'entendre les appels d'En-Haut, pourquoi me semblez-vous tous insensibles aux charmes extérieurs qui nous attirent sans cesse?”

Au printemps, quand les fleurs abondent et que leurs parfums exhalent, nulle invitation n'est plus claire que celle-là. Et maintenant, le soleil devenant de plus en plus ardent et le vent de plus en plus fort, c'est pour nous l'heure de la séparation sur le chemin épineux où peinent bien de nombreux jeunes gens.

ooOoo

Ces élèves qui, ces années-ci, vivaient paisiblement au milieu des tables et des bancs d'école, sont devenus des Juifs errants! Je les ai vus, pendant les heures de classe,

s'asseoir nonchalamment devant leurs livres, les yeux vagues, charmés par je ne sais quels points lumineux qui errent dans l'espace.

Oui, certains rêvent sans doute à une jolie maison au penchant de quelque agréable colline, où ils pourront vivre grâce à quelques hectares de terre, avec l'aide d'un boeuf ou d'un buffle. D'autres désirent s'enchaîner à un salaire, se faire employés dans certaines entreprises, esclaves jour après jour de la montre du directeur. Mais la majorité songe à abandonner leur école pour partir loin, très loin... La longueur même du chemin excitera leur goût de l'aventure (car la passion expire normalement avec la fin de la jeunesse).

Juifs errants, ils n'auraient jamais imaginé pouvoir un jour retourner sur leur terre natale! Ô pauvres coeurs naïfs! Vous qui êtes des colombes blanches, ne quittez pas votre pigeonier! La boue ne tardera pas à souiller vos coeurs, jusqu'à ce que vos coeurs et la boue se confondent!

Alors, que faire? Quand sort de l'école la voiture d'un interne et que le Corbeau d'Edgar Poe n'est pas là pour lui dire cette cette lamentation lugubre: "Jamais plus!"

ooOoo

Je vais vous exposer mon idée (s'il vous plaît, ne riez pas!): Devant la porte de l'école, je voudrais faire construire trois marches très hautes. À la sortie de l'école, vous choisiriez un vieux professeur et vous le prierez d'y monter. Et chaque élève passerait devant lui en silence pour l'entendre dire: "Mon enfant, tu descends dans la vie." – La vie, ce n'est pas quelque chose qui nous fait monter!

Maintenant que la séparation est proche, les coeurs jadis insensibles et froids élèvent des appels passionnés. À la récréation, les élèves, par bandes ou par groupes, généralement de deux, marchent dans la cour. L'un baisse sa tête et regarde son ombre mouvante attachée à ses pieds; l'autre lève la sienne et attend un fin nuage isolé qui passera devant lui. Les deux amis marchent en silence. Les rares paroles, qui leur échappent de temps en temps, baissent comme le soir (l'imprécision laisse comprendre combien il y a loin de la pensée aux mots).

Après les cours de l'après-midi, si son ami est interne, il restera encore une demi-heure à l'école avec lui; ou si l'on est tous les deux externes, on vient se voir chez l'un ou l'autre; ou encore, si ce sont deux internes, dans les endroits peu fréquentés, dans les salles silencieuses, vous pouvez entendre leur respiration entrecoupée.

Car il ne vous reste plus qu'un mois, un seul mois, et on se séparera.

Dans un mois, on se séparera! Ces mots, emportés par le vent, traversent la cour de l'école et entrent dans les salles de classe. Quelques-uns les ont entendus à la porte de l'école.

On commence par se dire:

“Dans un mois, nous nous séparerons. Avons-nous encore quelques soucis qui méritent d’être discutés?”

Ensuite:

“Mon chéri, dans un mois, je ne t’aurai plus! Te souviendras-tu de moi?”

“Mon cher ami, dans un mois, je ne t’aurai plus! Si tu ne m’aimes pas, ne me dis pas la vérité! Gardons nos illusions!”

Dans un mois, on se séparera! Et tout sera fini. L’un s’en ira dans la vie; l’autre, sur du papier à lettres violet, écrira le nom d’un autre ami. Les deux amoureux se font des serments, des promesses. Profitant du peu de temps qui leur reste, ils veulent s’aimer encore plus. Et quand l’or est à portée de main, des larmes coulent soudainement, car le temps passe si vite!

Dans un mois, on se séparera! Et puis, un soir (pourquoi seulement le soir?), l’école rêvera que ses portes s’ouvrent toutes seules, et il lui semblera que légèrement quelqu’un pose les pieds sur son seuil. Et les élèves, dispersés aux quatre coins de la terre, pendant les longues vacances d’été, se souviendront de leur école avec son toit de tuiles rouges et ses arbres verdoyants.

ooOoo

Et puis, un soir (pourquoi toujours le soir?), l’école rêvera que ses portes s’ouvrent toutes seules, et il lui semblera que légèrement quelqu’un pose les pieds sur son seuil. Et les élèves, dispersés aux quatre coins de la terre, pendant les longues vacances d’été, se souviendront de leur école avec son toit de tuiles rouges et ses arbres verdoyants.

Un élève se souviendra d’un lointain matin de printemps: Comme il ouvrit la fenêtre de sa classe, son regard tomba sur un pré fleuri où voltigeaient des papillons. Cinq ou dix papillons, non, peut-être plus que ça – un jour de fête pour les papillons sur un terrain plat. À la récréation, il sortit, les poursuivit. Et quand il eut mis le nez auprès des herbes pour sentir, fut-il fort surpris par le manque de parfum! Il avait oublié, pauvre enfant, qu’il n’était pas un papillon aux ailes d’or! Il y déposa néanmoins une feuille de papier blanc, en espérant que les papillons ne retrouveraient plus la trace.

Resté seul, il se mit à réfléchir: “Qui pourrait effacer la trace de mon école? Quelqu’un aurait-il déposé là une feuille de papier blanc?”

Un élève se souviendra qu’un certain après-midi (le souvenir lui viendra probablement de l’été), comme il était en train de gonfler les pneus de sa bicyclette, il entendit, venant d’un laboratoire au premier étage, un son d’harmonica qui accompagnait les paroles chantées par une belle voix tantôt aiguë, tantôt grave. Les paroles et la musique marchaient ensemble dans un rêve comme un couple d’amoureux. *Soir de Raffles, J’ai deux amours* (2)... Ce sont là de très vieilles chansons. De nos jours, il est probable que nul ne s’en souvient. La chanson l’aidait à revivre ses doux souvenirs: un baiser reçu le

jour de son entrée à l'école – un concert de musique quand il était encore en cinquième – un garçon qui marchait et qui chantonnait sous les pins...

Les souvenirs surgissaient tristement des brumes du passé.

ooOoo

Chacun garde fidèlement le souvenir de son école. Pour moi, mon école, c'est comme une âme.

De tout mon coeur, j'ai eu pitié de moi-même. Car il ne me reste plus qu'un mois, un seul mois, et j'abandonnerai mon école. Abandonner mon école! Abandonner mon école! Qui m'oblige ainsi à abandonner mon école, elle qui m'est si chère?

Ah, j'abandonnerai mon école! Que c'est étrange: Personne ne me crie ces mots, et pourtant je les entends comme un écho qui résonne dans mon coeur.

ooOoo

Que c'est étrange: Personne ne me crie ces mots, et pourtant je les entends comme un écho qui résonne dans mon coeur.

École de mon coeur! Demain, je serai séparé de toi et jeté, malgré moi, dans les tourbillons de la vie.

On ne peut pas, avec un sourire sur les lèvres, dire aussi facilement comme autrefois sur le rebord de la fenêtre:

“Trouver du bonheur, ce n'est pas très difficile. Il suffit de bien distinguer le bleu du ciel du rose des fleurs de pêcher qui s'épanouissent.”

En effet, le ciel est toujours bleu, n'est ce pas? Et, si vous preniez la peine d'aller un peu plus loin vers le sud du Vietnam, cher lecteur, vous remarqueriez que les fleurs roses du pêcher s'épanouissent toute l'année. Hélas! La beauté du ciel et celle des fleurs ne font plus briller nos yeux!

ooOoo

Élèves, mes chers amis, malgré les bons conseils qu'on vous a donnés, une fois retournés chez vous, je crains fort que votre innocence ne soit dépossédée par votre famille!

Quant à moi, dans une petite ville de province, je retournerai vivre, solitaire, retiré du monde. Alors, un beau matin, je me souviendrai de mon école où nous nous étions séparés. Un billet de train, quelques pièces de monnaie, et c'est ainsi que j'ai retrouvé mon école, mon école à moi. Ah! Qu'elle était froide et triste! Les gens ont remarqué plus mes chaussures et mon chapeau que mon coeur que je leur avais apporté. Seul mon ami le plus intime se différenciait peut-être des autres par une poignée de main un peu plus cordiale.

Et c'est tout.

ooOoo

Mais ce qui me semble le plus triste et le plus monotone, c'est la situation suivante:

Un jour, en me donnant une femme, on va me confiner dans l'humilité de la famille. Chaque soir, assis sur une chaise devant ma maison, je regarderai passer les nuages et j'entendrai souffler le vent. Les montagnes dans le lointain – je ne sais à quoi elles auraient pensé – deviendront tout à coup plus sombres que jamais. Et je ne sais pas ce qui pourrait m'aider à me souvenir de mon école. Alors des larmes couleront dans mes yeux. Quelques gouttes en sortiront et resteront suspendues à mes joues. Si ma femme était avec moi à ce moment-là, que penserait-elle de ces larmes, encore toutes chaudes? Qui lui répondra pour moi que je regrette ma vie d'écolier, à ce moment-là?

ooOoo

Ah! Abandonner son école! Abandonner son âme! Élèves, mes chers amis, après la dernière classe, à la sortie de l'école, n'oubliez pas de laisser tous vos livres et cahiers au concierge de votre école. Ne vous inquiétez pas de ne pas pouvoir les relire, ni de ne les garder comme souvenirs! Je parie que, même si vous les gardiez précieusement, ils ne vous seraient d'aucune utilité. De même, ce serait illusoire pour vous de soupirer, en quittant l'école: "Nos souvenirs resteront fermement gravés dans notre cerveau!"

Non non! Le cadavre ne retient que rarement ou jamais l'âme. Vous devriez plutôt dire ceci: "Les souvenirs vont se bousculer pour fuir par la porte de notre âme; et l'argent et la malhonnêteté nous voleront tout, parfum et beauté des choses."

ooOoo

Oh! Le soleil éclatant est déjà à son zénith. Le ciel bleu solitaire ouvre ses immenses portes. Les arbres étalent leur feuillage à la fraîcheur d'un vent qui passe. Le gazouillis des moineaux se décompose en milliers de gouttes lumineuses. Dans quelques instants, c'est la récréation. Les élèves sortiront et marcheront sur cette couche de gravier-là; et la cour de l'école se couvrira d'un nouveau souvenir...

---

(1) - Titre original "Bỏ Trường Mà Đi", essai poétique extrait du recueil *Vàng Sao (L'Or des Étoiles)* publié en 1942. Chế Lan Viên (de son vrai nom Phan Ngọc Hoan, 1920-1989), poète et essayiste vietnamien, publia en 1937 son recueil de poèmes *Điêu Tàn (Ruines)* qui le rendit célèbre et lui donna une place à part parmi les poètes vietnamiens de son temps. Essayiste et critique littéraire de grand talent, Chế Lan Viên s'oriente vers le lyrisme et la réflexion philosophique.

(2) - En français dans le texte original.

[Cette traduction française par TrúC Huy est publiée dans EUROPE Revue Littéraire Mensuelle, Août-Septembre 2000, no. 856-857, pp. 263-270.]





# SCHOOL OF MY HEART, TOMORROW I WILL BE SEPARATED FROM YOU! (1)

by **CHÉ LAN VIÊN**

Translated from the Vietnamese by **TRÚC HUY**

The burning rays of the sun gradually condense. And the South Wind, with its swirls of dust, makes its return and embarrasses our noble thoughts. Every morning, the flamboyant flowers bloom and shine under the sun. On its red mattress and its blue blanket, the day takes its siesta peacefully. In the silence of midday, some cicadas tune their monotonous song to the tranquility of the country. At the moment when the space burns with desire to see the golden rays of the setting sun, the afternoon passes by laboriously. Probably it passes time in reverie while going by.

Alas! Heaven and earth suddenly carry the soul of a wandering Jew. The salty scent of the South Seas pleasantly strokes his heart with the breath of a passing wind: that is the odor sent to us by the Indian Ocean. And if we take a look at the cloud of dust swirling through the air, we can easily guess that it has undoubtedly sojourned in the desert of Sahara.

Nevertheless, discreet are the intentions of the flamboyant flowers. Let us listen to the sap of life that comes out from them and leads us to sadness! Old age increases at every moment: In just a few days, the flamboyant flowers will fade and fall down. Alas! You who were born in the scented bushes, you die in the dust! And the cicadas too, once summer is over, the dead cicadas and the withered flowers would be swept away.

Those schools, drunk under the scorching sun, for which reason they also, pale of nameless sadness, become wandering jews? Their doors wide open, I heard them call their ingenuous students to tell them:

“My children! Autumn and winter are over, we must not stay together forever. Now that the weather is nice, it’s a good time for you to leave your school and part far away. Yes, you must leave and part far away, my children! And without any regrets, you can leave me here forever! O my God! My roofs shudder to hear the calls from on high, why do you all seem insensitive to the external charms that attract us all the time?”

In spring, when the flowers abound and their perfumes exhale, no invitation is clearer than this one. And now, with the sun becoming more and more ardent and the wind stronger and stronger, it is for us the time of separation on the thorny road where many young people are struggling very hard.

ooOoo

Those students, who lived peacefully these years amidst of desk seats, became wandering Jews! I saw them who, during school hours, sat down nonchalantly in front of their

books, with a faraway look, being charmed by I don't know what bright spots that could wander in space.

Yes, some of them are probably dreaming of a beautiful house leaning over some pleasant hill, where they will be able to live, thanks to a few hectares of land, with the help of an ox or a water buffalo. Others want to earn a salary and be employed in some companies as slaves, day after day, of the director's supervision. But the majority thinks of abandoning their school to go far, far away... The length of the path will excite their taste of adventure (as passion normally expires with the end of youth).

Wandering Jews, they never imagined that they could one day return to their native land! O poor naive hearts! You who are white doves, do not leave your dovecote! Mud will not be long in soiling your hearts, until your hearts and mud mix together!

So, what to do? When the car of an intern comes out of school and Edgar Poe's Raven is not there to tell him this lugubrious lament: "Nevermore!"

ooOoo

I would like to expose to you my idea (please do not laugh!): In front of the school gate, I would like to build three very high steps. At the exit of the school, you would choose an old teacher and invite him to get up there. And each student would pass silently in front of him to hear him say: "My child, you go down into life." – Life, that is not something that makes us go up!

Now that the separation is near, once insensitive and cold hearts raise suddenly impassioned calls. At the recreation, the students, in bands or groups, usually two, walk in the courtyard. One lowers his head and looks at his moving shadow attached to his feet; the other raises his head and awaits a thin, isolated cloud that will pass by in front of him. The two friends walk in silence. A few words, which slip out from time to time, drop as the evening (the imprecision lets understand how far there is from thought to words).

After class in the afternoon, if his friend is an interne, he will stay another half hour with him; or if his friend is not an interne, he will come and see him at his home; or if they are both internes, in seldom attended places, in quiet rooms, you can hear their irregular breathing.

Because there will be no more than one month, and they will be separated from each other.

In one more month, we will be separated from each other! These words, carried by the wind, pass through the schoolyard and enter the classrooms. Some students even heard them just before they reach the gate of school.

One starts to say:

“In one more month, we will be separated from each other. Do we still have some issues that are worth talking about?”

Then:

“My darling, in one more month, I will not have you any more! Will you remember me?”

“My dear friend, in one more month, I will not have you anymore! If you don’t like me, don’t tell me the truth! Let us keep our illusions!”

In one more month, they will be separated from each other. And all will be finished. One will go into life; the other, on purple writing paper, will write the name of another friend. The two lovers make oaths, promises. Taking advantage of the little time left, they want to love each other even more. And when gold is at hand, suddenly tears flow, because time passes so quickly!

In one more month, they will be separated from each other! And then, one evening (why only in the evening?), the school will daydream that its doors open by themselves and someone slightly put his feet on its doorstep. And the students, scattered to the four corners of the earth, during the long summer holidays, will remember their school with its roof of red tiles and its green trees.

ooOoo

And then, one evening (why always in the evening?), the school will daydream that its doors open by themselves and someone slightly put his feet on its doorstep. And the students, scattered to the four corners of the earth, during the long summer holidays, will remember their school with its roof of red tiles and its green trees.

A student will remember a far-off morning of spring: As he opened the window of his class, his eyes fell on a flowering meadow where butterflies were flying. Five or ten butterflies, no, maybe more than that – a day of celebration for butterflies on a flat ground. At recess time, he came out and pursued them. When he put his nose near the grass to smell, he was very much surprised by the lack of perfume! He had forgotten, poor child, that he was not a butterfly with wings of gold! Nevertheless, he laid there a sheet of white paper, hoping that the butterflies would no longer find the trace.

Remaining alone, he began to think: “Who could erase the trace of my school? Would anyone have laid there a blank sheet of paper?”

A student will remember a certain afternoon (the memory may probably come to him from the summer): As he was inflating the tires of his bicycle, he heard, coming from a laboratory on the first floor, the sound of a harmonica that accompanied a lovely song, sung by beautiful voice, now high now low in pitch. The lyrics and music walked together in a dream like a couple of lovers. *Soir de Raffles, J’ai deux amours* (2)... Those songs are indeed very old; and nowadays, it is likely that no one would remember them. The song helped him revive his dear memories: a kiss that he received the day of his

entry in school – a concert of music when he was still in fifth year class – a boy who walked and sang softly under the pines...

The memories emerged sadly from the mists of the past.

ooOoo

Everyone keeps faithfully the memory of his school. For me, my school is like a soul.

With all my heart, I had pity on myself, because there will be no more than one month left to me, only one month, and I will abandon my school. To abandon my school! To abandon my school! Who obliges me to leave my school, which is so dear to me?

Ah! I will abandon my school! How strange it is: Nobody shouts these words to me, and yet I hear them as an echo that resonates in my heart.

ooOoo

How strange it is: Nobody shouts these words to me, and yet I hear them as an echo that resonates in my heart.

School of my heart! Tomorrow, I will be separated from you and will be thrown, in spite of myself, in the swirls of life.

One cannot, with a smile on his lips, make an easy statement like formerly at a windowsill:

“To find happiness, it is not difficult thing. It is just enough to distinguish the blue of the sky from the pink flowers of the peach which are opening out.”

In fact, the sky is always blue, isn't? And if you don't bother to go a little further to the south of Vietnam, dear reader, you would notice that the pink peach flowers bloom all year round. Alas! The beauty of the sky, as well as the beauty of the flowers, no longer make our eyes shine any more!

ooOoo

Students, my dear friends, in spite of the good advice that others might give you, once you returned to your home, I am seriously afraid that your innocence might be dispossessed by your family!

As for me, in a small provincial town, I will return to live, solitary, withdrawn from the world. Then, one morning, I will remember my school where we had separated. A train ticket, a few coins, and that's how I found again my school, the school of my own. Ah! How cold and sad it was! People noticed more my shoes and my hat than my heart that I had brought to them. Perhaps, my most intimate friend differed from the others by a more cordial handshake.

And that's all.

ooOoo

But what seems to me the saddest and the most monotonous is the following situation:

One day, giving me a wife, I will be confined to the humility of the family. Each late afternoon, sitting in front of my house, I will look at the clouds pass by and I will hear the wind blowing. The mountains in the distance – I do not know what they would have thought of – will suddenly become darker than ever. I don't know what could help me remember my school. Then I will have tears running down in my eyes. A few drops will come out and hang on my cheeks. If my wife were with me at that moment, what would she think of these tears, still hot? Who will explain to her for me that I regret my life of schoolboy, at that precise moment?

ooOoo

Ah! To abandon one's school! To abandon one's heart! Students, my dear friends, after the last class, at the end of the school year, don't forget to leave all your books and notebooks to the janitor of your school. Don't worry about not being able to read them again, or keep them as souvenirs! I bet that, even if you guard them carefully, they would be of no use to you. Furthermore, it would be futile for you to sigh, on leaving school: "Our memories will firmly remain engraved in our brain!"

No, no! The corpse seldom or never retains the soul. You should say this instead: "The memories will hustle to flee through the door of our soul; and money and dishonesty will steal everything from us, perfume and beauty of things."

ooOoo

Oh! The bright sun is already at its zenith. The lonely blue sky opens its huge gates. The trees spread their foliage to the freshness of a passing wind. The chirping of sparrows is broken down into thousands of luminous drops. In a few moments, it is the recreation. The students will get out and walk on that layer of gravel over there; and the schoolyard will be covered with a new memory...

---

(1) - Original title "Bỏ Trường Mà Đi", poetic essay extracted from the collection of essays *Vàng Sao* (*The Gold of the Stars*) published in 1942. Chế Lan Viên (real name: Phan Ngọc Hoan, 1920-1989), Vietnamese poet and essayist, published, in 1937, his collection of poems *Điêu Tàn* (*Ruins*) which made him famous and gave him a place apart from the Vietnamese poets of his time. Essayist and literary critic, Chế Lan Viên turns to lyricism and philosophical reflection.

(2) - In French in original text. *Evening at Rafles, I have two loves.*

# Chiếc Xe Goòng

**Tác giả : Akutagawa Ryunosuke**

**Người dịch : Đình Văn Phước**

## Tác giả :

Akutagawa Ryunosuke sinh năm 1892 (Meiji/Minh Trị năm thứ 25) ở Tokyo. Cha có nông trại nuôi bò sữa. Lúc mới đầy bảy tháng thì mẹ phát cuồng, nên được gia đình người Anh của mẹ nhận về nuôi. Năm lên 10 thì mẹ mất trong bệnh viện người điên. Năm 12 tuổi mới chính thức lấy họ ngoại là Akutagawa. Ông tự sát năm 1927.

Vào được Đông Kinh Đại học (Tokyo Daigaku), ông cùng với bạn học là Kikuchi Kan, Kumei Masao những cây bút đương thời nổi tiếng, tích cực hợp tác lập văn đàn và sáng tác. Năm 1916 ông viết truyện ngắn Hana (Cái Mũi), được đại văn hào Natsume Soseki khen không tiếc lời; tháng 9 cùng năm sáng tác truyện Imogayu (Cháo khoai). Năm sau đó 1917, ông cho in tập Rashomon (La Sinh Môn) gom góp một số truyện ngắn nổi tiếng, tự đó tạo được một chỗ đứng riêng trong văn đàn Nhật bản. Ông là một trong những cây bút đại diện cho văn học Nhật thời đại Taisho (Đại Chính). Ông còn là một nhà văn tích cực sáng tác truyện ngắn cho Thanh thiếu niên chẳng hạn như Kumo no ito (Sợi tơ nhện 1918), Majutsu (Ảo thuật 1919), Toshishun (Đồ tử Xuân 1920), Sennin (Ông tiên 1922) v.v...

Ngày nay một giải thưởng văn chương rất có uy tín mang tên ông, hàng năm phát cho cây bút nào có giá trị sáng tác cao.

Tác phẩm Chiếc xe goòng được sáng tác vào năm 1922, mô tả kỷ ức của một đứa bé mới lên tám, kỷ niệm ấu thơ của một con người bình thường như bất cứ ai trong chúng ta. Nhưng kỳ diệu thay, những tình tự tầm thường ấy lại có sức lôi cuốn người đọc vào câu chuyện cho đến dòng cuối. Và người đọc bỗng tự khai thông đường về với những kỷ niệm khó quên của mình. .

**C**ông trình đặt đường sắt giản tiện nối Odawara (1) với Atami (2) được bắt đầu khi Ryohei lên tám.

Ngày nào Ryohei cũng ra ngoài bìa làng xem cảnh đặt đường -- nói là đặt đường nhưng đó chỉ là việc chở đất bằng xe goòng -- thế mà Ryohei lại thấy hay, hôm nào cũng đi.

Hai người phu đứng ở phía sau xe goòng chở đầy đất. Chiếc xe goòng chạy từ trên đồi xuống chẳng cần ai đẩy. Chiếc xe lao nhanh chao qua chao lại, vạt áo khoác hanten (3) của người phu phần phật, con đường rầy hẹp vẹo xuống -- Ryohei lặng ngắm quang cảnh ấy, có lúc muốn thành người phu, hay ít ra cũng được đứng chung một lần với người phu trên xe. Xe goòng chạy tới vùng đất bằng phẳng ở bìa làng thì tự nhiên ngừng hẳn. Các người phu nhanh nhẹn nhảy xuống, đổ ào đất xuống ngay cuối con đường sắt. Xong, lại đẩy xe lên đồi. Ryohei nghĩ dù không được leo lên xe, nhưng nếu được đẩy xe thì cũng đủ mãn nguyện

Một buổi chiều -- khoảng đầu tháng hai, Ryohei cùng với đứa em nhỏ hơn mình hai tuổi và đứa nhỏ ở nhà bên cùng tuổi với đứa em, ra ngoài bìa làng chỗ bãi xe đậu. Máy chiếc xe goòng dính đầy bùn, nằm xếp hàng trong ánh sáng mờ nhạt. Nhưng nhìn quanh không thấy bóng dáng người phu nào cả, ba đứa bé lên lại gần, hồi hộp đẩy chiếc xe goòng nằm ngoài bìa. Khi ba đứa ủa nhau ra sức đẩy, thì đánh rột, xe goòng bỗng lăn bánh. Tiếng rột đầu tiên làm Ryohei lạnh toát người. Nhưng tiếng thứ hai không còn làm nó hoảng hốt nữa. Rột, rột -- dưới sức đẩy của ba đứa bé, xe goòng từ từ chuyển bánh ngược đường rầy.

Đẩy xe được khoảng hai mươi thước thì đường rầy bỗng lên dốc gấp. Ba đứa dù cố hết sức đẩy cũng không làm sao nhúc nhích được chiếc xe. Có lúc ba đứa và chiếc xe còn bị đẩy ngược lại. Ryohei nghĩ như thế là đủ, liền ra hiệu cho hai đứa nhỏ:

- Nè, leo lên mau.

Ba đứa cùng ngừng đẩy nhảy ngay lên xe. Chiếc xe goòng ban đầu chạy từ từ, nhưng mỗi lúc một bắt trớn, lao xuống dốc. Túc khắc, quang cảnh trước mặt Ryohei vùn vụt mở ra hai bên. Gió chiều tạt vào mặt mát, chiếc xe goòng đồng, lắc mạnh dưới chân Ryohei -- Ryohei thấy sung sướng ngây ngất.

Nhưng chỉ hai ba phút sau thì xe goòng ngừng lại ở điểm cuối.

- Nè, đẩy thêm một lần nữa nghen.

Ryohei và hai đứa nhỏ định đẩy xe goòng đi, nhưng chiếc xe chưa kịp lăn bánh thì ba đứa đột nhiên nghe có tiếng chân ai phía sau lưng, rồi bỗng có thêm tiếng quát giận dữ:

- Ê đồ quỷ sứ, ai cho tụi bây động tới xe đó.

Khi nhận ra dạng người phu to lớn mặc chiếc áo khoác hanten công nhân cũ, đầu đội nón rạ trái mùa, đứng ở phía đằng kia, thì Ryohei và hai đứa nhỏ liền bỏ chạy khoảng mười thước.

Từ dạo đó, đi công việc về, dù thấy mấy chiếc xe goòng ở chỗ làm đường vắng vẻ ấy, Ryohei cũng không còn dám nghĩ đến việc leo trèo lên xe nữa. Hình ảnh người phu hôm ấy tưởng chừng như đã hằn sâu vào trí nhớ của Ryohei -- chiếc mũ rạ màu vàng lò mờ trong ánh sáng đã nhạt -- Nhưng ngay cả cái hình ảnh ấy, mỗi năm như một phai dần.

Mười ngày sau, một hôm vào khoảng xế trưa, Ryohei một mình lại lảng vảng ra chỗ đặt đường xem mấy chiếc xe goòng đến đổ đất. Ngoài các xe chở đất, lần này Ryohei thấy một chiếc xe goòng chở toàn những cây đà lót đường rầy đang được hai người phu xe hầy còn trẻ, đẩy trên con đường rầy rộng hơn, chắc sau này sẽ trở thành con đường rầy chính. Chỉ mới thấy họ Ryohei đã thấy dễ làm quen, "Có lẽ mình sẽ không bị hai người này la " -- Nghĩ vậy, Ryohei chạy nhanh đến bên cạnh chiếc xe goòng.

- Hai chú, cho tui đẩy với!

Một trong hai người phu, mặc áo rằn, vắn cúi gằm người đẩy xe, trả lời dễ dãi đúng như Ryohei đã đoán:

- Ờ, mầy đẩy đi.

Ryohei liền chen vào giữa hai người phu, ra sức đẩy.

- Mầy nhỏi mà mạnh quá hả!

Người phu khác -- bên mép tai có vết sẹo thuốc quân tay, khen Ryohei.

Được một lúc, đường rầy bớt dốc, xe đẩy nhẹ hẳn. Ryohei thấp thỏm lo sẽ bị người phu bảo "Thôi khỏi cần đẩy nữa". Song, hai người phu trẻ chẳng ai nói rằng, thẳng lưng lên tiếp tục đẩy. Ryohei không nhịn nổi, lo lắng hỏi:

- Đẩy được đến bao lâu nữa?

- Bao lâu cũng được.

Hai người phu trẻ cùng trả lời một lượt. Ryohei nghĩ trong bụng: "Hai người này hiền thật!".

Đẩy thêm năm, sáu trăm thước thì con đường rầy lại lên dốc gấp. Chỗ này hai bên toàn là vườn trồng quýt, bao nhiêu là quýt vàng ửng đang húng nắng.

"Đẩy xe lên dốc thì hay hơn, người ta cho mình đẩy hoài mà" -- Ryohei miên man nghĩ và hết sức đẩy chiếc xe goòng.

Qua giữa vườn quýt, đường rầy bỗng xuống dốc, người phu mặc áo rằn giục Ryohei: "Leo lên mau". Ryohei phốc lên xe. Ba người vừa đứng gọn trên xe thì chiếc xe goòng dong xuống dốc giữa mùi thơm của vườn quýt. "Đẩy xe không sướng bằng đứng trên xe." -- Ryohei để mặc cho gió thổi căng chiếc áo khoác haori (4), trong đầu nghĩ về chuyện đương nhiên ấy. "Lần đi càng đẩy thì lần về càng được đứng trên xe" -- Ryohei nghĩ thêm.

Đến khoảng khu rừng có những lùm tre thì xe chạy chậm lại rồi ngừng hẳn. Như những lần trước, ba người lại xuống đẩy chiếc xe goòng nặng trĩu. Rồi những lùm tre đã khuất, đây toàn là cây rừng. Dưới chân, đây đó lá rụng đầy, che lấp cả mặt con đường sắt bị sét ăn đỏ. Lên hết con dốc cao thì bên kia vực thẳm mặt biển lạnh lẽo mờ hiện ra, mênh mông. Đây cũng là lúc Ryohei thấy rõ nó đã đi quá xa.

Ba người lại lên xe. Chiếc xe goòng chạy dưới những tán cây trong khu rừng, dọc theo biển trải ra phía bên phải. Nhưng Ryohei giờ đây hết thấy thích thú. Nó miên man nghĩ: "Thôi, về thì hơn". Dĩ nhiên Ryohei cũng biết, phải đến nơi định tới thì xe và người mới có thể quay về.

Chiếc xe dừng lại lần thứ hai nơi quán nước có mái lợp bằng rạ, trước vách núi mới xẻ. Hai người phu vào trong quán, thông thả ngồi uống trà với bà hàng quán. Bà đang cồng một đứa nhỏ chưa bỏ bú. Còn lại một mình, Ryohei bực dọc, loay hoay xoay quanh ngắm chiếc xe. Chiếc xe goòng với thân thùng chắc nịch, bần bần đây, khô quánh.

Một lúc sau, hai người phu xe từ trong quán ra. Người phu có điều thuốc vắt mép tai (lúc này không còn thấy điều thuốc đâu nữa) đến chỗ Ryohei đang đứng đợi bên cạnh chiếc xe goòng, đưa cho Ryohei một cái bánh gói trong giấy báo. Ryohei lạnh nhạt: "Cảm ơn", nhưng sau đó hắn nghĩ lại, nói như vậy nghe không được lễ phép, Ryohei bèn bóc bánh ra ăn một miếng. Cái bánh ẩm giấy báo, hơi mùi dầu

Ba người lại tiếp tục đẩy xe, leo con dốc thoải. Ryohei tay đẩy nhưng lòng nghĩ chuyện khác.

Khi xuống hết con dốc phía bên kia đồi thì lại thấy một quán nước giống hệt như cái quán trước. Đợi cho hai người phu vào trong quán, Ryohei ngồi lên bọc xe, chỉ tính chuyện đi về. Nắng chiếu từ phía tây sắp lặn hẳn trên những đóa hoa mơ nở trước quán. "Trời tối mất!" -- Ryohei nghĩ vậy, không thể ngồi yên, chốc chốc lấy chân đá cái bánh xe goòng, hoặc ra tay thử đẩy chiếc xe mặc dù biết một mình không thể đẩy nổi -- Ryohei làm vậy chỉ để khuây khỏa.

Hai người phu trong quán ra, đặt tay lên mấy cây đà lót đường rầy, hững hờ nói với Ryohei:

- Mày về đi, hôm nay tụi tao ngủ lại đây này.

- Mày mà về muộn thì nhà mày lo đó.

Ryohei bắt gặp ngẩn người ra. Trời đã bắt đầu tối, cuối năm ngoái Ryohei có theo Mẹ đến tận làng Iwamura rồi về, nhưng lần này đường xa gấp ba bốn lần năm ngoái, mà bây giờ lại phải về một mình suốt cả con đường này -- Ryohei bỗng hiểu ra mọi sự. Nó suýt bật khóc. Nhưng nó nghĩ khóc cũng chẳng ích gì, và cũng không phải là lúc để khóc. Ryohei khúm núm cúi đầu chào hai người phu, rồi nường theo con đường rầy mà chạy.

Ryohei cầm đầu chạy một lúc dọc theo đường rầy, bỗng nó cảm thấy gói bánh trong áo lấn cấn khó chịu, liền móc ra liệng bên đường. Cùng lúc ấy, nó hất bỏ luôn đôi dép itazori (5). Chân nó chỉ còn lại có mỗi một lớp tabi (6) mỏng. Lòng bàn chân bị những viên đá nhỏ đâm thẳng vào đau, nhưng nó thấy hai chân nhẹ hẳn ra. Rồi nó cảm được biển nằm phía bên tay trái, nhưng cứ một mực chạy vút nhanh lên con dốc



cao. Chốc chốc nước mắt cứ ứa lên làm nó phải nhắm mắt -- Ryohei cố nhin khóc, nhưng cứ phải hít mũi sục sục.

Chạy qua khỏi khu rừng tre, thì ráng chiều ửng trên nền trời bên triền núi Higane sắp tắt hẳn. Ryohei càng quỳnh lên. Quang cảnh lúc về bây giờ trông khác hẳn lúc đi, càng làm cho nó lo. Ryohei thấy khó chịu với cả chiếc áo khoác ngoài đã ướt đầm mồ hôi. Để cố chạy cho nhanh, nó cởi vắt luôn chiếc áo khoác bên đường.

Chạy đến vườn quýt thì xung quanh trời càng tối. "Chỉ cần còn sống..." dù có bị trượt, bị vấp, Ryohei cũng không màng, chỉ một mực cắm đầu chạy.

Khi Ryohei thấy cái bãi xe goòng ngoài bìa làng hiện ra ở đằng xa trong bóng tối, thì nó muốn khóc òa lên. Mặt thì như đỏ khóc, nhưng nó dần lại được, cứ cắm cổ chạy.

Vào đến trong làng thì hai bên đường mọi nhà đã lên đèn. Trong ánh sáng lù mù, Ryohei thấy rõ hơi mờ mờ trên đầu nó bốc khói. Mấy người đàn bà đang đứng bên giếng múc nước, mấy người đàn ông đi làm vườn về, ai thấy Ryohei hồng hộc chạy, đều cất tiếng hỏi "Có chuyện gì vậy mày?" Nhưng nó vẫn nín thinh, một mực cắm đầu chạy, băng qua nào tiệm bán tạp hóa, tiệm hớt tóc rồi những căn nhà có đèn sáng.

Khi chạy lọt vào trong cổng nhà thì Ryohei không còn nhin được nữa, nó òa lên khóc tức tưởi. Nghe tiếng khóc của Ryohei, bố mẹ nó xúm lại. Nhất là mẹ nó, bà ôm chặt lấy nó vào lòng, nói dỗ dành gì đó. Nhưng, Ryohei tay chân cứ vùng vẫy, khóc rống lên. Tiếng khóc, hét dữ dội của Ryohei kéo ba bốn bà hàng xóm tụ tập trước cái cổng tối mờ. Bố mẹ nó và cả các bà hàng xóm ai cũng cố gạn hỏi sao nó khóc. Nhưng càng bị gạn hỏi, nó càng khóc rống lên. Cứ nhớ lại quãng đường xa mới chạy về, tất cả nỗi lo sợ còn lại cho đến giây phút này, thì dù có khóc lớn đến bao nhiêu cũng không hả dạ...

Năm hai mươi sáu tuổi, Ryohei cùng vợ con lên Tokyo. Ryohei giờ này, đang cầm bút son ngòi sửa bản thảo trên lầu hai của một nhà xuất bản tạp chí. Chẳng có lý do gì cả, thế mà có lúc hắn nhớ lại hắn ở cái ngày xa xưa ấy. Chẳng có lý do gì cả? -- Ryohei mệt mỏi, rã rời, trước mặt hắn bây giờ thì ra, cũng giống như cái thửa ngày xưa ấy, vẫn con đường mòn hẹp với những lùm cây, những con dốc tranh sáng tranh tối cứ đứt đoạn, rồi lại cứ tiếp nối nhau chạy dài...

**Tokyo, Hino 26- 2-2003**

**Dịch từ nguyên tác trong Shincho bunko của nhà xuất bản Shincho sha.**

### **Chú Thích**

**(1) - Odawara:** Một thị trấn ở phía nam, cách Tokyo khoảng 80 cây số. Vào thế kỷ 16 có thành Odawara chu vi hơn 9 cây số, do Sứ quân Hojo xây. Tháng 5 năm 1590 Sứ quân Hideyoshi ở phía nam Nhật bản, trong cuộc tranh hùng thống nhất lãnh thổ, động viên 22 vạn quân, vây 5 vạn quân Hojo thủ trong thành. Đến tháng 7 thì Hojo phải ra hàng. Chiến thắng của Hideyoshi ở Odawara mở màn cho thời đại thống nhất dưới quyền cai trị của một Shogun (Tướng quân). Tiếp theo đó là thời đại Mạc phủ của Tokugawa Shogun (thế kỷ 17-19).

**(2) - Atami:** Một thắng cảnh có nhiều suối nước nóng, cách Tokyo khoảng 120 cây số về phía Nam. .

**(3) - Hanten:** Một kiểu áo khoác Haori (xem dưới) ngắn đến hông, có cấu tạo và cách may đơn giản hơn, không có dây buộc ở giữa thân áo. Hanten thường được dùng làm đồng phục cho giới phu, thợ ngày nay, hay các tổ chức trong xã hội Nhật ngày xưa, thí dụ như các tổ chữa cháy v.v....

**(4) - Haori:** Áo khoác ngắn dùng cho cả nam lẫn nữ, mặc khoác lên bên ngoài bộ áo Kimomo dài. Có rất nhiều loại, kiểu mẫu khác nhau.

[\(5\)](#) - **Itazori**: Dép cổ hữu của Nhật, loại rẻ tiền, không có đế, làm bằng gỗ..

[\(6\)](#) - **Tabi**: Vớ cổ hữu của Nhật có phần bao riêng ngón chân cái và phần bao chung bốn ngón chân còn lại. Như thế vớ có chỗ xẻ giữa ngón chân cái và ngón chân chỉ kẹp vào đai guốc.

# Nửa chữ cũng Thầy

Võ Hồng

Năm 1936, Tôi học Thầy ở lớp Nhất trường Tiểu học Sông Cầu. Thuở ấy toàn tỉnh chỉ có hai trường Tiểu học, một ở Tuy Hòa, một ở Sông Cầu. Trường Tiểu học Sông Cầu là trường tỉnh lý mà chỉ có một lớp Năm, một lớp Tư, một lớp Ba, một lớp Nhì A (chính danh là Cours Moyen de 1ère Année), một lớp Nhì B và một lớp Nhất... Mới biết là hồi đó sự học quả thật là quý. Với một dân số 20 vạn dân cư mà hằng năm toàn tỉnh chỉ chọn khoảng một 100 đứa trẻ khá nhất để cho vào học lớp Nhì thì có khác nào sâm nhung chỉ dành cho tì vị kẻ giàu sang. Tôi học lớp Năm và lớp Tư ở trường làng Ngân Sơn. May mắn đưa đẩy, tôi được vào học lớp Ba ở trường Phủ Tuy An. Và lại cũng may mắn xô tới mà tôi được vào lớp Nhì trường Tỉnh.

Thầy năm ấy khoảng 27-28 tuổi. Dáng thầy cao, khỏe mạnh, nhanh nhẹn. Thầy thường mặc Âu phục trắng. Giày nâu, đế cao su. Mũ casque cứng lợp vải màu kaki. Đi tới lớp, tay ôm cặp da, thứ da cá sấu mềm.

Thời đó Âu phục và Nam phục song song tồn tại. Nam phục là quần trắng áo dài đen. Quần trắng bằng vải "tàu bay" hay lụa. Vải áo dài đen thông thường là vải trang đầm cho đàn bà và học sinh trung lưu. Người đàn ông thì mặc áo lương đen (miền Bắc gọi là áo the), áo xuyên (mặt láng), áo sa văn minh (một loại the mỏng, dệt có vân, có bắt hình bìm bìm) áo sa tanh (satin). Vải may Âu phục tiêu chuẩn là một loại vải dệt thật dày bằng sợi đay, màu trắng. Sau thế giới đại chiến lần thứ hai, sợi tổng hợp Polyester mới thịnh hành và vải thường màu đen hoặc màu xanh tối gần với đen. Phép xã giao thời đó đòi hỏi phải khoác áo vét-tông chứ không được chỉ mặc sơ-mi khi đi ra ngoài. Cho dầu trời nóng 35 độ. Chỉ có thể, khi ngồi trong lớp dạy hay ngồi làm việc ở bàn giấy, cởi áo vét-tông ra máng vào thành ghế.

Đôi giày cũng có lịch sử của nó. Cũng sau thế giới đại chiến lần thứ hai, màu giày đen mới thịnh hành. Dưới thời Pháp thuộc, màu giày sậm nhất là màu nâu, màu cà-phê rang. Lọt một chút là màu vàng thiên nhiên của da thuộc. Lọt nhất là màu trắng. Duyên dáng ăn diện là giày hai màu. Giày màu đen chỉ được dùng trong những đại lễ.

Vậy đó, cái dáng cao cao của thầy tôi, mặc Âu phục, đội mũ ôm cặp đi những bước nhanh từ góc đường phía bên, vượt qua sân quần vợt, đi vòng quanh rào trường, đi thẳng từ cổng trường oai vệ bước vào.

Vào thời chúng tôi, học trò rất sợ thầy. Chương trình học toàn tiếng Pháp nên chúng tôi càng sợ thầy hơn, bởi chúng dù học giỏi hay kém thì học thuộc được một bài toát yếu 20 dòng viết bằng tiếng Pháp không phải là chuyện dễ. Chúng tôi phải chấp chữ này nối theo chữ kia bằng trí nhớ, nhiều khi hoàn toàn bằng trí nhớ chớ không hiểu vì sao. Mà một khi quên đi một chữ thì đành cứ đứng khựng ra đó, ấp a ấp úng, tựa như rút một cục gỗ thì cả khối gỗ chồng chất lên nhau bỗng đổ sụp. Đổ mà có thể xếp lại. Thầy giáo sốt ruột, sẵn cái thước gạch vụt luôn cho một vụt. Và các cục gỗ lăn xa hơn, tan tác.

Thầy nào cũng biết đánh học trò. Ngồi nghĩ lại thấy thương hơn trách. Người Pháp không đem sang cái roi. Tổ tiên mình vót roi để sẵn, kèm theo bản chỉ dẫn cách dùng, "yêu cho roi cho vọt". Tiếng roi vun vút của các thầy đồ còn vang vọng rất trong sáng trong tâm hồn của các thầy tôi. Các bậc phụ huynh dường như cũng chỉ an tâm khi nghe thầy giáo ban phát tiếng roi xé gió. Sống

trong một không khí rèn nhân cách khắc khổ như kiểu đó, một ông thầy có lương tâm phải mượn cái thước và con roi để hỗ trợ cho lời giảng bài. Ở lớp Nhì A, tôi học thầy Huỳnh Tiến. Thầy gầy, da trắng, nói giọng Quảng. Không biết giờ này thầy có còn khỏe mạnh không. Thật là bội bạc khi hơn 50 năm trôi qua tôi không hề biên được một cái thư thăm hỏi thầy. Với nhiều thầy khác tôi cũng có niềm ân hận đó. Chớ chi mỗi thầy đều cho chúng tôi biết địa chỉ chính thức - không kể những dời đổi nhiệm sở - thì hy vọng 20-30 năm sau còn liên lạc thư tín được dẫu chỉ là muôn một cũng vẫn là hy vọng.

Năm lớp Nhì B, tôi học thầy Ngô Văn Lương. Thầy dầm thấp, nói giọng Hà Tĩnh. Ấn tượng còn lưu lại là bộ Âu phục màu ka-ki nhạt rất nhã thầy thường mặc. Và màu da mặt trắng hồng.

Thầy Trần Sĩ thì trông cao ráo linh hoạt hơn thầy Lương. Được phân công dạy lớp Nhất là một vinh hạnh, vì học sinh lớp Nhất, cuối năm thi bằng Rime (Primaire : Tiểu học) là được xin bỏ làm hương sư dạy lớp Năm, lớp Tư ở các trường làng. Hương sư được nể hơn lý trưởng, phó tổng. Đã vậy, thầy còn đứng tên với ông Kiểm học Nguyễn Đình Cầm, sáng tác cuốn Địa dư tỉnh Phú Yên. Trước khi cuốn sách ra đời, chúng tôi học ở lớp Tư phải chép bài Địa dư tỉnh Phú Yên vào vở để học thuộc lòng. Đi thi Sơ học yếu lược, môn thi viết có hỏi địa dư tỉnh. Dường như học sinh nào cũng đều thuộc lòng bài đọc thêm "sông Cầu và Tuy Hòa" trong đó, bằng lối văn biên ngẫu, thầy so sánh: "Sông Cầu là đất thừa lương, Tuy Hòa là nơi buôn bán, Sông Cầu là bà già lão luyện, Tuy Hòa là cô thiếu nữ xuân xanh". Thầy có một cách đặc biệt theo dõi đôn đốc sự học của học sinh mình: đó là hằng đêm vào chạng 8-9 giờ, thầy đi rào một vòng những nhà học trò ở các con đường lân cận coi thử chúng tôi có ngồi nhà học bài hay không. Do vậy mà có những buổi sáng thầy vô lớp kêu tên một đứa bạn tôi, hỏi:

- Hồi hôm trò đi đâu lang thang ở trước tiệm Chấn Thanh? Hoặc:

- Hồi tối nhà trò sao mới 8 giờ mà đã tối thui? Trò học bài trong tối hả?

Một đêm kia thầy đi qua nhà ông cử Giáp, nơi trò Huỳnh và trò Duyên, quê ở Gò Duối đang trọ học. Thầy nghe có tiếng sát phạt "Xi Rô... Già Cơ.. Đàm Chuồng... Bồi Bích..." Thầy lặng lẽ hé cổng bước vô, đứng sau trò Huỳnh đang say sưa cắt bài, chia bài. Cái miệng cứ tía lia, cười cười nói nói, đôi tay cứ dèo queo cắt cắt chia chia, chợt thầy đằng hắng ho một tiếng ở sau lưng. Quay lại. Ngó lên. Trời ơi, chết rồi! Ríu ríu bốn tay bài lặng lẽ đứng dậy, mắt mở trao tráo như khi bị rần thôi miên. Thầy cúi lượm bộ bài, lặng lẽ đi ra cửa ngõ.

Ai cũng đoán biết được hôm sau loại bão tố nào nổ ra giữa lớp. Bốn tay bài rúi ro đều là học trò lớp Nhất. Ngoài Huỳnh và Duyên, hai người kia tôi quên mất tên.

Thầy hay dùng những cách xưng hô "tụi bay... đứa nào...!" dẫu không tao nhã bằng "các em, cậu nào, cô ấy..." nhưng đầy chất thân tình. Thầy la lối giận dữ khi học sinh không thuộc bài, chúng tôi sợ mà không ghét... Như vậy hơn cách nhã nhặn mà lạnh lùng, rất văn minh của nhiều thầy cô giáo thuộc thế hệ sau này. Thật giống như đi coi hát bội. Hồi tôi còn nhỏ, kếp hát ở nhà quê đóng vai nịnh hét to đến nỗi gân cổ nổi lên như dây chằng, trợn mắt cơ hồ toét luôn khước mắt, vung tay vung chân như người đầu quyền trên võ đài. Năm 1974 coi hát bội trên sân khấu đặc biệt chọn lọc ở Sài Gòn. Y trang Thượng Hải rực rỡ, hệ thống ánh sáng và âm thanh tối tân, đào kếp xinh đẹp thượng hạng... nhưng hát không ra hơi thậm chí múa tay cũng múa lười biếng. Đó, đẹp thì có đẹp, có tinh tế, có quý phái... đủ mọi ưu điểm, nhưng thực chất của sự hát thì... rất dở. Như ông thầy tận tình la mắng hồi xưa và cô giáo nhã nhặn thời nay. Lớn lên, gặp thầy, nghe thầy đối đãi bằng giọng xưng hô "tụi bay..." quen thuộc, chúng tôi vui, vừa thêm cảm động. Cho tới lúc tuổi hơn 50, gặp nhau, ngồi nhắc chuyện xưa, nhắc đến thầy, chúng tôi cười thích thú và thêm thương thầy.

Những khối óc lý luận hình thức thường đồng hóa cái mộc mạc thân tình với cái thô lỗ, tưởng ai cũng say mê sự trơn láng của một mái tóc chải bi-ăng-tin ép vuốt bóng nhầy. Họ nghĩ rằng một

khuôn mặt xác chết phấn son chải gọt đúng qui cách hấp dẫn hơn cái ảm áp hồn nhiên của sự sống.

Cứ gần cuối niên khóa là thầy được cử đi chấm thi. Năm đó, tôi nhớ thầy đi chấm ở Nha Trang. Lúc bấy giờ đường xe lửa xuyên Đông Dương mới làm được hai đoạn: đoạn phía Bắc dừng lại ở Tourane (Đà Nẵng), đoạn phía Nam dừng lại ở Nha Trang. Tourane có xe thơ do hãng STACA đảm trách. Xe STACA dài, rộng và cao như xe buýt thời nay, sơn màu xám trắng trông thật lịch sự. Hành khách ngồi trên xe toàn những người sang trọng, không như hành khách ở xe hàng (ở miền Trung xe hàng là xe chở khách đi đường ngắn, trong Nam gọi là xe đò, còn xe hàng chỉ chuyên dùng để chở hàng hóa), áo quần xốc xếch. Thầy ghé đón xe ở nhà dây thép (bưu điện) trước mặt trường, cách trường 100 thước. Khi xe chạy qua trường, nhìn thấy thầy ngồi oai vệ trong xe, mặt nhìn ra trước. Thời đó khách đi xe hàng phải ngồi trên những băng gỗ kê dọc thân xe, lưng quay ra hông xe thành thử ở dưới đất nhìn lên chỉ toàn thấy những lưng người. Còn người ngồi trên hai băng thì đầu mặt vào nhau nên suốt đoạn đường trường cứ phải nhìn mặt người ngồi trước. Có trải qua cảnh khổ nhọc đó mới hiểu được sự sang quý của một tư thế ngồi nhìn ra trước xe, thông thả, rộng rãi, không như xe hàng người này giơ tay vịn trần xe cho khỏi té nghiêng, người kia nép vào nách người nọ, người khác chân bị kẹp giữa hai đùi của người thứ tư. Chiếc xe STACA hùng dũng lướt tới, bót tốc độ, lượn qua cửa. Chúng tôi đứng ngoài giờ nón chào, và thầy tươi cười rạng rỡ chào lại. Thật là vinh quang!

Vài chục năm sau tôi cũng đi dạy học và cũng được cử đi chấm thi, đi cả bằng máy bay nữa, nhưng cái hào quang rực rỡ tôi nhận thấy nơi thầy ngày trước, tôi không có nơi tôi. Người Trung Hoa có nói "Tự kỷ văn chương, tha nhân thê thiếp" có nghĩa là vợ người thì đẹp, văn mình thì hay. Chẳng lẽ hào quang lại giống như thê thiếp hay sao?

Với cái nhìn của tôi lúc đó thì tương lai hứa hẹn nhiều triển vọng thành đạt cho thầy. Lấy ông Kiểm học Nguyễn Đình Cầm làm tiêu chuẩn thì tôi định ninh chỉ vài năm nữa thầy sẽ thi đậu vào ngạch Huân đạo là một ngạch học quan. Nhìn sự tín nhiệm của cấp trên đặt nơi thầy và cung cách làm việc tích cực của thầy thì đoán được. Mùa hè nào cũng vậy, tôi cứ nghe mấy ông hương sư tập họp về Sông Cầu để học sư phạm và họ nhắc đến thầy, một trong những người huấn luyện hướng dẫn sắc sảo mà họ tỏ ý nể sợ.

Nhà thầy ở nằm trong một khu vườn nhỏ nhìn ra biển. Tôi lưu ý đến những chùm ti-gôn nở hoa màu hồng trên lối đi. Khác với những cúc, vạn thọ, tường vi... mọc lâu đời trên vùng đất quê hương, hoa ti-gôn như mới được nhập cảng từ một lân quốc hải đảo nào đó nên chỉ mới hiện diện ở vài ngôi nhà nơi thành phố. Màu hồng rất tươi lấm mát cả một khung cảnh. Ngôi nhà thầy mới cất, có gió biển thổi mát suốt ngày, có ánh sáng mặt trời dọi nắng suốt ngày, có hoa nở rực rỡ trên lối đi... đời sống của thầy thật êm đềm. Các thầy giáo khác và hầu hết các ông thông, ông phán đều phải thuê nhà ở ngay trên phố. Thầy đốc Nguyễn Việt Nguyên - mãi đến khi ông Phạm Quỳnh làm Thượng thư bộ Quốc gia Giáo dục mới đặt tên "Hiệu trưởng" - Người Thanh Hóa, mặt đẹp và phúc hậu thì thuê một căn phố của anh Nền, trước tiệm ông Bang Chín. Căn phố của thầy Huy - học trò ưa kêu là thầy Huy lùn - nằm ở phía cầu Thị Thạc thì vừa thấp vừa hẹp. Đã vậy mà thầy còn dựng một thùng nuôi ong mật nơi mái hiên khiến trẻ con, người lớn cứ tập nập nom dòm. Bầy ong thì bay vù vù suốt ngày. Chỉ cần 100 con mà mỗi con cứ bay lượn 100 vòng là số ong tưởng đâu tới mười vạn.

Đậu Tiểu học xong, tôi giã từ Sông Cầu đi Qui Nhơn học Trung học. Rồi cứ thế con đường học vấn dẫn tôi đi càng xa, những cảnh mới Hà Nội, Đà Lạt, Sài Gòn, nguy nga nhộn nhịp càng làm tôi yêu cái vắng lặng hiền hòa của Sông Cầu, như yêu người bạn gái đầu tiên ngây thơ, ít nói. Mười lăm năm sau, ngẫu nhiên tôi được điều động về dạy tại trường Trung học Lương Văn Chánh nơi thầy làm Hiệu trưởng. Rồi lại ngẫu nhiên, ba năm sau thầy đi nhậm chức Trưởng ty Giáo dục, tôi thay thầy làm hiệu trưởng trường Lương Văn Chánh. Sau hiệp định Genève lại thêm một sự ngẫu nhiên thứ ba: thầy ở Sài Gòn, tôi ở Nha Trang đều đi dạy thuê ở các trường tư thực.

Năm 1983, thầy từ Sài Gòn ra, có ghé thăm tôi. Tôi xúc động vì lòng ân cần của thầy, càng xúc động vì nhìn dấu vết thời gian nơi "người hùng thuở nhỏ" của tôi. Thầy học trò từng sợ thầy là tôi mà tóc đã nhiều sợi trắng rồi, huống chi bậc tôn sư của nó. Mắt thầy đã yếu. A quelque chose, malheur est bon, cái bất hạnh nhiều khi cũng có ích. Chắc thầy không còn soi gương nữa để khỏi nhìn thấy bóng mình trong gương. Mắt tôi còn sáng, nhưng may nhờ cái gương nơi tủ áo tôi nó mờ nên bằng một thái độ quân tử cao khiết và với một lòng nhân ái vô biên, nó xóa đi những khuyết điểm nơi khuôn mặt tôi, nó chỉ phản chiếu lại bằng những nét mờ ảo. Mà phàm cái gì mờ ảo thì trông cũng đẹp. Hôm 20 tháng 11, ngày nhà giáo, là một thầy giáo niên trưởng, tôi được mời lên phát biểu. Giờ giải lao, một thầy kém tôi chừng 5-7 tuổi tiến tới bắt tay: "Xin chào lão sư". Tôi thân ái cầm hai tay người bạn, cảm ơn, vừa nói: - Tôi muốn chữ "sư" có bộ Khuyển một bên (cách viết chữ Hán. Chữ SU (thầy) nếu thêm bộ Khuyển ở trước thì có nghĩa là "con sư tử". "Lão sư" là con sư tử già, chứ không phải là người thầy giáo già. Thầy giáo phải có cốt cách của sư tử, không được có cốt cách của loài cáo, loài chồn.

Thầy tôi! Con sư tử của vùng rừng núi Hóc Lá! Vì thầy mà tôi yêu cái tên Hóc Lá, tên của vùng quê hương thầy. Cứ nghĩ đến thầy là tôi thấy cánh đồng Chợ Đèo, trên đó một bóng học sinh lầm lũi cằn mẫn bước, bắt đầu là những bước rụt rè, tiếp theo là những bước mạnh dạn hơn, vững chắc hơn, kiêu hãnh hơn, những bước đi tới.

... Mẫu chuyện trên, tôi viết gởi tặng một thầy học cũ nhân sinh nhật thứ 75 của thầy. Tôi có nhắn rủ vài người bạn cùng làm. Họ "ừ" nhưng rốt cuộc không ai thực hiện. Ngẫu nhiên sau đó, một cô học trò cũ, vừa có học tôi vừa có học thầy, tới thăm. Tôi trao cho cô đọc. Đọc vù xong, cô phản ứng:

- Nhưng "thầy" không công bằng. Thương nể học sinh đẹp giàu. Coi thường học sinh nghèo.

Tôi cười nhẹ hàng:

- Tôi biết. Và chính tôi đây cũng từng là nạn nhân.

Cô học trò cũ mở to mắt ngạc nhiên.

Tôi nhờ trời học khá, đứng nhất nhì trong lớp. Nhưng tôi xuất thân từ nhà quê thì làm sao thầy không cưng Lê Phúc Hán con quan Án Sát, cưng Hồ Thị Yến con ông chủ Dây thép... hơn tôi? Ngày Tết cha tôi đón xe đi hơn 20 cây số, mang theo nếp tượng già thật trắng và con gà cồ thiên để tết thầy theo tục lệ Nho học mà cha tôi chịu ảnh hưởng. Cha tôi đâu có ngờ những phụ huynh ở thành thị là con quan Tuần Vũ, quan Tham Lục lộ, thầy Phán tòa sứ, ông chủ tiệm buôn Hoa kiều, chủ hãng xe, chủ khách sạn. Họ đi tết thầy những bôm, nho, táo, xá lị... những xấp hàng Cẩm Châu, Thượng Hải để may áo dài. họ đi tới bằng xe láng bóng. Chỉ cần một thoáng mắt nhìn là cha tôi đã cảm thấy buồn. Tôi nói tôi cũng là nạn nhân là ý đó. Nhưng mà này cô Liên Vũ (tên cô học trò cũ), ta chỉ nên nhìn phía đẹp của cuộc đời. Thầy lớn tuổi rồi, sinh nhật nhận quà và lời chúc tụng là chuyện thường tình. Tôi ở xa, gởi nhớ vài "kỷ niệm đẹp" thầy thưởng thức lâu hết hơn.

Quả đó là một cách sống đậm bạc vừa tầm khả năng của nhiều người. Làm nghề dạy học, cứ gần ngày nghỉ hè là tôi bảo học sinh viết kể lại những kỷ niệm trong lớp, rất ngắn, rất gọn, chỉ cần nhắc sơ lại sự việc. Viết trên tờ giấy lớn nhỏ gì cũng được. Tôi gom những tờ giấy đó về đóng thành tập. Mười năm, hai mươi năm sau mở ra đọc lại, quên rằng tóc mình đang bạc, tưởng mình đang cầm viên phấn đứng trước bảng đen.

Quanh ta người ta than khổ, hai mươi tuổi còn than hưởng kẻ sáu mươi, bảy mươi. Và thường ta chỉ lo cái khổ của ta mà quên giải khổ giúp người. Tôi gởi nhớ những kỷ niệm đẹp cho thầy là

nhằm tạo một niềm vui nhỏ, giải một nỗi khổ nhỏ cho thầy tôi đó. Vì ai khỏi khổ? Không có cái khổ lớn thì người ta cố tìm những cái khổ nhỏ để mà khổ.

\*  
\*      \*

Ngoài ông bà, cha mẹ, anh chị và người thân trong gia đình thì thầy và cô giáo là người thương yêu ta chân tình hơn ai hết và ta cũng yêu lại, tin tưởng, chân tình. Bởi một lẽ đơn giản: đó là người ta tiếp xúc đầu tiên, tiếp xúc hàng ngày, ngay từ lớp mẫu giáo ngây thơ.

Lần đầu tiên tập đứng sắp hàng, tập giở mũ chào, tập vòng tay ngồi im, tập giơ tay xin nói. Y như mới ngày nào mẹ tập đứng tập đi.

Đừng nặng lời đối với quan niệm Quân Sư Phụ mà ghét lây vị trí của thầy giáo. Vào cái thời mộng muội xa xưa, nông nghiệp thô sơ đó, người đàn ông có uy quyền lớn nhất là vua. Rồi tới người đàn ông có nhiều chữ nghĩa và truyền dạy chữ nghĩa, mở đường cho con cháu mình thi cử đỗ đạt, đó là ông thầy. Người cha khiêm tốn nhận địa vị thứ ba vì cha thường là nông dân ít nói, ông thợ cùn cù. Mà có chi phải ganh ghét ông thầy, vì ông thầy, thầy đồ, thì luôn luôn nghèo, vẫn chương thương tình tặng cho hai chữ "thanh bạch", không nỡ nói trắng ra là "bần khổ". Và thời nay thì cũng đâu có khác mấy thời xưa?

Chưa dám kể rằng các bậc thông thái thời xa xưa đều đóng vai thầy chứ ít ai đóng vai tể tướng. Như Đức Khổng Tử, vạn thế sư biểu mà không mấy ai không biết. Người thầy có sức học uyên bác, biết con vật đào ở dưới đất nước lổ là con Phần dương chứ nhất định không phải là con chó, biết vật lạ vớt được ở sông Đại giang nước Sở là trái bèo, bừa ra ngọt như mật, biết dị nhân ở nước Trần cầm giáo đâm mình là con cá chiêm Đại ngư, biết con chim lớn mình đen cổ trắng, có một chân ở nước Tề là con Thượng dương, bay đến đâu là nơi đó có mưa to lụt lớn. Người thầy đó suốt đời chu du trải khắp bảy nước Lỗ, Vệ, Tống, Trịnh, Tấn, Tần, Sở. Có hồi làm tới Tướng quốc, có hồi ngồi giảng cho học trò dưới một gốc cây (quan Tư mã thấy ngựa mất liền sai chặt gốc!), có hồi nhịn đói ba ngày mà vẫn điềm nhiên ngồi gảy đàn, đọc sách. Suốt đời chăm dạy Lễ, Nghĩa, Liêm, Si, bỏ nước Lỗ ra đi vì vua Lỗ thiếu Lễ, bỏ nước Vệ ra đi vì vua Vệ thiếu Đức.

Bậc thầy ở Á Đông là vậy, còn ở phương Tây? Lần trang sử cũ thấy ông Socrate. Lại thay, cũng đồng thời với Khổng Tử, nhích nhau chẳng mấy năm, khi Khổng Tử qua đời thì Socrate lên chín.

Socrate, đó là một người khiêm tốn hiền lành, mặc áo sòn vai, đi chân trần ngao du trên những con đường của thủ đô Hy Lạp, nói chuyện với mọi người về những đề mục tầm thường: thời tiết, mùa màng, chợ búa... Nhưng khi già từ; kẻ đối thoại chợt nhìn thấy cái ông mặt mũi xấu trai đó có nói cho mình một cái gì đó khiến mình suy nghĩ và mình đang hiểu mình hơn. Nghệ thuật của thầy Socrate đó. Thầy chỉ đặt những câu hỏi và người học trò học suy nghĩ. Thầy mở mắt cho họ hiểu là họ chưa biết được bao nhiêu, chưa biết đúng và khiến họ ước muốn những hiểu biết chân chính. Thầy so sánh phương pháp giáo dục của mình với phương pháp đỡ đỡ, - mẫu thân của thầy là một bà mẹ - giúp trí tuệ con người đẻ ra cái Chân lý mà nó có mang sẵn trong đó.

Đệ tử theo Socrate càng ngày càng đông và những quan niệm mới của ông khiến ông có nhiều kẻ thù. Ngay cả nhiều bậc phụ huynh cũng không bằng lòng vì đầu óc con em họ tràn ngập những suy nghĩ mới. Và ông bị đưa ra tòa, lấy cớ là ông phỉ báng chân lý, phỉ báng thần linh và làm hư giới trẻ. Ông trả lời rất ít, không tự bào chữa. Tòa tuyên án tử hình. Ông từ chối không xin giảm án, hy vọng rằng cái chết của mình sẽ khắc sâu vào lương tâm của người công nhân Nhã Điện, bấy giờ và cả ở thế hệ tương lai, còn hùng hồn hơn cả những lời rao giảng.

Trong ngục thất, ông uống cạn ly thuốc độc một cách bình tĩnh, các đệ tử bao quanh ông, nước mắt chảy ròng. Đệ tử Criton vuốt mắt cho thầy.

Lý tưởng của người Thầy vĩ đại (chữ dùng của sử gia: grand Maître) được các môn sinh khai triển thành những môn phái, trong số có những môn phái tưởng như trái ngược nhau: phái Khuyển nho, phái khắc kỷ, phái Hương lạc... Đệ tử sáng chói nhất của Socrate là Platon, được người đời tôn vinh là "ông vua của ngành Triết học", người được Hoàng đế Denys tiếp long trọng như tiếp một vị quân vương. Đệ tử của Platon là Aristote, thầy học của A-Lịch-Son Đại đế, nhà thông thái toàn diện mà thời Trung cổ đã tôn vinh là "Thầy của mọi khoa học". Thật là thời đại hoàng kim của sự kế tục thầy trò!

Ở ta thuở xưa, nghề dạy học đã thành cái nghiệp của người biết chữ. Nhà Nho khi còn hàn sĩ, khi thi đậu đợi bổ ra làm quan, khi hồi hưu hoặc khi phải treo ấn từ quan lui về ẩn dật... đều mở trường dạy học. Trường chỉ sơ sài một mái tranh đã đủ, khỏi thủ tục xin giấy phép kinh doanh. Học không phải nhiều môn nên khỏi cần mời nhiều thầy chuyên môn. Thỉnh thoảng lịch sử có nêu tên những bậc thầy khả kính, có kiến thức uyên thâm, có đạo đức cao khiết, có môn đệ thành đạt. Tiêu biểu là thầy Chu Văn An đời Trần, thanh liêm chính trực, dâng sớ xin chém bảy gian thần, vua không nghe liền từ quan lui về ẩn giật, mở trường dạy học, đào tạo nhiều môn sinh hiển đạt như Phạm Sư Mạnh...). Chừng như danh nhân văn hóa nào cũng từng là thầy giáo: Phan Huy Chú, Bùi Hữu Nghĩa, Đặng Huy Trứ, Phan Văn Trị, Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Khuyến...

Thầy cô giáo hôm nay không dám sánh với những bậc sư biểu đó. Trường sư phạm đào tạo những thầy cô giáo dạy đúng chương trình, dạy có lương tâm, và chỉ bấy nhiêu đó thôi, học sinh và phụ huynh đã phải có bổn phận đối xử có nhân có nghĩa. Đứng như bà phụ huynh nọ ý mình có sập buồn lớn, quen thân với cấp tỉnh cấp khu, một hôm nhận được giấy cô giáo chủ nhiệm thông báo con mình vô kỷ luật liền đợi tới giờ cô, xông thẳng vô lớp, tát tai đập đá túi bụi đứa con, chửi mắng âm ỹ rồi hùng dũng bỏ đi ra. Khiến tôi chợt nhớ tới cuộc diện kiến giữa A-Lịch-Son Đại đế với nhà hiền triết Diogène thuộc môn phái Khuyển nho.

Diogène sống với một con chó, ở trong một cái thùng gỗ, hạn chế tối đa nhu cầu đến mức một cái một cái chén để mức nước uống cũng ném đi khi thấy hai bàn tay bụm lại cũng hứng được nước. Nghe danh nhà hiền triết, một hôm Đại đế đến đứng cạnh cái thùng lễ độ thưa:

- Tiên sinh có cần gì, quả nhân xin...

Triết gia trả lời:

- Ta cần người đứng xe ra để nâng đỡ được vô cửa thùng.

Tướng tùy tùng rút gươm toan chém tên vô lễ (nghề chuyên môn mà!), nhưng vua gạt đi, nói:

- Nếu ta không là A-Lịch-Son thì ta muốn được là Diogène.

A-Lịch-Son trọng Diogène như trọng thầy mình, người thầy mà nhà vua đã từng nói: "Sinh ra ta là cha ta, Hoàng đế Philippe. Dạy ta sống xứng đáng là thầy ta, Aristote".

Lên ngôi năm 20 tuổi mà đánh Đông dẹp Bắc, xua quân từ Hy Lạp sang tận Ba Tư, Ấn Độ, cái thế anh hùng, nhưng nhà vua biết cúi đầu trước cái Đức của bậc hàn sĩ. Thử đặt bà phụ huynh chủ sập vào địa vị nhà vua, thì bà sẽ đá cho cái thùng lăn lông lốc mấy chục vòng!

"Nhất tự vi sư, bán tự vi sư", vậy mà tôi gặp trường hợp có người học trò cũ xưng hô với tôi bằng "anh". Tôi hoàn toàn không cảm thấy bị xúc phạm mà chỉ thấy thương hại cho anh ta. Rõ ràng là anh ta có tỏ ra lúng túng khi sắp phải chọn giữa hai tiếng "thầy" và "anh". Tôi muốn vỗ vai thân



mật an ủi: "Sao em khổ chỉ vậy?" Tiếng "thầy" có gì là cao giá đâu mà em phải cân nhắc? Xung quanh ta thiên hạ dùng tiếng "thầy" khỏe ru mà: thầy thuốc, thầy cúng, thầy võ, thầy phù thủy, thầy địa!..."

Kẻ ác tâm nghĩ và người ác khẩu nói: truyền đạt kiến thức cho học sinh thì nói có công ơn gì? Chỉ là nghề sinh nhai, còn nhẹ hơn nghề đắp đường, khỏe hơn nghề bửa củi. Kiến thức thức đó của danh nhân kim cổ chớ đâu phải của chính thầy cô mà phải thán phục? Vậy là bao nhiêu cái ơn phải đi, bấy nhiêu cái oán lãnh đủ, vì kiến thức truyền rao, học sinh phải nghe, phải học, phải thuộc, phải biết vận dụng để làm bài. Lười học, cầu thả, làm sai, thầy cô phải la phải phạt, vậy là mang oán. Gặp phụ huynh có quyền có chức thì từ oán chuyển sang uy hiếp.

Có một lần một bà mẹ cầm tờ đơn đến trường kiện cô giáo. Tôi mời ngồi nơi phòng khách và mở lời trước:

- Tôi biết vụ này. Con bà về mét là bị cô giáo bạt tai. Cô giáo nói không. Không có ai làm nhân chứng. Nhưng mà đôi co chứng tá làm gì, chúng ta cùng giải quyết cái căn bản. Con bà được bà cung, học lười và hỗn với cô giáo từ lớp Một. Cô giáo rầy la, cảnh cáo nhưng bà bênh con: ăn hiếp lại cô giáo. Lên lớp 2 cũng vậy, lớp 3, lớp 4 và bây giờ lớp 5 đều cũng vậy. Nội dung đang rất bí đát mà bà đâu có hiểu. Con bà không học thì sức đâu mà lên lớp? Nhưng để học lại một năm nữa thì cô giáo chịu sao nổi với nó, với bà? Vậy là nâng điểm, cho lên. Cứ liên tiếp như vậy. Rốt cuộc nay học lớp 5 mà trình độ đâu chừng tới lớp 3 rưỡi. Mà phạm học kém thì ngồi nghe giảng không hiểu, phải nghịch phá. Bà ơi, rốt cuộc cô giáo nào rủi dạy trúng con bà đều cũng phải nhẫn nại chịu đựng cho qua năm học, chịu khó ngồi tụng niệm một trăm chữ NHẪN. Nhưng còn bà, thưa bà, bà sẽ phải khổ với nó suốt cuộc đời bà.

Người đàn bà chăm chăm nhìn tôi. Cái đơn kiện đến cuộn tròn khá lớn, giờ như được xếp cho nhỏ lại.

Nhà giáo bị uy hiếp bốn bề. Là người thợ xây, nhưng tâm hồn học trò đâu có dễ uốn như cây, như gạch? Quả là có một số ít nhà giáo kém phẩm chất nhưng tại sao lại vin vào số ít nhỏ nhoi này để phủ nhận cái đa số lớn lao kia?

Riêng người học trò cũ ngồi nói chuyện với thầy, viết thư thăm thầy thì còn được hưởng thêm một niềm vui ích kỷ: đó là thầy mình vẫn còn trẻ. Bởi một khi các bậc trưởng thượng: cha, mẹ, thầy giáo đều từ trần thì mình sẽ cảm thấy cô độc lạ thường, mình như già đi trong phút chốc. Như những ngày cây cỏ thụ ngã xuống, các cây nhỏ bấy lâu nép bóng chột bị phơi trần ra chịu đựng nắng, gió, mưa.

Gắng tạo niềm cảm thông, niềm an ủi cho các thầy cô giáo để ngày ngày họ dạy dỗ con của bạn trong niềm vui. Cũng dễ hiểu thôi mà: khi có nước mát tưới đều, bụi thùy cúc nở những đóa hoa rực rỡ. Và con của bạn đang ngồi vây quanh, hưởng hương sắc của hoa.

Còn thầy cô giáo cũ thì có mong chờ gì ở bạn đâu? Vì vậy mà một lời thăm hỏi đủ đem lại niềm vui thanh khiết.

**Võ Hồng**

**Ông già kể chuyện đời xưa:**

## **Vài kỷ niệm của một cựu sinh viên trường thuốc Hà Nội**

**( 1 )**

**B.s. Nguyễn Lưu Viên**

Lời nói đầu:

Tôi bước chân vào Trường Thuốc Hà Nội cách nay đã hơn nửa thế kỷ cho nên những kỷ niệm của tôi với trường này là những " chuyện đời xưa " mà tôi muốn kể lại đây để cho :

- các bạn già nhớ lại mà cười chơi cho vui.

- và các bạn trẻ biết tới mà cười chơi cho vui.

Tôi xin nói rõ là các chuyện này " có thật mười mươi " mặc dù một vài chuyện có vẻ hoang đường bịa đặt, nhưng ... " parfois la réalité dépasse la fiction ".

N.L.V.

[ [Phần 1](#) ] - [ [Phần 2](#) ] - [ [Phần 3](#) ]

**H**ồi xưa dưới thời Pháp thuộc toàn cõi Đông Dương ( gồm có Bắc kỳ, Trung kỳ, Nam kỳ, Cao Miên, Ai Lao ) chỉ có một trường thuốc đặt tại Hà Nội với một tên chính thức dài thòng là: " Ecole de Médecine et de Pharmacie de Plein Exercice de l'Indochine " , nói tắt là Ecole de Médecine de Hanoi (Trường thuốc Hà Nội ) có một ông giám đốc (directeur) điều khiển.

Trường này được trường Y Khoa Đại học Paris (Faculté de Médecine de Paris) đỡ đầu nên Paris gởi qua một giáo sư để làm giám đốc trường và hằng năm gởi qua Hà Nội một giáo sư để chủ tọa cuộc thi ra trường, trình luận án và tuyên thệ Hippocrate cho các tân khoa bác sĩ Việt Nam. Vị giáo sư cuối cùng được Paris cử qua Hà Nội là giáo sư Pasteur Valéry Radot, một danh sư của Y Khoa Đại học Paris và là cháu ngoại của nhà thông thái Louis Pasteur.

Đến năm 1940, sau khi Pháp thua trong Đệ nhị Thế chiến và bị Đức Quốc Xã chiếm đóng, sự liên lạc giữa Đông Dương và " mẫu quốc " Pháp không còn dễ dàng nữa thì Trường Thuốc Hà Nội được tự trị với tên chính thức là " Faculté Mixte de Médecine et de Pharmacie de Hanoi ( Y khoa Đại học Hà Nội ) và ông giám đốc trường thuốc được đổi danh xưng là Khoa trưởng Y khoa ( Doyen de la Faculté de Médecine ).

Từ khi tôi bước chân vào trường ấy ( 1938 ) cho đến khi ra trường ấy với danh hiệu trên không còn nữa (9-3-1945), ông giám đốc trường thuốc rồi khoa trưởng y khoa cũng đều là ông Henri Gaillard, một giáo sư chuyên về môn ký sinh trùng học (parasitologie) của Paris gởi qua để điều khiển trường.

Thầy Gaillard rất là " parisien " lúc nào cũng ăn mặc diêm dúa, ăn nói văn hoa. Ngoài việc điều khiển trường về mặt hành chánh ( lúc ấy sinh viên có việc về hành chánh thì liên lạc với ông Sành ), Thầy còn dạy hai môn là Ký sinh trùng học (Parasitologie) và Vi trùng học (Bactériologie) cho sinh viên năm thứ 3 có anh Bửu Lư rồi anh Lê Khắc Quyến (sau này là khoa trưởng Y khoa Huế) giúp. Cảnh văn phòng hành chánh của Thầy ở trên lầu I của Trường còn có một phòng thí nghiệm ký sinh trùng (Lab. of Parasito) trong đó Thầy nuôi đủ loại muỗi truyền bệnh sốt rét (malaria). Để nuôi (cho ăn) các muỗi ấy Thầy có

muốn một người lao công hằng ngày mấy lần thọc tay vào mỗi lồng muỗi để cho muỗi " đốt " cho đến khi no.

Thường thường cours của Thầy bắt đầu vào lúc 1 giờ rưỡi trưa (1:30 pm) tức là giờ ngủ trưa ở Việt Nam, mà đề tài ký sinh trùng không có gì hấp dẫn, giọng của Thầy giảng bài lại đều ru ru, rất êm tai, nên ... thỉnh thoảng nghe Thầy đập gậy lên bàn một cái và hét : " Mais réveillez-vous, voyons " , thì biết cả lớp đã ngủ gục.

Đặc biệt với Thầy là cuối năm đi thi, Thầy hỏi nhiều câu không biết đâu mà rờ. Thí dụ :

Có một năm Thầy hỏi anh Hoàng ( bác sĩ Hoàng là anh của ông Lộc, sau này là Thủ tướng VNCH hỏi ĐNCH) như sau:

Hỏi: Quel est l'animal le plus dangereux que vous connaissez ? (Anh biết con thú nào là nguy hiểm nhất ? )

Trả lời : Le tigre, monsieur. (Thưa Thầy, là con cọp)

-: Non, plus petit que ça (Không, nhỏ hơn thế)

-: La panthère, monsieur (Thưa Thầy là con beo)

-: Non, beaucoup plus petit; un tout petit animal ( Không, nhỏ hơn nhiều, một con vật nhỏ xíu hè)

-: Le serpent, monsieur (Thưa Thầy, là con rắn)

-: Mais non, je dis un animal à quatre pattes non pas un serpent (Không mà, tôi nói một con thú 4 chân chứ không phải con rắn).

Dần dần thì là ... con chuột; vì thầy muốn hỏi lối truyền nhiễm của bệnh dịch hạch (peste,plague). Mà hỏi như vậy đó.

Với tôi thì Thầy hỏi : Qu'est-ce que vous sentez quand un serpent vous pique ? (Khi anh bị rắn cắn thì anh thấy cái gì ?)

Trả lời : Une douleur, monsieur (Thưa Thầy, tôi thấy đau)

Thầy đưa hai tay lên, nói một cách chán nản: Mon Dieu, vous vivez dans un pays infesté de serpents, vous ne pouvez pas faire un pas sans risquer de rencontrer un serpent et vous ne savez pas ce que vous sentez quand un serpent vous pique (Trời ơi, anh sống trong một xứ đầy là rắn; bước đi một bước là có thể gặp rắn mà anh không biết anh thấy cái gì khi bị rắn cắn sao ?)

Rốt cuộc là Thầy muốn mình phân biệt hai loại nọc rắn độc: một loại thuộc loại rắn lục (Pit viper venom) có tác dụng vào máu, và một loại thuộc rắn hổ (cobra venom) có tác dụng vào thần kinh. Mà hỏi như vậy đó. Nhưng thầy không ác, rất " fair " hỏi dần dần để đưa mình đến chỗ Thầy muốn, rồi nếu nói được thì cho đậu.

### Câu chuyện bên lề một :

Lúc ấy vào niên khóa 1942-1943 thì phải, một hôm đang theo thầy Massias làm round ở Khu nội thương của Bệnh viện Bạch Mai, thì thấy khoa trưởng Gaillard đến (một chuyện lạ ít khi có). Cùng đi với Thầy có một người Việt Nam tuổi độ sáu mươi, lùn lùn, có vẻ sang trọng, ăn mặc chỉnh tề. Khi đến gần nhóm sinh viên thì Thầy Gaillard nói "Voici Dr. Thinh de Sai Gòn; il était déjà interne quand j'étais encore stagiaire " (Đây là bác sĩ Thinh ở Sài Gòn; ông này khi trước đã là nội trú khi tôi còn là sinh viên tập sự). Nghe như vậy bọn sinh viên nể quá, kính cẩn chào; bác sĩ Thinh không nói gì hết, cười cười, cúi đầu chào lại, có vẻ rất hiền hậu. Thầy Massias trong buồng bệnh nhân đi ra, ba người chào hỏi nhau, rồi kéo nhau lên văn phòng.

Đây là lần đầu tiên, tôi được gặp bác sĩ Thinh, một đồng nghiệp đàn anh danh tiếng ở miền Nam và cũng là bố của chị Irène Thinh, đầm lai, cao lớn hơn bố, khá đẹp, đang học Dược.

Về sau lối năm 1946, chính bác sĩ Thinh đây sẽ là Thủ tướng của Nam kỳ cuộc " Cộng hòa Cổ chân chiên " (République de Cochinchine); và sau khi nhận thấy mình đã bị Pháp lừa và lợi dụng, ông đã tự tử bằng cách thắt cổ với một sợi giây điện, trên bàn viết gần đó có quyển sách thuốc còn mở ra ở trang nói về "

Thất cổ " (Pendaïson). Nên để ý rằng ông là một bác sĩ mà không dùng độc dược để tự tử cho êm, mà lại dùng dây để thất cổ như người " tay ngang " (có nhiều ý nghĩa); trước đó còn có can đảm và bình tĩnh để đọc lại sách thuốc xem cái gì sẽ xảy ra cho thân thể mình. Thương hại cho một đồng nghiệp đàn anh lỗi lạc (thời ấy Annamite-Indigène mà đậu được Interne des Hôpitaux de Paris không phải là vừa) thật thà ra làm chánh trị, bị lường gạt và lợi dụng đến nỗi phải quyên sinh. Không biết chị Irène về sau ra sao.

### Câu chuyện bên lề hai:

Thầy Gaillard có một " cô mèo " Việt Nam trẻ và đẹp tên là cô Lý. Thầy thuê cho một căn nhà ở đường DuVigneau gần Nhà Diêm (Société Indochinoise des Allumettes) trong xóm có nhiều sinh viên Nam kỳ. Thì ... quả y như rằng ... cô Lý có một " cậu mèo " tên là anh Tấn, người Nam, con nhà giàu, quê ở Rạch Giá, đang học Luật. Mỗi khi thầy đến thăm " mèo " (thường cô Lý được báo tin trước để ... " chuẩn bị ") thì anh Tấn tạm " tản cư " qua nhà bên cạnh. Một hôm chắc Thầy " cao hứng lắm " nên đến bất thành linh mà không có báo trước nên ... đụng đầu. Anh Tấn kể chuyện lại như sau: " Tao đang nằm trong phòng, nghe tiếng xe hơi đậu lại; tao chồm lên nhìn qua cửa sổ thì thấy ông đã xuống xe rồi; tao sợ quá vội vàng ôm đồ chạy; ra đến cửa thì gặp ông bước vào. Thấy tao ông hơi ngạc nhiên nhưng bình tĩnh nói : " Bonjour jeune homme ". Tao cũng cúi đầu chào " Bonjour monsieur " rồi chuồn luôn ". Tụi này nghe chuyện cười quá.

Về sau, sau khi Việt Nam độc lập thì Thầy Gaillard về Pháp được phục hồi nguyên chức vị cũ là giáo sư Y khoa Đại học Paris, và không biết Thầy mất lúc nào.

Còn cô Lý thì hình như được Quốc trưởng chiếu cố nên vẫn sống phây phây trên nhung lụa ở Đà Lạt.

Chỉ có anh Tấn thì tội nghiệp không đồ đạt gì hết; đến năm 1961 thì tôi có gặp lần cuối cùng lang thang ở Sài Gòn, nghèo, đói, xì ke. Còn đâu thời oanh liệt của một sinh viên trường Luật mà " chim " được " mèo " của ông khoa trưởng Trường Thuốc !

### Tái bút :

Tôi không rõ Trường Thuốc Hà Nội thành lập năm nào, chỉ thấy trong quyển sách " Việt Nam Pháp Thuộc Sử 1884-1945 " , tác giả Phan Khoang, 1961, ở trang 441, có đoạn nguyên văn như sau: "Trường đại học ra đời thời Toàn quyền Paul Beau (1897-1902) bị Toàn quyền Klobukowski (1902-1908) bãi bỏ, được Toàn quyền Albert Sarraut (1911-1919) tổ chức lại năm 1918, thật ra chỉ gồm những trường chuyên môn đào tạo một hạng công chức phụ tá người Pháp trong các công sở. Trường Cao đẳng Y Dược mở trước hết, sau thêm trường Cao đẳng Sư phạm, Công chánh, Canh nông, Thú y, Thương mại, Cao đẳng mỹ thuật. Và, như cụ Phan Khoang nói, lúc ban đầu Trường Thuốc Hà Nội chỉ đào tạo ra y sĩ Đông Dương (Médecins Indochinois) theo một chương trình học 4 (hay 3 ?) năm, để thành những công chức phụ tá cho các bác sĩ y khoa Pháp trong các bệnh viện ở Đông Dương.

Rồi về sau trường này mới đào tạo ra y khoa bác sĩ (docteur en médecine) với chương trình học 7 năm và luận án, tôi không biết kể từ năm nào, chỉ thấy trong quyển sách " Danh sách Y sĩ Việt Nam 1989 " của hội Quốc Tế Y Sĩ Việt Nam Tự Do xuất bản ở Montréal, Canada ở trang 114, có ghi hồi năm 1935 (là năm xa nhất có được tài liệu), có 12 luận án y khoa.

Những chuyện tôi kể ở đây là những chuyện ở Trường Thuốc Hà Nội từ 1938 đến 1945.

Đến năm 1945, sau khi quân đội Nhật Bản đảo chính Pháp ở Đông Dương đêm thứ sáu 9-3, thì Trường Y Dược khoa và Đại học đóng cửa.

Ông khoa trưởng và các giáo sư phải chịu cùng một số phận với các Pháp kiều khác là bị Nhựt bản bắt nhốt làm tù binh.

Độ hai tháng sau (lời tháng 5-1945) dưới thời Đế quốc Việt Nam với Hoàng đế Bảo Đại và Thủ tướng Trần Trọng Kim, thì Trường Y Dược khoa mở cửa lại với cụ Hồ Đắc Di làm khoa trưởng, và tiếp tục luôn như thế dưới thời Việt Minh, Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa. Hoạt động được hơn một năm, thì đến ngày 19-9-1946, toàn dân kháng chiến chống Pháp giành độc lập, thì cụ Hồ Đắc Di và Trường cũng như mọi cơ sở khác phải di tản ra chiến khu (Việt Trì, Phú Thọ, Thái Nguyên, Bắc Kạn. (Lần sau cùng tôi gặp cụ Di là ở Bắc Kạn vào mùa thu năm 1947).

Trong lúc đó thì Pháp đã trở lại Hà Nội, và năm 1947 thì Trường Y Dược khoa Hà Nội hoạt động trở lại và được chia ra làm hai cơ sở: một ở Hà Nội (được gọi là section de Hanoi) với Thầy Huard làm khoa trưởng và một ở Sài Gòn (được gọi là section de Saigon) với Thầy Massias làm khoa trưởng.

Ở Sài Gòn, trường Y Dược khoa được đặt tại một tư thất (villa) ở đường Testard (sau đổi tên là đường Trần Quý Cáp). Tư thất này khi trước là của chị bác sĩ Henriette Bùi (con của cụ Bùi Quang Chiêu, một chính trị gia có tiếng ở miền Nam).

Nên đề ý rằng lúc ấy trường Thuốc Sài Gòn không có tên là Faculté de Médecine de Saigon mà có tên chính thức là Faculté Mixte de Médecine et de Pharmacie de Hanoi (Section de Saigon) làm cũng như thế là các thầy Pháp có linh cảm trước (trước 28 năm) rằng Hà Nội sẽ chỉ phối Sài Gòn ?)

Sau đó dưới thời Đế quốc Cộng Hòa (vào thập niên 60) nhờ sự viện trợ của Mỹ, một trường Y khoa Đại học ngụy nga được xây cất trong vùng Chợ Lớn như chúng ta đã biết ... và đã phải vĩnh biệt.

**B.s. Nguyễn Lưu Viên**  
Tập san Y sĩ - số 108  
tháng 9-1990  
(Còn tiếp)

# Lão Hạc

Nam Cao

**L**ão Hạc thổi cái mồi rom, châm đóm. Tôi đã thông điếu và bỏ thuốc rồi. Tôi mời lão hút trước. Nhưng lão không nghe...

- Ông giáo hút trước đi

Lão đưa đóm cho tôi...

- Tôi xin cụ...

Và tôi cầm lấy đóm, vo viên một điếu. Tôi rít một hơi xong, thông điếu rồi mới đặt vào lòng lão. Lão bỏ thuốc, nhưng chưa hút vội. Lão cầm lấy đóm, gạt tàn, và bảo:

- Có lẽ tôi bán con chó đấy ông giáo ạ!

Lão đặt xe điếu, hút. Tôi vừa thở khói, vừa gà gà đôi mắt của người say, nhìn lão, nhìn để làm ra vẻ chú ý đến câu nói của lão đó thôi. Thật ra thì trong lòng tôi rất dửng dưng. Tôi nghe câu ấy đã nhàm rồi. Tôi lại biết rằng: lão nói là nói để có đấy thôi; chẳng bao giờ lão bán đâu. Vả lại, có bán thật nữa thì đã sao? Làm quái gì một con chó mà lão có vẻ băn khoăn quá thế!...

Lão hút xong, đặt xe điếu cuống, quay ra ngoài, thở khói. Sau một điếu thuốc lão, óc người ta tê dại đi trong một nỗi mê nhẹ nhõm. Lão Hạc ngồi lặng lẽ, hưởng chút khoái lạc còn con ấy. Tôi cũng ngồi lặng lẽ. Tôi nghĩ đến mấy quyển sách quý của tôi. Hồi bị ốm nặng ở Sài Gòn tôi bán gần hết cả áo quần, nhưng vẫn không chịu bán cho ai một quyển. ốm dậy, tôi về quê, hành lý chỉ vền vện có một cái va-ly đựng toàn những sách. Ôi những quyển sách rất nâng niu! Tôi đã nguyện giữ chúng suốt đời, để lưu lại cái kỷ niệm một thời chăm chỉ, hăng hái và tin tưởng đầy những say mê đẹp và cao vọng: mỗi lần mở một quyển ra, chưa kịp đọc dòng nào, tôi đã thấy bùng lên trong lòng tôi như một rạng đông, cái hình ảnh tuổi hai mươi trong trẻo, biết yêu và biết ghét... Nhưng đời người ta không chỉ khổ một lần. Mỗi lần cùng đường đất sinh nhai, và bán hết mọi thứ rồi, tôi lại phải bán đi một ít sách của tôi. Sau cùng chỉ còn có năm quyển, tôi nhất định, dù có phải chết cũng không chịu bán. Ấy thế mà tôi cũng bán! Mới cách đây có hơn một tháng thôi, đứa con nhỏ của tôi bị chứng lỵ gần kiệt sức... Không! Lão hạc ơi! Ta có quyền giữ cho ta một tý gì đâu? Lão quý con chó vàng của lão đã thấm vào đâu với tôi quý năm quyển sách của tôi...

Tôi nghĩ thầm trong bụng thế. Còn lão Hạc, lão nghĩ gì? Đột nhiên lão bảo tôi:

- Này! Thằng cháu nhà tôi, đến một năm nay, chẳng có giấy má gì đấy, ông giáo ạ!

À ! Thì ra lão đang nghĩ đến thằng con lão. Nó đi cao su năm sáu năm rồi. Hồi tôi mới về, nó đã hết một hạn công-ta. Lão Hạc, đem thư của nó sang, mượn tôi xem. Nhưng nó xin đăng thêm một hạn nữa... Lão vội cắt nghĩa cho tôi hiểu tại sao lão đang nói chuyện con chó, lại nhảy vọt sang chuyện thằng con như vậy:

- Con chó là của cháu nó mua đấy chứ!... Nó mua về nuôi, định để đến lúc cưới vợ thì giết thịt...

Ấy! Sự đời lại cứ thường như vậy đấy. Người ta đã định rồi chẳng bao giờ người ta làm được. Hai đứa mê nhau lắm. Bố mẹ đứa con gái biết vậy, nên cũng bằng lòng gả. Nhưng họ thách nặng quá: nguyên tiền mặt phải một trăm đồng bạc, lại còn cau, còn rượu... cả cưới nữa thì mất đến cứng hai trăm bạc. Lão Hạc

không lo được. ý thằng con lão, thì nó muốn bán vườn, cố lo cho bằng được. Nhưng lão không cho bán. Ai lại bán vườn đi mà lấy vợ? Vả lại bán vườn đi, thì cưới vợ về, ở đâu? Với lại, nói cho cùng nữa, nếu đăng nhà gái họ cứ khăng khăng đòi như vậy, thì dầu có bán vườn đi cũng không đủ cưới. Lão Hạc biết vậy đấy, nhưng cũng không dám xằng. Lão tìm lời lẽ giảng giải cho con trai hiểu. Lão khuyên nó hãy dần lòng bỏ đám này, để rồi gả lại ít lâu, xem có đám nào khác mà nhẹ tiền hơn sẽ liệu: chẳng lấy đứa này thì lấy đứa khác; làng này đã chết hết con gái đâu mà sợ?... Lạy trời lạy đất! Nó cũng là thằng khá, nó thấy bố nói thế thì nó thôi ngay, nó không đả động đến việc cưới xin nữa. Nhưng nó có vẻ buồn. Và lão biết nó vẫn theo đuổi con kia mãi. Lão thương con lắm. Nhưng biết làm sao được?... Tháng mười năm ấy, con kia đi lấy chồng; nó lấy con trai một ông phó lý, nhà có cửa. Thằng con lão sinh phần chí. Ngay, hôm sau, nó ra tỉnh đến sở mộ phu, đưa thẻ, ký giấy xin đi làm đồn điền cao su...

Lão rân rân nước mắt, bảo tôi:

- Trước khi đi, nó còn cho tôi ba đồng bạc, ông giáo ạ! Chẳng biết nó gửi thẻ xong, vay trước được mấy đồng, mà đưa về cho tôi ba đồng. Nó đưa cho tôi ba đồng mà bảo: "Con biếu thầy ba đồng để thỉnh thoảng thầy ăn quà: xưa nay con ở nhà mãi cũng không nuôi được bữa nào, thì con đi cũng chẳng phải lo, thầy bòn vườn đất với làm thuê làm mướn thêm cho người ta thế nào cũng đủ ăn; con đi chuyến này cố chí làm ăn, bao giờ có bạc trăm con mới về, không có tiền, sống khổ sống sở ở cái làng này, nhục lắm!...". Tôi chỉ còn biết khóc, chứ còn biết làm sao được nữa? Thẻ của nó, người ta giữ. Hình của nó, người ta đã chụp rồi. Nó lại đã lấy tiền của người ta. Nó là người của người ta rồi, chứ đâu còn là con tôi?...

\*\*\*

Lão Hạc ơi! Bây giờ thì tôi hiểu sao lão không muốn bán con chó vàng của lão. Lão chỉ còn một mình nó để làm khuây. Vợ lão chết rồi. Con lão đi bần bật. Già rồi mà ngày cũng như đêm, chỉ thui thui một mình thì ai mà chả phải buồn? Những lúc buồn, có con chó làm bạn thì cũng đỡ buồn một chút. Lão gọi nó là cậu Vàng như một bà hiếm hoi gọi đứa con cầu tự. Thỉnh thoảng không có việc gì làm, lão lại bắt rận cho nó, hay đem nó ra ao tắm. Lão cho nó ăn cơm trong một cái bát như một nhà giàu. Lão ăn gì cũng chia cho nó cùng ăn. Những buổi tối, khi lão uống rượu, thì nó ngồi ở dưới chân, Lão cứ nhắm vài miếng lại gắp cho nó một miếng, như người ta gắp thức ăn cho con trẻ. Rồi lão chửi yêu nó, lão nói với nó như với một đứa cháu bé về bố nó. Lão bảo nó thế này:

- Cậu có nhớ bố cậu không? Hà cậu Vàng? Bố cậu lâu lắm không có thư về. Bố cậu đi có lẽ được đến ba năm rồi đấy... Hơn ba năm... Có đến ngót bốn năm... Không biết cuối năm nay bố cậu có về không? Nó mà về, nó cưới vợ, thì nó giết cậu. Liệu hồn cậu đấy!

Con chó vẫn héch mồm lên nhìn, chẳng lộ một vẻ gì: lão lừ mắt nhìn trừng trừng vào mắt nó, to tiếng dọa:

- Nó giết mày đấy! Mày có biết không? Ông cho thì bỏ bố!

Con chó tưởng chủ mắng, vẫy đuôi mừng, để lấy lại lòng chủ. Lão Hạc nạt to hơn nữa:

- Mừng à? Vẫy đuôi à? Vẫy đuôi thì cũng giết! Cho cậu chết!

Thấy lão sùng sộ quá, con chó vừa vẫy đuôi, vừa chực lảng. Nhưng lão vội nắm lấy nó, ôm đầu nó, đập nhẹ nhẹ vào lưng nó và dẫu dí:

- À không! à không! Không giết cậu Vàng đâu nhĩ!... Cậu Vàng của ông ngoan lắm! Ông không cho giết... Ông để cậu Vàng ông nuôi...



Lão buông nó ra để nhắc chén, ghé lên môi uống. Lão ngẩn mặt ra một chút, rồi bỗng nhiên thở dài. Rồi lão lẩm bẩm tính. Đây là lão tính tiền bòn vườn của con...

Sau khi thẳng con đi, lão tự bảo rằng: "Cái vườn là của con ta. Hồi còn mồ ma mẹ nó, mẹ nó cố thắt lưng buộc bụng, dè sẻn mãi, mới để ra được năm mươi đồng bạc tậu. Hồi ấy, mọi thứ còn rẻ cả... Của mẹ nó tậu, thì nó hưởng. Lóp trước nó đòi bán, ta không cho bán là ta cố ý giữ cho nó, chứ có phải giữ để ta ăn đâu? Nó không có tiền cưới vợ, phần chí bước ra đi, thì đến lúc có tiền để lấy vợ, mới chịu về. Ta bòn vườn của nó, cũng nên để ra cho nó: đến lúc nó về, nếu nó không đủ tiền cưới vợ thì ta thêm vào với nó, nếu nó có đủ tiền cưới vợ, thì ta cho vợ chồng nó để có chút vốn mà làm ăn...". Lão tự bảo lão như thế, và lão làm đúng như thế. Lão làm thuê để kiếm ăn. Hoa lợi của khu vườn được bao nhiêu lão để riêng ra. Lão chắc mẩm thế nào đến lúc con lão về, lão cũng có được một trăm đồng bạc...

Lão lắc đầu chán nản bảo tôi:

- Ấy thế mà bây giờ hết nhãn, ông giáo ạ! Tôi chỉ ồm có một trận đấy thôi. Một trận đúng hai tháng mười tám ngày, ông giáo ạ! Hai tháng mười tám ngày đã không làm được một xu, lại còn thuốc, lại còn ăn... Ông thử tính ra xem bao nhiêu tiền vào đấy?...

Sau trận ồm, lão yếu người đi ghê lắm. Những công việc nặng không làm được nữa. Làng mất vè sợi, nghề vải đành phải bỏ. Đàn bà rồi rãi nhiều. Còn tí việc nhẹ nào, họ tranh nhau làm mất cả. Lão Hạc không có việc. Rồi lại bão. Hoa màu bị phá sạch sành sanh. Từ ngày bão đến nay, vườn lão chưa có một tí gì bán. Gạo thì cứ kém mãi đi. Một lão với một con chó, mỗi ngày ba hào gạo, mà gia sự vẫn còn đói deo đói dật...

- Thì ra cậu Vàng cậu ấy ăn khỏe hơn cả tôi ông giáo ạ. Mỗi ngày cậu ấy ăn thế, bỏ rẻ cũng mất hào rưỡi, hai hào đấy. Cứ mãi thế này thì tôi lấy tiền đâu mà nuôi được? Mà cho cậu ấy ăn ít thì cậu ấy gày đi, bán hụt tiền, có phải hoài không? Bây giờ cậu ấy béo trũng trục, mua đắt, người ta cũng thích...

Lão ngắt lại một chút, rồi tắc lưỡi:

- Thôi thì bán phát đi! Đỡ được đồng nào, hay đồng ấy. Bây giờ tiêu một xu cũng là tiêu vào tiền của cháu. Tiêu lắm chỉ chết nó. Tôi bây giờ có làm gì được đâu?

\*\*\*

Hôm sau, lão Hạc sang nhà tôi. Vừa thấy tôi, lão báo ngay:

- Cậu Vàng đi đời rồi, ông giáo ạ!

- Cụ bán rồi?

- Bán rồi? Họ vừa bắt xong.

Lão cố làm ra vẻ vui vẻ. Nhưng trông lão cười như mếu và đôi mắt lão ầng ậng nước, tôi muốn ôm choàng lấy lão mà òa lên khóc. Bây giờ thì tôi không xót xa năm quyển sách của tôi quá như trước nữa. Tôi chỉ ái ngại cho lão Hạc. Tôi hỏi cho có chuyện:

- Thế nó cho bắt à?

Mặt lão đột nhiên co dúm lại. Những vết nhăn xô lại với nhau, ép cho nước mắt chảy ra. Cái đầu lão ngoẹo về một bên và cái miệng móm mém của lão mếu như con nít. Lão hu hu khóc...



- Khốn nạn... Ông giáo ơi! Nó có biết gì đâu! Nó thấy tôi gọi thì chạy ngay về, vẫy đuôi mừng. Tôi cho nó ăn cơm. Nó đang ăn thì thằng Mục nấp trong nhà, ngay đằng sau nó, tóm lấy hai cẳng sau nó dốc ngược nó lên. Cứ thế là thằng Mục với thằng Xiển, hai thằng chúng nó chỉ loay hoay một lúc đã trói chặt cả bốn chân nó lại. Bấy giờ cu cậu mới biết là cu cậu chết! Này! Ông giáo ạ! Cái giống nó cũng khôn! Nó cứ làm in như nó trách tôi: nó kêu ư ử, nhìn tôi như muốn bảo tôi rằng: "A! Lão già tệ lắm! Tôi ăn ở với lão như thế mà lão xử với tôi như thế này?". Thì ra tôi già bằng này tuổi đầu rồi còn đánh lừa một con chó, nó không ngờ tôi nỡ tâm lừa nó!

Tôi an ủi lão:

- Cụ cứ tưởng thế đấy chứ nó chả hiểu đâu! Vả lại ai nuôi chó mà chả bán hay giết thịt? Ta giết nó chính là hóa kiếp cho nó đấy, hóa kiếp để cho nó làm kiếp khác.

Lão chua chát bảo:

- Ông giáo nói phải! Kiếp con chó là kiếp khổ thì ta hóa kiếp cho nó để nó làm kiếp người, may ra có sung sướng hơn một chút... kiếp người như kiếp tôi chẳng hạn!...

Tôi bùi ngùi nhìn lão, bảo:

- Kiếp ai cũng thế thôi, cụ ạ! Cụ tưởng tôi sung sướng hơn chăng?

- Thế thì không biết nếu kiếp người cũng khổ nốt thì ta nên làm kiếp gì cho thật sướng?

Lão cười và ho sòng sọc. Tôi nắm lấy vai gầy của lão, ôn tồn bảo:

- Chẳng kiếp gì sung sướng thật, nhưng có cái này là sung sướng: bây giờ cụ ngồi xuống phản này chơi, tôi đi luộc mấy củ khoai lang, nấu một ấm nước chè tươi thật đặc; ông con mình ăn khoai, uống nước chè, rồi hút thuốc lào... Thế là sướng.

- Vâng! Ông giáo dạy phải! Đối với chúng mình thì thế là sung sướng.

Lão nói xong lại cười đưa đà. Tiếng cười gượng nhưng nghe đã hiền hậu lại. Tôi vui vẻ bảo:

- Thế là được, chứ gì? Vậy cụ ngồi xuống đây, tôi đi luộc khoai, nấu nước.

- Nói đùa thế, chứ ông giáo cho để khi khác?...

- Việc gì còn phải chờ khi khác?... Không bao giờ nên hoãn sự sung sướng lại. Cụ cứ ngồi xuống đây! Tôi làm nhanh lắm..

- Đã biết, nhưng tôi còn muốn nhờ ông một việc...

Mặt lão nghiêm trang lại...

- Việc gì thế, cụ?

- Ông giáo để tôi nói... Nó hơi dài dòng một tí.

- Vâng, cụ nói.

- Nó thế này, ông giáo ạ!

Và lão kể. Lão kể nhỏ nhẹ và dài dòng thật. Nhưng đại khái có thể rút vào hai việc. Việc thứ nhất: Lão thì già, con đi vắng, và lại nó cũng còn dại lắm, nếu không có người trông nom cho thì khó mà giữ được vườn đất để làm ăn ở làng này. Tôi là người nhiều chữ nghĩa, nhiều lý luận, người ta kiêng nể, vậy lão muốn nhờ tôi cho lão gửi ba sào vườn của thằng con lão, lão viết văn tự nhượng cho tôi để không ai còn tơ tưởng dòm ngó đến; khi nào con lão về thì nó sẽ nhận vườn làm, nhưng văn tự cứ để tên tôi cũng được, để thế để tôi trông coi cho nó... Việc thứ hai: Lão già yếu lắm rồi, không biết sống chết lúc nào; con không có nhà, lỡ chết không biết ai đứng ra lo cho được; để phiền cho hàng xóm thì chết không nhắm mắt: lão còn được hăm nhăm đồng bạc với năm đồng vừa bán chó là ba mươi đồng bạc, muốn gửi tôi để lỡ có chết thì tôi đem ra, nói với hàng xóm giúp, gọi là của lão có tí chút, còn bao nhiêu đành nhờ hàng xóm cả.

Tôi bật cười bảo lão:

- Sao cụ lo xa quá thế? Cụ còn khỏe lắm, chưa chết đâu mà sợ! Cụ cứ để tiền ấy mà ăn, lúc chết hãy hay! Tội gì bây giờ nhịn đói mà tiền để lại?

- Không, ông giáo ạ! Ăn mãi hết đi thì đến lúc chết lấy gì mà lo liệu?

- Đã đành rằng là thế, nhưng tôi bòn vườn của nó bao nhiêu, tiêu hết cả. Nó vợ con chưa có. Ngộ nó không lấy gì lo được, lại bán vườn thì sao?... Tôi cần rơm, cần cỏ tôi lạy ông giáo! Ông giáo có nghĩ cái tình tôi già nua tuổi tác mà thương thì ông giáo cứ cho tôi gửi.

Thấy lão nằn nì mãi, tôi đành nhận vậy. Lúc lão ra về, tôi còn hỏi:

- Có đồng nào, cụ nhật nhanh đưa cho tôi cả thì cụ lấy gì mà ăn?

Lão cười nhạt bảo:

- Được ạ! Tôi đã liệu đâu vào đấy... Thế nào rồi cũng xong.

Luôn mấy hôm, tôi thấy lão Hạc chỉ ăn khoai, rồi thì khoai cũng hết. Bắt đầu từ đấy, lão chế tạo được món gì, ăn món ấy... Hôm thì lão ăn củ chuối, hôm thì lão ăn sung luộc, hôm thì ăn rau má, với thỉnh thoảng một vài củ ráy, hay bữa trai, bữa ốc. Tôi nói chuyện lão với vợ tôi. Thị gạt phất đi:

- Cho lão chết! Ai bảo lão có tiền mà chịu khổ! Lão làm lão khổ chứ ai làm lão khổ! Nhà mình sung sướng gì mà giúp lão? Chính con mình cũng đói...

Chao ôi! Đối với những người ở quanh ta, nếu ta không cố tìm mà hiểu họ, thì ta chỉ thấy họ gàn dở, ngu ngốc, bần tiện, xấu xa, bỉ ổi... toàn những cớ để cho ta tàn nhẫn; không bao giờ ta thấy họ là những người đáng thương: không bao giờ ta thương... Vợ tôi không ác, nhưng thị khổ quá rồi. Một người đau chân có lúc nào quên được cái chân đau của mình để nghĩ đến một cái gì khác đâu? Khi người ta khổ quá thì người ta chẳng còn nghĩ gì đến ai được nữa. Cái bản tính tốt của người ta bị những nỗi lo lắng, buồn đau ích kỷ che lấp mất. Tôi biết vậy, nên tôi chỉ buồn chứ không nổi giận. Tôi giấu giếm vợ tôi, thỉnh thoảng giúp ngầm ngầm lão Hạc. Nhưng hình như lão cũng biết vợ tôi không ưng giúp lão. Lão từ chối tất cả những cái gì tôi cho lão. Lão từ chối một cách gần như là hách dịch. Và lão cứ xa tôi dần dần...

Lão không hiểu tôi, tôi nghĩ vậy, và tôi càng buồn lắm. Những người nghèo nhiều tự ái vẫn thường như thế. Họ dễ tủi thân nên rất hay chạnh lòng. Ta khó mà ở cho vừa ý họ... Một hôm, tôi phàn nàn về việc ấy với binh Tư. Binh Tư là một người láng giềng khác của tôi. Hắn làm nghề ăn trộm nên vốn không ưa lão hạc bởi vì lão lương thiện quá. Hắn bĩu môi và bảo:

- Lão làm bộ đấy! Thật ra thì lão chỉ tâm ngảm thế, nhưng cũng ra phết chứ chả vừa đâu. Lão vừa xin tôi một ít bả chó...

Tôi trở to đôi mắt, ngạc nhiên. Hắn thì thào:

- Lão bảo có con chó nhà nào cứ đến vườn nhà lão... Lão định cho nó xoi một bữa. Nếu trúng, lão với tôi uống rượu.

Hỡi ơi lão Hạc! Thì ra đến lúc cùng lão cũng có thể làm liều như ai hết... Một người như thế ấy!... Một người đã khóc vì trót lừa một con chó!... Một người nhịn ăn để tiền lại làm ma, bởi không muốn liên lụy đến hàng xóm, láng giềng... Con người đáng kính ấy bây giờ cũng theo gót binh Tư để có ăn ư? Cuộc đời quả thật cứ một ngày một thêm đáng buồn...

\*\*\*

Không! Cuộc đời chưa hẳn đã đáng buồn, hay vẫn đáng buồn nhưng lại đáng buồn theo một nghĩa khác. Tôi ở nhà binh Tư về được một lúc lâu thì thấy những tiếng nhón nháo ở bên nhà lão Hạc. Tôi mãi một chạy sang. Mấy người hàng xóm đến trước tôi đang xông xáo ở trong nhà. Tôi xông xộc chạy vào. Lão Hạc đang vật vã ở trên giường, đầu tóc rũ rượi, quần áo xộc xệch, hai mắt long sòng sọc. Lão tru tréo, bọt mép sùi ra, khắp người chốc chốc lại bị giật mạnh một cái, nảy lên. Hai người đàn ông lực lưỡng phải ngồi đè lên người lão. Lão vật vã đến hai giờ đồng hồ rồi mới chết. Cái chết thật là dữ dội. Chẳng ai hiểu lão chết vì bệnh gì mà đau đớn và bất thình lình như vậy. Chỉ có tôi với binh Tư hiểu. Nhưng nói ra làm gì nữa! Lão Hạc ơi! Lão hãy yên lòng mà nhắm mắt! Lão đừng lo gì cho cái vườn của lão. Tôi sẽ cố giữ gìn cho lão. Đến khi con trai lão về, tôi sẽ trao lại cho hắn và bảo hắn: "Đây là cái vườn mà ông cụ thân sinh ra anh đã cố để lại cho anh trọn vẹn; cụ tha chết! chứ không chịu bán đi một sào...".

**Nam Cao**

# Nhà Mẹ Lê

Thạch Lam

**Đ**oàn Thôn là một cái phố chợ tồi tàn gần ngay một huyện lỵ nhỏ ở trung châu. Hai dãy nhà lụp xụp, mái tranh xuống thấp gần đến thềm, che nửa những cái gai nửa đã mục nát. Gần đây là những quán chợ xiêu vẹo đứng bao bọc một căn nhà gạch có gác, bung bít như một cái tổ chim, nhà của một người giàu trong làng làm ra để bán hàng.

Người ở phố chợ là bảy, tám gia đình nghèo khổ không biết quê quán ở đâu, mà người dân trong huyện vẫn gọi một cách khinh bỉ: những kẻ ngụ cư. Họ ở những đâu đến đây kiếm ăn trong mấy năm trời làm đói kém, làm những nghề lặt vặt: Người thì kéo xe, người thì đánh dấm hay làm thuê, ở mướn cho những nhà giàu có trong làng. Người ta gọi mỗi gia đình bằng tên người mẹ: nhà mẹ Hiền, nhà mẹ Đồi, nhà mẹ Lê. Những gia đình này đều giống nhau ở chỗ cùng nghèo nàn như nhau cả.

Nhà mẹ Lê là một gia đình một người mẹ với mười một người con. Bác Lê là một người đàn bà quê chắc chắn và thấp bé, da mặt và chân tay dãn deo như một quả trám khô. Khi bác mới đến phố, ai ai cũng chú ý đến đám con của bác: Mười một đứa, mà đứa nhớn mới có mười bảy tuổi, đứa bé nhất hãy còn phải bế trên tay.

Mẹ con bác ta ở một căn nhà cuối phố, một căn nhà cũng lụp xụp như những căn nhà khác. Chường ấy người chen chúc trong một khoảng rộng độ bằng hai chiếc chiếu, có mỗi một chiếc giường nan đã gãy nát. Mùa rét thì giải ô rơm đầy nhà, mẹ con cùng nằm ngủ trên đó, trông như một cái ổ chó, chó mẹ và chó con lúc nhúc. Đối với những người nghèo như bác, một chỗ ở như thế cũng tươm tất lắm rồi. Nhưng còn cách kiếm ăn. Bác Lê chật vật, khó khăn suốt ngày cũng không đủ nuôi chường ấy đứa con. Từ buổi sáng tinh sương, mùa nực cũng như mùa rét, bác ta đã phải trở dậy để đi làm mướn cho những người có ruộng trong làng. Những ngày có người mướn ấy, tuy bác phải làm vất vả, nhưng chắc chắn buổi tối được mấy bát gạo và mấy đồng xu về nuôi lũ con đói đợi ở nhà. Đó là những ngày sung sướng. Nhưng đến mùa rét, khi các ruộng kia đã gặt rồi, cánh đồng chỉ còn trơ cuống ra dưới gió bắc lạnh như lưỡi dao sắc khía vào da, bác Lê lo sợ; vì không ai mướn bác làm việc gì nữa. Thế là cả nhà nhịn đói. Mấy đứa nhỏ nhất, con Tý, con Phún, thằng Hi mà con chị nó bế, chúng nó khóc lả đi mà không có cái ăn. Dưới manh áo rách nát, thịt chúng nó thâm tím lại vì rét, như thịt con trâu chết. Bác Lê ôm ấp lấy con trong ổ rơm để mong lấy cái hơi ấm của mình áp ủ cho nó. Thằng con nhớn nhất thì từ sáng đã cùng thằng Ba ra cánh đồng kiếm con cua con ốc, hay sau mùa gặt, đi mò những bông lúa còn sót lại trong khe ruộng. Thật là sung sướng, nếu chúng mang về được một lượm, trong những ngày may mắn. Vội vàng, bác Lê đẩy con ra vợ lấy bó lúa, đem để xuống dưới chân vò nát, vét hột thóc, giã lấy gạo. Rồi là một bữa cơm nóng lúc buổi tối giá rét mẹ con ngồi xúm quanh nồi cơm bốc hơi, trong khi bên ngoài gió lạnh rít qua mái tranh.

\*

\* \*

Cuộc đời của gia đình bác Lê cứ như thế mà lặng lẽ qua, ngày no rồi lại ngày đói. Tuy vậy, cũng có những ngày vui vẻ. Những ngày nắng ấm trong năm, hay những buổi chiều mùa hạ, mẹ con bác Lê cùng nhau ngồi chơi ở trước cửa nhà. Các người hàng xóm cũng làm như thế. Các bà mẹ ngồi rủ rỉ với nhau những câu chuyện kín đáo, các trẻ con nô đùa dưới quán chợ, còn các bà già thì ngồi rũ tóc tìm chấy ngoài bóng nắng. Bác Lê đem thằng Hi, con Phún ra gọt tóc cho chúng nó bằng một cái mảnh chai sắc. Thằng cả ngồi đan lại cái lờ, còn những đứa khác chơi quanh gần đấy. Trong ngày hè nóng nực, con bác Lê đứa nào cũng lở đầu - bác ta bảo là một cái bệnh gia truyền từ đời ông tam đại - nên bác lấy phẩm xanh bôi cho chúng nó. Trông mẹ con bác lại giống một mẹ con đà gà, mà những con gà con người ta bôi

xanh lên đầu cho khỏi lẩn. Người phố chợ vẫn thường nói đùa bác Lê về đàn con đông đúc ấy. Bác Đồi, kéo xe, người vui tính nhất xóm, không lần nào đi qua nhà bác Lê mà không bảo:

- Bác phải nhớ thỉnh thoảng đếm lại con không quên mất.

Bác Lê bao giờ cũng trả lời một câu:

- Mất bớt đi cho nó đỡ tội!

Nhưng mọi người biết bác Lê quý con lắm. Tuy bác hết sức công bằng, người ta cũng thấy bác yêu thằng Hi hơn cả, nó là con thứ chín, và ốm yếu xanh xao nhất nhà. Bác thường bế nó lên lòng, hôn hít, rồi khoe với hàng xóm: nội cả nhà chỉ có nó là giống thầy cháu như đức. Rồi bác ôm con ngồi lặng yên một lát, như để nhớ lại chuyện gì đã lâu lắm.

Những đêm sáng trăng mùa hạ, cả phố bắc chõng ngồi ngoài đường vì trong nhà nào cũng nóng như một cái lò và hàng vạn con muỗi vo ve. Dưới bóng trăng, những đá rải đường trông đen và lấp lánh sáng. Đất hãy còn giữ cái nóng buổi trưa và bốc lên một cái mùi riêng lẫn mùi rác bẩn và mùi cát. Mọi người họp nhau nói chuyện, trẻ con nghịch chạy quanh các bà mẹ. Hình như quên cái cảnh khổ sở, hèn mọn, ai ai cũng vui vẻ chuyện trò, tiếng cười to và dài của người lớn xen lẫn với tiếng khúc khích của các cô gái chụm chụm sát nhau trong bóng tối. Người ta thấy tiếng bác Hiền nói vang, tiếng bác Đồi thuật lại buổi xe kiếm may mắn. Trong một căn nhà đưa ra tiếng võng và tiếng hát lạnh lạnh của bác Đồi gái, đã đem hết tiền buổi xe kiếm được của chồng vào hiệu Khách mua một cân táo tàu rồi nằm võng vừa nhai vừa hát bài trống quân:

*"Ngày xưa, có anh Trương Chi"*

\*  
\* \*

Mấy năm sau, sự kiếm ăn ngày một thêm khó khăn. Buổi chợ họp không đông đúc như trước và vẫn sớm. Những tiếng nói chuyện trong sương lúc mờ sáng của các người hàng xáo gánh gạo kiu kịt trên đê để đem xuống huyện bán, người ta không nghe thấy nữa. Cái đói kém đến chen lẫn trong phố chợ. Bác Hiền ngày nào cũng gánh hàng đi rồi lại gánh hàng về; còn thường thấy bác Đồi kéo cái xe không lảng vảng trong huyện và vợ bác cũng không hay nằm võng hát trống quân nữa. Bác Lê trong lúc ấy, đi khắp các nhà trong làng xin làm mướn, nhưng các nhà có ruộng không ai mướn; bác có làm không công, người ta cũng chỉ cho có nửa bát gạo, đùm bọc về không đủ cho ba đứa con ăn. Những ngày nhịn đói dần dần liên tiếp nhau luôn. Bác Lê thấy đàn con ngày một gầy còm; buổi chiều, bác mệt nhọc chán nản trở về, hỏi thằng cả xem có đánh được ít cá nào không, thì nó buồn rầu khẽ lắc đầu, trả lời rằng các hồ ao người ta đã cấm không cho nó thả lờ nữa.

Mùa rét năm ấy đến, giá lạnh và mưa gió lầy lội. Đàn con bác Lê ôm chặt lấy nhau, rét run trong căn nhà ẩm ướt và tối tăm, vì đèn đóm không có nữa. Mấy gia đình ở phố chợ đều đói rét, khổ sở. Nhưng mỗi nhà đều lặng lẽ, âm thầm mà chịu khổ một mình, không than thở với láng giềng hàng xóm, bởi vì ai nấy đều biết cũng nghèo khổ như nhau.

\*  
\* \*

Một buổi chiều, mà đàn con nhịn đói đã suốt buổi, bác Lê vá lại manh áo rét, gọi đứa con cả đến rồi bảo:

- ở nhà trông các em, tao vào ông Bá xem có xin được ít gạo nào không.

- Ban sáng u đã vào mà người ta có cho đâu; cậu Phúc lại còn bảo hể u vào nữa thì cậu ấy thả chó ra cắn.

Bác Lê đáp:

- Nhưng biết làm thế nào! Không có thì lấy gạo đâu ra mà ăn? Thôi, tao cứ liều vào lần nữa xem sao.

Nói xong, bác Lê mở cửa liếp ra đi. Trong lòng bác vẫn có chút hy vọng, tuy buổi sáng, lúc vào xin gạo, ông Bá đã đuổi mắng không cho. Bác nhớ lại cái cảnh sang trọng ảm cúng trong nhà ông Bá: những chậu sứ, câu đối thiếp vàng sáng chói. Không lẽ ông Bá giàu có thế mà không thí cho mẹ con bác được bát gạo hay sao?

ở nhà, đàn con bác ngồi nhìn nhau, đợi trong ổ rơm. Bác đi đã lâu mà không thấy về. Thằng Hi lắng tai nghe tiếng chó cắn trong làng, rồi bảo chị nó:

- Hình như u về đây, chị ạ.

Thằng Lê đi lại bên cửa liếp nhìn ra ngoài.

Bỗng có tiếng chân người rầm rập, đèn tiếng gọi, rồi lũ trẻ thấy bác Đồi và một người nữa khiêng bác Lê vào trong nhà. Trên bắp chân người mẹ, máu đỏ chảy ròng ròng.

Thằng Lê hiểu ngay mẹ nó bị chó ông Bá cắn. Bác Đồi đặt người bị thương xuống chiếu rồi ra đi, sau khi dặn:

- Bây giờ bác lấy lá lót mà rịt cho nó cầm máu. Chó Tây cắn thì độc lắm đấy.

Khi bác đi khỏi, lũ trẻ xúm quanh lấy mẹ. Thằng Hi vừa mếu máo vừa hỏi:

- U làm sao thế u?

Bác Lê nén cái đau, giảng cho con biết:

- Thật cậu Phúc ác quá! Đã không cho thì thôi, lại còn thả chó ra đuổi; tao đã chạy mà không kịp, nên nó cắn phải. May gặp bác Đồi, chứ không biết bao giờ mới lê được về đến nhà.

Bác ngừng lại nhìn đàn con ốm yếu, rồi thở dài:

- Thế là mẹ con biết lấy gì mà ăn cho đỡ đói bây giờ?

Thằng Hi òa lên khóc, con Tý cũng khóc theo. Bác Lê giơ tay ra ôm chúng nó vào lòng, rồi nghĩ thương thân phận mình, bác cũng ứa nước mắt.

Đêm ấy, bác Lê lên cơn sốt. Những cái rùng mình lạnh lẽo nổi nhau lướt trên da bác, manh chiếu rách không đủ đắp ấm thân. Trong lúc mê sảng, bác Lê tưởng nhớ lại cả cuộc đời mình, từ lúc còn bé đến bây giờ, chỉ toàn những ngày khổ sở, nhọc nhằn. Cái nghèo nàn không biết tự bao giờ đã vào nhà bác, lúc sinh ra bác đã thấy nó rồi; và từ đấy, nó cứ theo liền bác mãi. Nhưng giá cứ có người muốn làm thì cũng không đến nỗi. Bác nhớ lại những buổi đi làm khó nhọc, những lúc vui vẻ được lĩnh gạo về cho con, những bữa cơm nóng mùa rét, những lúc thằng Hi và con Tý vui đùa giăng co chiếc bánh bác mua cho chúng.

Rồi đến những ngày đi mót lúa mỗi lưng trên cánh đồng, nhặt những bông lúa thơm, những lúc vò lúa dưới chân... Bác Lê nhớ lại cái cảm giác vui mừng khi thấy cánh bông lúa sắc xát vào da thịt. Đây còn là những ngày no đủ. Rồi đến những buổi chợ vắng, những ngày nhịn đói như hôm nay. Bác mơ màng thấy

vàng son chói lọi trong nhà ông Bá, thấy nét mặt gian ác và tinh nghịch của cậu Phúc, con chó Tây nhe nanh chồm lên...

- Trời ơi! Sao tôi khổ thế này...

Tiếng kêu thất thanh của bác làm giật mình lũ trẻ, chúng nó ngồi dậy đưa mắt sợ hãi nhìn người mẹ.

Hai hôm sau, bác Lê lại lên cơn mê sảng rồi chết.

Người trong phố chợ gom góp nhau mua cho bác một số ván mọt, rồi đưa giúp bác ra cánh đồng, chôn vào bãi tha ma nhỏ ở đầu làng.

Khi trở về, qua căn nhà lạnh lẽo âm u, họ thấy mấy đứa con nhỏ bác Lê ngồi ở vỉa hè, con Tý đang dỗ cho thằng Hỉ nín khóc, nói dối rằng mẹ nó đi một lát sẽ về. Nhưng họ biết rằng bác Lê không trở về nữa. Và họ thấy một cái cảm giác lo sợ đè nén lấy tâm can họ, những người ở lại, những người còn sống mà cái nghèo khổ cứ theo đuổi mãi không biết bao giờ dứt.

**Tập truyện ngắn "Gió đầu mùa",  
Nxb Đời nay, Hà Nội 1937.**

# Trong Đêm Khuya

**Nguyên tác : Varlam Shalamov**

**Người dịch : Tâm Minh Ngô Tằng Giao**

Varlam Shalamov sinh vào khoảng năm 1907 và mất ngày 17 tháng 1 năm 1982. Tác giả thường viết những truyện ngắn mô tả về cuộc sống trong các trại tù.

Truyện sau đây được chuyển ngữ từ bản dịch tiếng Anh của John Glad với nhan đề "In The Night"

**B**ữa ăn tối vừa xong. Glebov chậm rãi liếm sạch cái chén rồi vét những mẩu bánh vụn trên bàn vào trong lòng bàn tay trái một cách lành nghề. Hắn không nuốt ngay. Hắn ngậm những mẩu bánh nhỏ xíu đó trong miệng lẫn với bao nhiêu nước miếng để rồi cảm nhận vị bánh một cách thêm thõng. Glebov cũng chẳng có thể nói là bánh ngon hay không nữa. Vị giác là cái quái gì, đâu đáng được mang ra để mà so sánh với cái khoái cảm của hắn lúc này. Glebov không vội vã nuốt bánh xuống làm chi, để yên đấy, bánh sẽ chậm chậm tan dần trong miệng và lệ làng biến mất đi mà!

Cặp mắt sâu hoắm của Bagretsov sáng lên và nhìn trừng trừng mãi vào miệng Glebov. Chẳng anh chàng nào có đủ nghị lực quay đầu đi mà không ngoảnh chăm chăm vào miệng bạn mình khi cái miệng đó đang ăn. Glebov nuốt nước miếng xuống và Bagretsov lúc đó mới chịu lập tức quay nhìn ra phía khác, ra phía chân trời nơi mặt trăng vàng lớn đang lừng lững mọc lên.

"Tối giờ rồi!", Bagretsov nói. Họ chậm rãi đi dọc theo lối mòn dẫn tới một tảng đá lớn và trèo lên khoảng đất trống nhỏ ven đồi. Mặc dù mặt trời vừa mới lặn đây thế mà mấy tảng đá đã lạnh ngắt rồi, chính mấy cái tảng đá này ban ngày nóng bỏng đến cháy cả gót chân trợ trụ của họ đi trong đôi dép cao su. Glebov cài nút áo khoác dày. Đi như vậy mà người cũng chẳng ấm lên được. Hắn hỏi khê: "Còn xa nữa không?"

"Chút nữa thôi!", Bagretsov thì thào trả lời. Họ ngồi xuống nghỉ. Họ chẳng có chuyện quái gì để nói hay để suy nghĩ cả. Mọi việc đều đã rõ ràng và đơn giản. Trong một chỗ đất phẳng phiu ở cuối cái bãi trống này là những đồng đá mà người ta đã đào từ dưới đất lên để lẫn với rêu đã tróc ra khô queo.

"Tớ làm chuyện này một mình cũng dư sức mà!", Bagretsov nở một nụ cười nhăn nhúm. "Nhưng hai đứa mình cùng làm thì vui hơn. Hơn nữa tớ lúc nào cũng coi cậu là bồ tèo...". Cả hai anh chàng đồng hội đồng thuyền này cùng được chuyển vào nơi đây mới năm ngoái thôi.

Bagretsov ngừng lại: "Cúi xuống không tụi nó trông thấy chúng mình đấy!". Họ nằm xuống và bắt đầu liệng những cục đá sang một bên. Chẳng có cục đá nào quá to để đến nỗi phải cần hai người xúm lại khiêng vì những kẻ chắt đá sáng nay cũng không khỏe gì hơn Glebov.

Bagretsov khê chữ thề. Hắn bị đứt tay và chảy máu. Hắn đắp chút cát vào vết thương, xé một miếng giẻ trên áo khoác và buộc vào chỗ bị thương nhưng máu vẫn cứ rỉ ra. "Máu loãng, khó đông!", Glebov nói tỉnh khô. "Này! Bồ là bác sỹ đấy à?", Bagretsov hỏi, miệng mút vết thương.

Glebov lặng thinh. Cái thời mà hắn còn làm bác sỹ có vẻ như xa xôi lắm rồi, dường như không phải là chuyện có thực nữa? Luôn cả cái thế giới ở phía bên kia núi đồi, bên kia biển cả hầu như cũng không có thực nữa, nó mờ mờ mịt mịt như trong giấc mộng vậy. Chỉ còn những ngày giờ, những giây phút từ lúc ngóc đầu dậy bởi tiếng keng báo thức buổi sáng cho tới khi hùng hục "lao động" xong công việc hàng ngày mới là có thực mà thôi. Hắn chẳng muốn nghĩ ngợi gì thêm, chẳng còn hơi sức đâu để nghĩ. Mà cũng chẳng còn ma nào muốn nghĩ ngợi gì thêm nữa.



Hắn không biết được quá khứ của những người xung quanh, mà cũng chẳng muốn biết làm gì! Bởi thế nếu ngày mai đây cái anh chàng Bagretsov này mà có tự tiết lộ rằng y là một ông tiến sỹ hay một ông tướng tàu bay gì đi nữa thì Glebov cũng tin ngay, chẳng cần suy nghĩ gì thêm. Chính Glebov có thực sự từng là thầy thuốc không nhỉ? Chẳng phải hắn chỉ mất tiêu đi cái thói quen suy xét sự việc mà còn mất luôn ngay cả cái thói quen quan sát sự việc nữa.

Glebov nhìn Bagretsov mút máu ở đầu ngón tay nhưng không nói gì. Mọi việc thoáng qua, hắn nhận thức thấy nhưng không thể tìm ra và cũng chẳng muốn tìm ra lời giải đáp. Cái ý thức còn sót lại trong hắn - có lẽ không còn là cái ý thức của con người nữa- nó rất phiền diện và giờ đây chỉ nhắm vào một mục tiêu mà thôi, đó là làm sao khuân những tảng đá ra càng nhanh càng tốt.

"Có sâu không?", Glebov hỏi khi họ tạm nghỉ tay. "Sâu thế quái nào được?", Bagretsov trả lời. Và Glebov nhận thấy câu hỏi của mình thật là vớ vẩn, cái hồ này tất nhiên chẳng thể sâu được.

"Nó đây rồi!", Bagretsov nói. Y vươn tới và đụng vào một ngón chân người. Một ngón chân cái thò ra từ phía dưới những tảng đá, nhìn rõ mồn một dưới ánh trăng. Cái ngón chân khác hẳn các ngón chân của Glebov và Bagretsov, không phải chỉ khác vì nó cứng ngắt và hết sinh khí; về cái khoản này thì ngón chân người chết cũng chẳng khác ngón chân người sống bao nhiêu. Nó khác vì móng chân của cái ngón chân người chết đó đã được cắt gọn ghẽ, và ngay chính cái ngón chân đó thì đầy đặn và mềm mại hơn ngón chân Glebov. Họ vội vã vớt những tảng đá còn chất đống ở trên xác chết qua một bên.

"Tên này còn trẻ mà!", Bagretsov nói. Cả hai kéo lê cái xác chết ra khỏi huyết. "Tên này to con và phốp pháp quá à!", Glebov vừa nói vừa thờ hỏn hển. "Nếu tên này không mập ú như vậy thì tội nó đã chôn hắn theo cái kiểu tội nó thường chôn anh em mình rồi và chúng mình đâu còn lý do gì mà tới đây hôm nay nữa", Bagretsov nói.

Họ kéo cho cái xác chết nằm dài dưới đất rồi lột chiếc áo ra. "Bồ thấy không, cái quần đùi này gàn như mới tinh đấy!", Bagretsov nói một cách mãn nguyện. Glebov dấu cái quần lót vào trong áo khoác.

"Tớ nghĩ bồ mặc nó vào thì hơn!", Bagretsov nói. "Không! Tớ không thích mặc đâu!", Glebov làm bằm. Họ khiêng cái xác chết đặt lại vào trong mộ huyết và khuân đá chất kín lên trên.

Mặt trăng đang mọc. Ánh trăng xanh tỏa sáng phủ lên những tảng đá và lên cả khu rừng thưa khiến đá và cây cối có một vẻ đặc biệt nhìn không giống lúc ban ngày. Mọi vật đều tỏ ra hiện hữu, có thật, nhưng khác hẳn lúc ban ngày. Đường như vũ trụ đeo vào một bộ mặt thứ hai, một bộ mặt về đêm. Glebov cảm thấy cái quần lót của người chết nhét trong áo khoác của hắn giờ đây ấm áp, không còn lạ lẫm nữa.

"Tớ thèm rít tí khói quá!", Glebov mơ màng nói. "Ngày mai sẽ hút!". Bagretsov mỉm cười. Ngày mai họ sẽ bán cái quần lót đi, đổi lấy bánh, và có lẽ ngay cả kiếm được chút thuốc lá nữa không chừng...

## Mèo đến

(Trích "Chung Cư")  
Trần Văn Tuấn

**C**on mèo hoang từ nơi nào đến đây, không ai biết. Nó đã mang đến đây nhiều chuyện vui, buồn. Nói đúng ra, những chuyện đó đã xảy ra ở cái chung cư cao tầng, kiến trúc, thiết kế theo kiểu khách sạn Mỹ vương thành sắc cạnh, một cái hộp hình chữ nhật lớn chứa nhiều cái hộp nhỏ có 63 hộ ở này cùng lúc với sự xuất hiện của con mèo.

Đầu tiên là chuyện mất điện. Cả một thời gian dài, có đến gần 10 năm sau ngày giải phóng 30-4-1975 chuyện điện ở đây là điều vặt, nhưng cần đề ý, gần như xài điện chùa. Sau đó, việc thu tiền điện được thực hiện khắt khe, người ta cũng không quan tâm lắm, vì tiền đóng chẳng là bao. Tới khi Sở điện qui định giá điện mới thì số tiền phải đóng cho từng nhà không còn là chuyện nhỏ nữa. Chung cư chỉ có một đồng hồ. Tiền điện bỏ theo đầu người. Hợp tổ dân phố chung cư đã nhất trí như vậy. Thực hiện gần 2 năm, không ai có ý kiến gì. Nhưng rồi, theo cơ chế thị trường, cư dân chung cư có sự xáo trộn, người đi, người đến, người bỗng nhiên giàu lên và, chị Chín Rơm đòi phải tính lại tiền điện, không đồng ý việc chia theo đầu người. Chị đồng ý nói: "Người không thể dùng tay bốc điện mà ăn được. Xài điện nhiều hay ít là do đồ điện trong nhà. Nhà tôi nghèo, đâu có nhiều đồ điện cao cấp như máy giặt, máy lạnh như nhà khác. Chia điện theo đầu người là không công bằng, là dìm chết dân nghèo".

Chị Chín Rơm còn đưa ra những con số đồ điện trong từng hộ để chứng minh cho sự thật "nhiều hộ ít người nhưng xài điện nhiều". Chị còn nói đến những hộ làm nước đá lựu, sản xuất sữa chua, kem chuối... đã trốn thuế lại không phải đóng tiền điện. Chị tuyên bố đánh thép: "Đây là tiêu cực! Đây là bất công, "thằng công làm cho thằng ngay ăn". Không tính lại, tôi không đóng".

Phản ứng của chị Chín Rơm được nhiều người ủng hộ. Nhưng cũng có không ít hộ bảo vệ cho phương án "chia điện theo đầu người". Họ bảo: "Nhà có nhiều đồ điện nhưng chưa chắc đã xài nhiều điện. Xài điện nhiều, ít là do người, các đồ điện không có chân, tay, tự động cắm vào ổ điện được". Dẫn đầu nhóm người bảo vệ phương thức "chia điện theo đầu người" là cô Đoan Trang, vợ mới cưới của ông cán bộ nhà máy in, ở căn hộ trên tầng 5. Cô Đoan Trang lớn lên từ góc chợ vỉa hè, từng chạy hàng bỏ mối cho các sạp "chạp phô", chạy áp phe, thu mua giấy vụn... nên miệng lưỡi nhanh nhẹn, bốp chát, ai cũng ngán. Thế là chị Chín Rơm và cô Đoan Trang đối đầu nhau, cuộc khẩu chiến ác liệt đã diễn ra ngay ở nhà giữ xe, tầng trệt. "Đành rằng là thế, đồ điện không có tay chân, nhưng sắm đồ về làm gì? Không nhẽ để thờ!". Chị Chín Rơm tuy là nhân viên gấp báo đóng xén ở nhà in nhưng do thường đọc báo, ít nhiều cũng tiếp thu được khẩu khí của giới phóng viên, nên cũng tỏ ra có lý luận sắc sảo.

"Không thờ nhưng cũng không dùng, hoặc chưa dùng, hay dùng rất ít. Như tivi, đầu máy video, có nhà mở suốt ngày đêm, lại thêm cả cái lương cát-xét nữa, nhưng cũng có nhà chỉ mở có một giờ trong ngày. Người ta xem những thứ nghệ thuật, có chọn lọc chứ đâu xem triền miên hồ lớn thứ hàng sến, hàng dỏm".

Chị Chín Rơm biết cô Đoan Trang cạnh khỏe xỏ xiên mình, cười nhạt bảo: "Đầu máy cũng không tốn điện bằng bàn ủi. Người ta là ca sĩ mà chỉ ủi quần áo có một lần trong ngày, có

người là thứ nhân viên đánh máy quèn lại ủi tới 3 lần, diêm dúa ló lổ như gái nhà hàng, nom dơ lắm...

Cô Đoan Trang nóng mặt, xô xe, chống nạnh, cong cớn, và ngôn ngữ hàng chợ xỏ ra: "Này, tôi nói cho chị hay, người ta mặc gì thì kệ người ta. Chồng người ta mua quần áo về cho người ta mặc. Người ta mặc để chồng người ta vui, hà có gì chị chỗ mồm vô".

Chị Chín Rơm sôi tiết, con lưu manh đầu đường xó chợ, một bước lên bà này dám xia xối chị về chuyện chồng con - một nỗ đau nhức nhối của chị hơn 10 năm nay. Chị rít lên:

- Chuyện chồng con các người già trẻ, xấu tốt thế nào đây không thèm nói. Đây chỉ nói về chuyện xài điện. Đừng có giờ thối đầu đường xó chợ ra đây. Đây không ngán sợ thằng nào con nào hết!

Tình hình căng thẳng, có khả năng chiến tranh nắm tóc cào nhau xảy ra, nên ông trung tá pháo binh nghỉ hưu làm thường trực, giữ xe phải ra tay can thiệp. Ông có cái còi từ thời xa xưa, huấn luyện tân binh, lúc nào cũng đeo tồn ten trước ngực. Cái còi ấy giúp ông nhiều việc lắm. Có lần, nhờ có chiếc còi, ông bắt được một tên trộm móc túi ở bên xe. Tên trộm chạy, ông thổi còi "toét" một cái. Tên trộm hãi quá, tưởng công an rượt theo, đứng lại, giơ tay xin hàng...

Ông thường trực nhảy vô giữa hai người đàn bà hăm hăm sát khí, thổi còi "toe" một cái, hai tay dang thẳng giống như trọng tài trên sân bóng đá thổi phạt hai cầu thủ chơi xấu nhau.

Hai người dắt xe đi, hăm hứ, lườm nguýt nhau. Chung cư chia làm hai phe, xỏ xiên, công kích nhau. Phe chống đối việc thu tiền điện phân bổ theo đầu người nhất định không đóng tiền điện nữa. Ban quản lý dọa mấy cũng không được, đành chịu thua, thâm kê sự đời... Ba tháng không đóng tiền điện, Sở điện đến cắt điện, chung cư không có điện, tới đến các nhà như hang, động le lói ánh đèn dầu.

Ngày đêm cắt điện, một biến cố hải hùng đã xảy ra. Khoảng 10 giờ đêm, cả tầng 2 và 4 náo loạn vì tiếng kêu cứu của chị Chín Rơm: "Bớ người ta, cứu tôi"... lúc đó, hầu hết mọi người đều chưa ngủ, nên nhanh chóng ủa ra, cấp cứu kịp thời. Với nhiều ngọn đèn dầu hôi xúm lại, đủ thấy rõ sự khiếp đảm của chị Chín Rơm. Chị ngã ngồi, dựa lưng vô tường, tay thu lên ngực giữ chặt khuy áo, hai chân khóa chặt lại, co quắp như thể đang chống lại một sự cưỡng hiếp...

Chị Chín Rơm lấp bắp, run rẩy: "Có kẻ nào đó định cưỡng bức tôi". Người ta yêu cầu chị kể lại sự việc cho rõ ràng, chị bảo: "Tôi không nhớ gì cả. Chỉ thấy một bóng trắng mờ vượt qua, chạm vào ngực tôi. Thế là tôi ngã xuống và la lên".

Nơi chị ngã kêu cứu lại ở gần cửa nhà Ba Tỷ, một thanh niên, cao, to, đẹp trai mắt xanh, tóc quăn như dân tây, làm nghề lái xe taxi mới chuyển về. Thường thường Ba Tỷ chạy xe đến nửa đêm mới về, ít khi ngủ trước 12 giờ đêm. Hôm ấy, anh ta mới trúng quả đậm, đưa khách sộp người Mỹ đi Đà Lạt về, nhậu một trận toại bời ở nhà hàng "ốc biển" rồi về nhà ngủ lúc 9 giờ tối. Ba Tỷ mặc quần xà lỏn, cởi trần, ngái ngủ, mở cửa, thấy đông người, đèn đuốc ló nhố, lại có nhiều đàn bà con gái nên vội vã đóng cửa lại. Mọi người nghi Ba Tỷ, gặng hỏi chị Chín Rơm:

- Có phải cái thằng tây lai chạy xe taxi đấy không?

Chị Chín Rơm càng run rẩy hơn, lấp bắp, ấp úng: "Tôi không biết, tôi không thấy rõ người ấy!".

Ông trung tá pháo binh về hưu khẳng định: "Đúng là nó rồi, thằng khốn kiếp. Người ngợm nó chân dằn, lăm xương nhiều thịt đến thế kia mà. Phải nện cho nó một trận"...

Có người phân vân: "Không thấy rõ mặt, làm sao có thể kết tội người ta!" Ông trung tá nói: "Trời tối thế này, làm sao có thể thấy ai với ai được. Nó vừa thò cổ ra, thấy mọi người hãi, nên lại đóng cửa. Để tôi lôi cổ nó ra đây. Dám làm loạn hả!".

Tòa án được thành lập ngay tại hành lang, trước cửa nhà Ba Tỷ. Chẳng đợi ông trung tá đập cửa, Ba Tỷ đã mở cửa đi ra, mặc bộ pijama sọc, trông lừng lững, hơn hẳn mọi người một cái đầu. Anh ta cười toe toét hỏi ông trung tá: "Có chuyện gì vậy, thưa trung tá".

Ông trung tá lúng túng, định đưa còi lên miệng thổi. May mà ông dừng lại được. Có lẽ sự ngờ vực của ông đã bị thui chột. Thái độ tự nhiên của anh ta làm ông phân vân, khó xử. Dầu sao, đã ở thế "leo lên lưng cọp" rồi, không thể xuống thang được, ông dẫn giọng:

- Chị Chín bị ai đó có ý đồ xấu, ở ngay gần cửa phòng anh.

Ba Tỷ nhìn chị Chín, ngờ vực hỏi: "Xấu là thế nào? Trán lột hả?"

Ông thường trực dậm chân, phẩy tay tức tối: "Không phải là trán lột mà là... là định cưỡng hiếp"...

Ba Tỷ cười hô hô, rất chi là sàm sỡ, oang oác nói: "Trời đất quỷ thần ơi, chỉ có người điên mới làm chuyện đó ở đây, ngay hành lang trước cửa nhà người ta. Mà nhà này tôi dám chắc là không có ai điên".

Giọng cười của Ba Tỷ làm cho mọi người khó chịu hơn, gắt: "Từ tối đến giờ, anh đi đâu, làm gì?". Ba Tỷ vẫn hồn nhiên, giả lả: "Hóa ra sếp và mọi người nghi tôi. Làm sao tôi có thể giải thích cho mọi người biết tôi ngủ và mơ thấy một nàng tiên kiều diễm ở xứ sở Hoa Hồng nhỉ? Nhưng thôi, trước hết tôi muốn nghe chị Chín kể lại sự việc đã". Thấy Ba Tỷ đến gần mình chị Chín Rơm đột nhiên nổi giận, đứng phắt dậy, sùng sộ nói: "Không có gì phải kể cho mọi người nghe nữa. Tôi bị vấp té. Hết".

Chị lao lên cầu thang, ào một cái. Biến mất. Mọi người chưng hửng, sững sờ. Lại sàm soi nhìn Ba Tỷ. Ba Tỷ cười hì hì: "Các vị yên tâm, tôi không làm chuyện đó đâu. Nếu cần đàn bà, tôi có nhiều lắm, chỉ cần xì ra vài đô là có em đầy đả phốp pháp ngay". Ai đó nói: "Ba Tỷ nói phải đấy. Chưa biết chừng chị Chín yếu tim, hoa mắt đăm phải tường, rồi tường..."

Ông thường trực hài lòng, bảo: "Chắc là Chín Rơm không quen bóng tối, hãi quá, thần hồn nát thần tính, chứ nhà này không thể có kẻ bạo dân".

Đầu còn chút hồ nghi nhưng mọi người đều cảm thấy yên tâm, ai về phòng nấy, đóng cửa cẩn thận.

ấy là nói cư dân từ tầng 4 trở xuống, biết hoặc có chứng kiến vụ chị Chín Rơm kêu cứu. Còn cư dân tầng 5 trở lên thì xôn xao bàn luận về chuyện ma xuất hiện ở nhà cô Đoan Trang.

Cô Đoan Trang kể lại chuyện ma gấp gáp, hồi hộp nhưng vẫn rõ ràng, và sẵn sàng lặp lại nguyên văn cho từng người nghe.

"Ông xã nhà tôi đi công tác nước ngoài, nhà chỉ có một mình. Tôi đang mơ màng ngủ, chợt nghe tiếng gầm rít hết sức quái đản, tiếp đó lại là tiếng rên hừ hừ đau khổ, u uất. Rồi tôi thấy cái giường "mô đực" của tôi như bị chao đảo, lắc qua lắc lại và có tiếng kêu "trả đầu cho tôi". Tôi hé mắt nhìn, thấy hai đầu sáng xanh lè phát ra từ chỗ bàn thờ ông Địa. Rồi cái giường "mô đực" của tôi như bị dựng lên. Tôi kinh hãi lắm, không dám nằm nữa, phải đốt đèn, thắp nhang, cầu trời khẩn phật phù hộ tai qua nạn khỏi, cho tới sáng". Cư dân chung cư lại chia làm hai phe khác biệt nhau. Phe này bảo có ma. Phe kia nói không thể có ma. Đứng đầu phe có ma là bà Tư Rêu (tên Rêu là tên khai sinh, sau đó bà đổi nhiều tên, toàn là Lan, Ngọc, Hạnh, Tuyết... cuối cùng, khi về già bà lại lấy tên Rêu), một bà mẹ chồng khát khe với con dâu, từ ngoài Trung vô. Trước đây, có một thời, do giận hờn chồng, con bà lên chùa núp bóng Phật, xa lánh sự đời. Không hiểu sao, sau khi ra chùa, bà càng để ý đến chuyện đời hơn và bà luôn tự hào về con mất tình đời "con ruồi bay qua cũng biết con đực, con cái" của bà. Không biết bà sẵn tin ở đâu, tra cứu tư liệu chỗ nào, mà nhất quyết nói rằng căn phòng, nơi vợ chồng cô Đoan Trang đang sống, trước năm 1975 đã xảy ra án mạng. Người chết là một người đàn bà. Kẻ sát nhân là người đàn ông "Già nhân ngãi, non vợ chồng" với chị ta. Tên giết người đầu độc nạn nhân, rồi nói là bị trúng gió chết bất đắc kỳ tử. Người đàn bà chết oan, tức tưởi, không siêu thoát được, lại không thể vượt biển sang Hoa Kỳ để đòi nợ máu nên phải lẩn quất quanh đây...

Phe bảo vệ thuyết "không có ma" đứng đầu là nhà sử học bất hạnh (vì hai lần lấy vợ đều bị vợ bỏ) phản bác lại bằng ngôn ngữ châm biếm, rằng: Có sao những năm qua, con ma nữ ấy không thấy xuất hiện. Hay là nó ngủ quên?

Nhà sử học bình thêm:

- Có lẽ nó vượt biên, bị đắm tàu, bị cướp biển bắt rồi phiêu bạt giang hồ cho đến giờ mới tìm lại được quê hương bản quán...

Cuộc khẩu chiến ở thế giằng co, bất phân thắng bại. Tuy nhiên, phe có ma xem ra có lợi thế hơn bởi một số thông tin về "bóng trắng" và tiếng động lịch kịch, tiếng cào cửa, tiếng rên, tiếng khóc... xuất hiện đêm sau ở tầng 5, 6 và 2.

Bà Tư Rêu bé nhỏ nhưng chắc khỏe. Đã tới tuổi 60 nhưng tóc bà còn đen lắm, rất ít sợi bạc, lên xuống cầu thang huỳnh huịch, nhanh nhẹn như con gái. Bà là người duy nhất không gửi xe đạp ở nhà trực, mà vác lên tận tầng 4 và chiếc xe đạp của bà là chiếc duy nhất trong chung cư có khóa. Bà Tư Rêu không bị lôi kéo vào cuộc tranh luận cho ra lý, ra lẽ như những người khác. Trước sau, bà chỉ nói: "Tôi nói đúng là đúng. Có ma tức là có ma!".

Ba ngày sau, chuyện ma mãnh ở tầng 7 và vụ chị Chín Rơm xẹp xuống vì thủ phạm đã được tìm ra. Người "phá án" vụ này là ông thường trực giữ xe của chung cư - người có tinh thần trách nhiệm cao, tự nhận phần bảo vệ trật tự an ninh chung cư về mình. Cũng cần nói thêm, từ ngày về hưu, ông hay bị những tiếng nổ thời chiến tranh quấy phá giấc ngủ. Trong tuần, ít nhất ông cũng bị hai đêm mơ thấy cảnh pháo nổ kề bên, tưởng chết, toát mồ hôi lạnh, tỉnh lại, hoặc tiếng đê pa "cắc" kế đó là tiếng rít "ét ét" xé tai, phải lăn qua để tránh... và rơi xuống đất. Đêm ấy, vào lúc 2 giờ sáng, ông mơ bị "pháo" dội xuống đầu, tưởng chết, tỉnh lại. Người có tuổi như ông ngủ đi đã khó, ngủ lại càng khó hơn. Bởi vậy, ông quyết chí điều tra vụ ma mãnh xuất hiện.

Ông pháo binh về hưu đã trải qua trận mạc trên nhiều chiến trường, chôn cất nhiều tử sĩ, chết đi sống lại đã từng, nên vững chắc niềm tin không có ma. Ông nghi có kẻ nào đó "dư

thừa sức lực" chọc phá người ta. Từng là lính trinh sát pháo binh, đo mục tiêu địch bằng dây dù nên "nghề trinh sát ban đêm" của ông thuộc loại "cao thủ". Ông biết cách đi không gây ra tiếng động, qua đèn không lộ bóng, biết ngủ, nghe tiếng người... Gần đến tầng 6, ông nghe tiếng cào cửa gấp gấp hỗn hỗn, và tiếng gầm gừ đau khổ, ầm ức. Ông thận trọng đi lên, thấy một vết trắng đang đập cửa nhà chị Lê Tuyết, vợ của anh Lê Bảo, kỹ sư cầu đường... Vợ chồng nhà này mới dọn đến đây ở vài ba tháng nay. Hồi đầu, ai cũng tưởng là hai cô cháu hoặc chị em. Chị Lê Tuyết phải đi gặp từng người suốt từ tầng trệt lên tầng 7 để thanh minh rằng chị là người "bị anh Lê Bảo săn đuổi với tình yêu lãng mạn sâu thẳm và dữ dội chưa từng có", rằng chị là người đa sầu, đa cảm lắm suy tư nên nét mặt có vẻ già dặn chứ thực ra chị mới có 35, vẫn còn kém anh Bảo 1 tuổi... Dần dần người ta cũng phải tin chị, vì hiếm có ai yêu thương vợ hơn anh chàng kỹ sư cầu đường ấy. Ngày nào đi làm về, trên tay anh cũng có một bó hoa nho nhỏ tươi thắm để tặng vợ. Lên xuống cầu thang bao giờ anh cũng ôm vai vợ dìu đi, âu yếm, thiết tha. Các bà vợ đều đem chuyện đó về răn dạy chồng: phải học người ta chứ! Chồng thế mới là chồng. Chị Chín Rơm tỏ ra khó chịu, bĩu môi, dài giọng bảo: "Tây chẳng ra Tây, ta chẳng ra ta. Nom bản thấy mẹ".

Lại nói chuyện ông pháo binh về hưu phát hiện ra vết trắng đang gõ cửa nhà chị Lê Tuyết. Ông bật đèn pin, chiếu thẳng vào kẻ ma quái và thấy đó chỉ là một con mèo trắng khá to.

Trong ánh đèn, con mèo trắng không tỏ ra sợ hãi và bỏ chạy như ông tưởng. Nó càng gào rú cuồng nhiệt và đập, cào cửa nhà chị Lê Tuyết mãnh liệt hơn. Ông pháo binh về hưu lao tới bắt mèo. Bởi tuổi đã cao, sức đã yếu, tay chân chậm chạp, lại chỉ có một tay nên việc bắt mèo của ông hết sức khó khăn vất vả. Trong khi đó, con mèo tràn trề sức lực, lại nhất quyết không chịu rời xa cửa phòng chị Lê Tuyết. Nó nhảy lên đầu ông, đập cửa phòng người ta, rồi xô đổ thùng rác ở dưới, làm vỡ chai bia bị vỡ và những vỏ lon sữa bò, lon bia, những thứ đồ phế thải khác vãi đồ tung tóe gây chấn động cả vùng.

Cư dân ở tầng 6 mở cửa ra xem. Đèn cây, đèn dầu ló nhỏ, nhấp nhোang. Tất cả đều đồng thanh kinh ngạc: "Gì thế này?" Ông pháo binh về hưu giật mình, giận người, hét lên: Ma của các người đây...

Dường như chị Lê Tuyết chỉ cần nghe tiếng người ở ngoài tông cửa chạy ra. Chẳng cần nhìn kỹ cũng biết chị đã trải qua cơn sợ hãi kinh hoàng. Và cũng với sự xuất hiện của chị, con mèo mà chị lao vút ra như một trái lựu đạn, cùng tiếng gào sung mãn hả hê. Con mèo trắng từ trên đồng gỗ tạp phế loại chất cao quá đầu người kêu lên mừng rỡ rồi phóng theo con mèo nhà chị Lê Tuyết. Chị Lê Tuyết hồn hỗn, lắp bắp: - ma... ma...

Ông thường trực nói cho chị biết, không phải ma mà là một con mèo trắng cào cửa nhà chị... Chị Lê Tuyết ngờ vực:

- Có sao nó lại đập cửa nhà tôi?...

Ông thường trực lúng túng:

- Chắc là nó ngứa móng vuốt, cào bậy bạ thôi...

Lệ Hồng, cô ca sĩ phòng trà, ở kế bên nhà Lê Tuyết tùm tùm cười, nói với chị Lê Tuyết:

- Lẽ ra chị phải mở cửa cho con mèo cái nhà chị ra sớm, chia duyên rẽ thúy như vậy là có tội.

Mọi người cười vui vẻ, như trút được gánh nặng. Chị Lê Tuyết cũng hiểu ra, sượng sùng, lỏn lẻn:

- Làm sao em biết được, anh Bảo nhà em đi công tác vắng, em sợ lắm!

Chuyện ma coi như đã xong. Nghi án về vụ chị Chín Rơm ở tầng hai cũng được giải tỏa. Cứ theo lời giải thích của Ba Tỷ thì vụ ma ở nhà cô Đoan Trang là do đám phim kinh dị, bạo lực, xã hội đen của Mỹ và Hồng Kông gây nên. Cô Đoan Trang ngốn phim kinh dị suốt ngày chủ nhật, có khi suốt cả đêm nên bị chuyện ma ám ảnh. Nghe tiếng "rên động tình" của mèo tường tiếng kêu đòi mạng, lại tưởng ra cảnh dựng giường, đuổi nhà... Còn đối với vụ chị Chín Rơm có phức tạp hơn một chút. Gã Ba Tỷ nhăn nhó cười, sảm sỡ bảo: "Tại chị ấy bỏ chồng đã lâu, tuổi chưa già, sức còn mạnh mẽ, lại thích xem cái lương, phim tình cảm suốt mướt, say mê với những mối tình lãng đãng khói sương, nên rất sợ chuyện bạo dâm bạo tình...". Gã còn ồm ồm bình thêm: "Cũng giống như sợ rắn vậy. Sợ thì vẫn sợ nhưng lại thích xem".

Lời nói Ba Tỷ đến tai chị Chín Rơm. Bão tố nổi lên ở cửa phòng Ba Tỷ lúc 5 giờ sáng. Chị Chín Rơm gần như muốn phá cửa nhà Ba Tỷ, đòi đập gãy răng và cắt lưỡi Ba Tỷ. Gã lái xe taxi hãi quá phải bám theo ống nước "tị nạn" nhà ông Lưu Văn Bi, ngoài 50 tuổi sống độc thân làm nghề sửa xe gắn máy ở lề đường trước nhà. Chị Chín Rơm canh me, truy đuổi Ba Tỷ suốt một tuần lễ, đòi ăn thua đủ.

Chị Chín Rơm lạnh lẽo tuyên bố:

- Nó đã xúc phạm tới tôi, tôi phải trừng trị nó...

Ông thường trực đề nghị đem Ba Tỷ ra kiểm điểm ở tổ dân phố. Chị Chín Rơm không chịu, bảo đó là việc riêng giữa chị và Ba Tỷ, phải giải quyết tay đôi. Cuối cùng, nhờ có sự trung gian hòa giải của ông Bi, chị Chín Rơm nguôi giận tha thứ cho Ba Tỷ. Người ta bảo ông Bi có uy tín cao đối với chị Chín. Giới phụ nữ trong chung cư thì thầm "hai người có tình ý với nhau". Cô Đoan Trang cả quyết "Không phải thế, do gã Ba Tỷ chạy cho chị Chín Rơm cái đồng hồ điện". Chuyện không biết thực hư thế nào, nhưng việc chị Chín Rơm làm hồ sơ xin đồng hồ điện riêng là có thật và điều này quả là một sự kiện gây chấn động lớn cho chung cư... Hai ngày sau, người của Sở điện đến tầng 3, lắp cho chị Chín Rơm một cái đồng hồ điện và chị Chín Rơm chia điện cho 3 nhà xung quanh trong đó có nhà ông Bi. Chị Chín Rơm vui vẻ, ồn ào suốt ngày: "Trăm sự cũng là do không có điện mà ra. Anh Bi nói thế, tôi nghĩ cũng phải. Chú Ba Tỷ cũng tốt, tháo vát, giúp chúng tôi có riêng đồng hồ".

Tầng 3 có điện. Các tầng khác nhanh chóng tụ họp, đoàn kết nhất trí làm đồng hồ điện riêng. Chung cư không còn phe có ma, không có ma, phe điện đầu người, điện đồ điện nữa mà lại chia ra thành từng nhóm theo tầng xung quanh cái đồng hồ điện.

Và, cái chuyện đồng hồ điện lại tiếp tục sinh ra những rắc rối mới.

**Trần Văn Tuấn**  
*trích "Chung Cư"*

# MÙA VỌNG và GIÁNG SINH

„Vinh danh Thiên Chúa trên trời, bình an dưới thế cho người thiện tâm“

Nguyễn Quý Đại Munich

**T**rước 2000 năm Chúa giáng sinh, các dân tộc trên thế giới đều có những ngày lễ khác nhau vào tháng 12. Ở Ägypten/ Egypt mừng sinh nhật Horus, Ấn Độ mừng chúa Ánh sáng (Lichtgotte), người La Mã cổ mừng ngày hội Saturnalien. Tất cả các quốc gia có nhiều lễ lộng lẫy riêng biệt. Năm 217 Đức Giáo Hoàng Hyppolist ngài chọn 25.12 là ngày Chúa giáng sinh và qua các mùa Vọng.

Mùa Vọng (Advent) đầu tháng 12, các trung tâm thương mại bán hàng Giáng sinh và năm mới, những cây thông bằng nhựa treo đèn màu, kết hoa đỏ, hình sao... trang điểm cho hàng quán thêm rực rỡ. Trước các công sở, hăng xưởng những cây thông kết đèn sáng lung linh. Mọi người đang mong chờ ngày Chúa giáng trần.

Danh từ Mùa Vọng bắt nguồn từ tiếng La Tinh "Adventus", có nghĩa là đến. Ngay từ thời Cựu Ước, nhân loại đã mong đợi Đấng Cứu Thế ra đời.. Đức Chúa cha đã để con Một của ngài là Chúa Giêsu Kitô xuống thế làm người tại Belem cách đây hơn 2000 năm. Ngài đến trong mùa nhiệm Giáng sinh của Giáo hội. Ngài đến để xét xử kẻ sống và kẻ chết. Ngài ban cho chúng ta những ân sủng.

Lễ Giáng sinh là ngày quan trọng, nên người ta thường dành thì giờ về sum họp gia đình, tặng quà trong đêm Thánh vô cùng, ăn «Réveillon». ở Đức nghỉ việc từ chiều 24, 25 và 26 tháng 12. Sau ngày Gáng Sinh những cửa hàng, siêu thị trở nên vắng lặng, các hàng bán pháo bông đủ loại cho đến chiều 30 tết. Nhiều người đi trượt tuyết ,đón giao thừa ở vùng núi cao, hay một thành phố xa lạ nào đó. Ngược lại người Việt theo phong tục Á Châu rất trọng 3 ngày Tết thường ở nhà đón xuân, vui chơi với gia đình, bà con họ hàng.

## Vòng hoa Mùa vọng

Vòng hoa mùa vọng có bốn cây nến mang màu của phụng vụ : 3 cây màu tím tượng trưng cho sám hối và một cây màu hồng dùng cho chúa nhật thứ 3, mùa vọng nói lên niềm vui như Thánh Phao lô kêu gọi: Hãy vui lên... vì Chúa đang đến! ánh nến tượng trưng cho sự chờ đợi và hy vọng vào ngày Chúa đến.Vòng hoa mùa vọng với cành lá xanh tượng trưng cho sự sống muôn đời. Hạt giống, trái hồ đào dùng để trang trí trên vòng hoa tượng trưng cho sự sống lại và những hoa trái tiêu biểu cho lương thực dồi dào của đời sống Kitô hữu.



Thứ bảy đầu tháng Adventsonntag đốt cây nến số 1, vào bữa ăn tối trong mùa vọng gia đình thường thắp nến.. Những cây nến này sẽ thắp trong suốt mùa Giáng sinh. 4 cây nến tượng trưng một trong bốn ngày thứ bảy tuần lễ đợi Chúa sinh ra đời. Vào đêm Giáng sinh, tất cả cành lá có thể đổi mới và đổi 4 nến màu thành nến trắng, tượng trưng cho Chúa Kitô. Vòng hoa mùa vọng với bốn cây nến cũng tượng trưng cho cuộc chiến của các Kitô hữu chống lại bóng tối của đời sống. Phong tục tốt đẹp này mới có từ thời gian gần đây. Thần học gia Tin lành Johann Wichern tại Hamburg vào năm 1838 đã thắp lên mỗi ngày trong mùa Vọng một cây nến và cắm trên một giá gỗ hình tròn.



Vào ngày lễ Giáng Sinh căn phòng rực sáng với ánh nến. Ánh sáng nến tượng trưng cho Chúa Kitô, ánh sáng trần gian. Các năm sau đó người ta trang trí bức tường nhà bằng những nhánh thông xanh. Năm 1860 người ta cũng trang trí khung gỗ tròn bằng những cành thông, 28 cây nến gom lại còn 4 cây tượng trưng cho 4 tuần. Và thế là vòng hoa mùa vọng được phát sinh. Đầu tiên phong tục này được các gia đình Tin lành thực hành, sau đó vòng hoa mùa vọng được treo trong nhà thờ Công giáo năm 1925 tại Köln. Từ năm 1935 các vòng hoa mùa vọng trong gia đình cũng được làm phép. Phong tục này đã phổ biến từ miền Bắc nước Đức và ngày nay đã lan truyền đến nhiều nơi trên thế giới.

Sinh hoạt thay đổi từ đầu tháng 12, tại Đức tất cả siêu thị thứ bảy mở cửa đến 20 giờ (khác Hoa kỳ mở cửa luôn cuối tuần). Các chợ (Weihnachtsmarkt/ Christkindlmarkt) không bán các loại hoa mai, hoa anh đào như chợ Tết Việt Nam dù có nhập cảng nhưng vì thời tiết lạnh các loại hoa đó không thể nở hoa..phần lớn trong mùa Giáng sinh và Tết có chợ bán thông xanh cao đến 2m50, (Weihnachtsbaum/ Christmas tree)

Ngày 6/12 nơi nhà trẻ, trường tiểu học, các siêu thị lớn Nikolaus/ ông già Noel thường xuất hiện phát kẹo cho trẻ em, Ông già Noel mang túi lớn bằng vải chứa kẹo chocolate, trái cây cho trẻ em và cả khách hàng kèm theo quảng cáo với những chiếc bong bóng tròn đủ màu, Ngày nay đôi khi các cô xinh đẹp làm Nikolaus hay làm một Thiên thần đi bên cạnh Ông già Nikolaus chống gậy



### Ông già Giáng Sinh Père de Noel /Nikolaus/ Santa Claus/Sinterklass/ Nikola

Hình ảnh quen thuộc nhất trong mùa Giáng Sinh là ông già Noel mà ai cũng biết. Ông mặc quần áo đỏ, đội mũ đỏ kiểu xứ lạnh, đi giày đen, tóc bạc phơ và râu trắng như tuyết. Nikolaus có từ thế kỷ thứ 3 sau Tây lịch. Ông chào đời tại quận Patara thuộc phần đất của Thổ Nhĩ Kỳ, sau khi được phong thánh mới có tên là Nikolaus. Từ 6 tháng 12 xuất hiện Nikolaus ,nhưng phải phân biệt Nikolaus và Weihnachtsmann.

Vào thế kỷ thứ 10 từ đời nữ Hoàng Thephanu gốc Hy Lạp, là vợ Hoàng Đế Otto II của Đức để nhớ thánh Nikolaus nên từ năm 1555 tại Đức người ta may áo quần màu đỏ, đội tóc trắng, mang râu, giả

làm Nikolaus ,hình ảnh Nikolaus xuất hiện trở lại với ý nghĩa mang tình thương đến với mọi người. Weihnachtsmann xuất hiện từ năm 1933 do quảng cáo của hãng Coca Cola. Hình ấy được thấy trên màn ảnh Tivi suốt mùa Giáng Sinh

Ông già Noel theo tiếng Pháp Père de Noel, tiếng anh Santa Claus, tiếng Hòa-Lan Sinterklass.Theo tài liệu trước khi được phong thánh ông Nikolaus là người giàu có, nhân từ. Vào đêm Giáng-Sinh, ông được Thiên chúa mặc khải, đem hết của cải riêng mình ban phát cho những người nghèo khổ và trẻ con. Ông biến những giấc mơ của họ thành sự thực, bằng cách mua quà bánh để biếu những kẻ nghèo khổ, mang lại cho họ những sung sướng bất ngờ.

Có tài liệu cho biết, ông già Noel được phong Giám mục vào thế-kỷ thứ 3 sau TL. Sau khi được phong thánh, Nikolaus trở thành người đỡ đầu của các thương nhân, thủy thủ và trẻ con. Ông qua đời vào ngày 6/12 không nhớ năm. Ngày 6/12 hàng năm để tưởng nhớ lại hình ảnh người đạo đức, giàu lòng nhân từ bác ái . Hình ảnh người mặc áo màu đỏ của Nikolaus thuở nào, đến từng nhà có trẻ con thăm viếng, chia bánh kẹo trong đêm Giáng Sinh.

Theo truyền thuyết ông già Noel trở lại trần gian, theo đường ống khói lò sưởi vào mỗi gia đình, để đồng tiền hay bánh kẹo vào trong chiếc vớ hay chiếc giày cho trẻ con treo gần giường ngủ hay lò sưởi, đem lại giấc mơ đẹp với tuổi thơ trong đêm Giáng Sinh. Bởi thế Cha mẹ thường mua quà bỏ vào đôi vớ để cạnh lò sưởi, lúc trẻ con thức dậy vui mừng với món quà của ông già Noel tặng. Phong tục này khuyến khích trẻ em nên làm điều thiện để được ông già Noel tặng quà

### **Đêm Thánh vô cùng / Heiligabend /silent night**

Chúa chào đời ngày 25 tháng 12 trong máng cỏ nghèo hèn đã để lại cho nhân loại lịch sử suy niệm, từ đó hàng năm tín đồ Thiên Chúa Giáo cử hành lễ Giáng Sinh rất long trọng khắp nơi trên thế giới. để tưởng nhớ ngày Chúa ra đời bên thành Bêlem/Bethlehem, trên phần đất nghèo nàn thuộc lãnh thổ Do Thái / Israel.

Sự nhập thể của Chúa Hài đồng trong máng cỏ nghèo đã có những hiện tượng lạ theo sự hướng dẫn của ngôi sao kỳ diệu, các vị vua vùng lân cận đã tìm đến hầu Ngài (trong lễ ba Vua). Mọi người trên thế giới đều thờ kính Ngài con một của Chúa cha đã xuống thế làm người và chịu chết trên cây Thánh giá .

Lễ Giáng sinh thường giống nhau, nhưng có sự thay đổi chi tiết tùy mỗi địa phương trên thế giới,tại VN các thành phố hay giáo phận Thiên Chúa Giáo thường cử hành Thánh lễ Giáng sinh vào đêm 24 tháng 12 hàng năm.

Trong vô số những bài ca, người ta còn nhắc nhở đến những bài thánh ca bất hủ, trở thành những bài ca quốc tế, dịch ra nhiều thứ tiếng. Trong số đó bài thánh ca "Đêm Thánh Vô Cùng" của nhạc-sĩ thiên tài người Áo là Franz Xaver Grubert (1787-1863). Năm 1840 nhạc-sĩ Franz Grubert là người đệm dương cầm cho Giáo đường nằm cạnh bờ sông Danube. Grubert báo cho Cha Sở Joseph biết rằng vào giờ chót đàn dương cầm hư, không thể sửa được, xin cha chọn bài hát khác không cần đệm dương cầm

Chính cha Josep viết liền lời thánh ca và nhạc sĩ Grubert phổ nhạc ngay tại chỗ. Đêm Giáng Sinh năm 1840, bài thánh ca Weihnachtslied "Silent Night/ Đêm Thánh Vô Cùng" ra đời và được hợp ca với một cây đàn nhỏ phụ họa. Đó là bài thánh ca bất hủ, lưu truyền đến bây giờ.

*„ Đêm thánh vô cùng giây phút tung bừng. Đất với trời xe chữ đông; Đêm nay Chúa con thần thánh tôn thờ. Canh khuya giáng sinh trong chôn hang lừa, ơn châu báu không bờ bến, Biết tìm kiếm của chi*

*đến. Ôi Chúa Thiên đàng cam mến cơ hàn, nhấp chén phiền vương phong trần, Than ôi Chúa thương người đến quên mình :bỏ vô chốn quê nhà lúc sinh thành. Ai ham sống trong lạc thú. Nhớ rằng chúa đang đền bù. Tình tử trên trời. Sông núi trên đời với Thánh Thần mau kết lời, Cao rao Hóa công đã khéo an bài . Sai con hiến thân mong cứu nhân loại. Hang chiến máng rêu tạm trú bốn bề tuyết sương mịt mù.. ,,*

Không phân biệt tôn giáo đêm 24/12 mọi người đều vui mừng ngày Chúa ra đời. Người Việt Nam mừng Giáng sinh như người Tây phương, sau khi dự thánh lễ, các gia đình công giáo Việt Nam vẫn giữ tục ăn "Réveillon" vào lễ nửa đêm, thời tiết ở Việt Nam ấm áp nên Thánh lễ đêm 24 đông người tham dự, người không theo Thiên chúa cũng đến nhà thờ, đường phố đông người „*dập dìu tài tử gia nhân, ngựa xe như nước áo quần như nêm*“ Ở Huế khu Phú Cam nhà thờ cao với ngôi sao lộng lẫy, hang đá sáng trưng tỏa ra từ những cây nến trắng. Đà Nẵng khu Thanh Bô, Đức Lợi phần lớn người Bắc di cư người ta lo lễ Giáng Sinh rất lớn. Thánh lễ cử hành trước nhà thờ Chánh toà trên đường Độc Lập rất trang nghiêm. Sài Gòn từ Vương cung Thánh Đường nhà thờ Đức Bà đến Dòng Chúa Cứu Thế nơi nào cũng đông người tham dự. Ngày xưa dù thời gian chiến tranh nhưng trên lý thuyết hai bên đều ngưng bắn để mừng Giáng sinh. Ở Đức đêm 24 là đêm của gia đình đường phố vắng lặng dưới bầu trời lạnh buốt cùng tuyết trắng .

Người Tây phương mừng Giáng sinh vào đêm 24.12 nhưng mỗi quốc gia có phong tục văn hoá khác nhau. Ngoại trừ Hy Lạp Griechenland/ Greece theo Cơ Đốc Giáo mừng lễ Giáng sinh vào ngày 6, ở Hy Lạp không có Nikolaus nhưng có Thánh Vassilius ,đêm mừng Một tết để quà tặng trước giường ngủ cho trẻ em. Armenien/ Armenia vào ngày 18/19 tháng giêng .

Từ thế kỷ thứ 8 người Đức đã đón mừng Giáng Sinh, đêm 24 họ đi Thánh lễ sau đó gia đình quây quần bên cây thông được kết đèn màu, hoa trái, dưới gốc thông là những gói quà để trao nhau, bữa ăn tối thường theo truyền thống có ngỗng quay, (Weihnachtsgans) các loại bánh Weihnachtstollen,Blättchen, rượu nho vv.. cây thông để đến ngày lễ Ba vua.

Miền New England dân chúng ăn tiệc mừng Giáng Sinh theo người Anh. Trong bữa ăn "Réveillon" nửa đêm, luôn luôn tổ chức trọng thể có một loại rượu đặc biệt, chế bằng nước trái cây ép với vài hương liệu Đông Phương như đinh hương đậu khấu và rượu nho. Thử rượu đặc biệt trên phải hâm nóng, uống như rượu saké của Nhật, để chống lại cái lạnh bên ngoài. Tại Đức cũng có loại rượu nho Gluehwein hâm nóng bán tại các chợ trong mùa Giáng sinh

Người Island mùa Vọng từ ngày 12 đến 24 mỗi ngày thường bỏ những món quà nhỏ trong giày tượng trưng quà của Nikolaus dành cho trẻ con. Chiều 24 bắt đầu bữa tiệc mừng Giáng Sinh, sau đó họ đi thăm nghĩa trang mang đến những tràng hoa và đốt nến trên mộ phần người thân, ở Ý Italy họ không dùng cây thông trang điểm cho mùa Giáng sinh, nhưng họ làm hang đá và ăn tiệc đêm 24. cho đến lễ Ba Vua 6.1, họ bỏ kẹo bánh vào chiếc vớ hay giày làm quà cho trẻ con. Người Tây Ban Nha Spanien/Spain và Bồ Đào Nha Portugal chỉ tặng quà vào lễ Ba vua. Hòa Lan Niederlande/ Netherlands từ 6/12 hàng năm họ tổ chức rước lễ lớn ở hải cảng Amsterdame và trong đêm giao thừa các gia đình mang ra đường đốt những cây thông (Christbäume) cùng với tiếng pháo tổng cựa nghinh tân. Vùng Đông âu giá lạnh như Schweden/Sweden mùa Giáng sinh cũng là ngày chí điểm (Sonnenwende/solstice) khởi điểm mùa Đông và Jul-Fest. Chiều 24 sau 15 giờ trời sẩm tối, quà tặng Giáng sinh là các con dê đực bằng rơm và lò sưởi họ đốt than củi từ 24.12 đến 6.1 chấm dứt giáng sinh vào ngày 13 cũng là ngày Thánh Knut. Họ ném những cây thông qua cửa sổ đó cũng là một phong tục .

Người Mỹ đoàn tụ gia đình ngày thứ năm cuối tháng 11 mừng Thanksgiving/ Danke schöne hàng năm, để tạ Thượng Đế tạ ơn đời và ơn người cùng ân phúc của trời đất, trong đêm Giáng Sinh mọi gia đình cũng tổ chức ăn uống, trao đổi quà tặng cùng những lời chúc tốt đẹp nhất cho Giáng Sinh và năm mới .

## Ngôi sao Giáng Sinh:

Các ngôi sao 5 cánh thường xuất hiện rực rỡ đủ màu sắc trong mùa Giáng sinh, các nhà thờ đều có treo vô số ngôi sao 5 cánh. Một ngôi sao to lớn được treo ở chỗ cao nhất của tháp chuông nhà thờ. Từ đó căng giấy ra bốn phía, có nhiều ngôi sao nhỏ, treo đèn lồng và kết hoa rất đẹp mắt.

Ngôi sao trong lễ Giáng sinh có ý nghĩa đặc biệt, theo truyền thuyết lúc Chúa vừa chào đời thì trên trời xuất hiện một ngôi sao rực rỡ. Ánh sáng tỏa ra mấy trăm dặm còn nhìn thấy. Từ các vùng phía Đông xa xôi nay thuộc lãnh thổ Iran và Syria, có 3 vị vua được mặc khải tin rằng cứ lần theo ánh sáng ngôi sao tìm tới chắc chắn sẽ gặp Chúa. Từ đó ba vị tìm theo sự dẫn đường của ánh sáng đến căn nhà nhỏ. Đúng như lời tiên tri của ông Simêong „*Hài nhi này sẽ trở nên ánh sáng soi cho muôn nước.*„ Theo tục Đông phương thăm với quà tặng Ba Vua quì lạy dâng lên Chúa Hài Đồng các phẩm vật trầm hương và châu báu vàng bạc.

Ngôi sao Holley trở thành biểu trưng ý nghĩa trong mùa Giáng Sinh và được treo chỗ trang trọng nhất ở các giáo đường, cơ sở tôn giáo trong đêm Giáng Sinh để nhớ đến sự tích trên. Do ý nghĩa ngôi sao còn tượng trưng cho phép lạ của Thượng Đế

## Cây thông

Mùa Đông lạnh lẽo chỉ có cây thông xanh tươi có thể sống với khí hậu băng giá. Để có sự hoà hợp con người và thiên nhiên từ năm 1660 người Đức dùng cây thông xanh tươi, có mùi thơm tràn đầy nhựa sống, trang điểm thêm đèn, các loại trái châu màu, ... ở nhà và nhà Thờ trong mùa Giáng sinh. Cho đến thế kỷ thứ 19 được thế giới biết đến.

## Hang đá và máng cỏ

Nguồn gốc dùng hang đá và máng cỏ trong lễ Giáng Sinh là do truyền thuyết Chúa sinh ra đời trong hang đá nhỏ, nơi máng cỏ của các mục đồng chăn chiên tại thành Bethlem. Để nhớ lại hình ảnh nghèo khổ của Chúa lúc mới ra đời, đem thân để chuộc tội cho nhân loại.

Đêm 24/12 các Giáo đường đều có hang đá với máng cỏ, bên trong có tượng chúa Hài đồng tượng Đức Mẹ Maria, chung quanh có những con lừa, các tượng Ba Vua một số Thiên thần, thánh Giuse trên mái nhà có ánh sáng, chiếu từ một ngôi sao hướng dẫn 3 vua tìm đến với Chúa. Mọi người đều hướng về Chúa nhân từ, cầu nguyện Chúa cứu rỗi cho nhân loại tránh bớt chiến tranh nghèo đói và độc tài

*„ Hát khen mừng Chúa giáng sinh ra đời Chúa sinh ra đời nằm trong hang đá nơi máng lừa. Trong hang Belem ánh sáng tỏa lan tung bừng nghe trên không trung tiếng hát thiên thần vang lừng. Đàn hát (réo rắt tiếng hát) xướng ca dư âm vang xa. Đây Chúa Thiên Toà Giáng sinh vì ta..Người hời (hãy kíp bước tới) Đến xem 8 nơi hang Be Lem). Ôi Chúa Giáng sinh khấn thấp hèn. Nửa đêm mừng Chúa giáng sinh ra chốn gian trần. Người đem ơn phúc xuống cho muôn dân lâm than... “*